

GIAI PHẨM

BÁCH KHOA



H°

3.88

TRẦN NGỌC NINH . VÕ PHIẾN * NGUYỄN VĂN HẦU .
BÌNH NGUYỄN LỘC * TRẦN VĂN TÍCH . TỪ MINH . VÕ
VĂN LÊ * LÊ NGHỊ . MINH ĐỨC HOÀI TRINH * TRẦN LÊ .
ĐÌNH HOÀNG SA * PHƯƠNG DUNG . TỬ DIỆP . THU THỦY

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

1.100đ.

2.100đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 500đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 195đ
— Ai-lao	: 40đ.	— Pháp	: 220đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 55đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu	: 245đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 120đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 270đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. D.T. 25.539.

B Á C H K H O A

G.P.K.D. số 188/PTUDV/PHBCNT/
KSALP/GP ngày 14-3-1973

H*

VÕ PHIẾN từng khối bên nhau	15
BÁCH KHOA đàm thoại với Võ Phiến và Nguyễn Cao Đàm về Giải Tuyên dương Sự nghiệp...	19
NGUYỄN VĂN HẦU kêu tên cho đúng	23
TRẦN VĂN TÍCH một vài danh-vừ Y-học Đông Tây trong Việt-ngữ	33
BÌNH NGUYỄN LỘC bộ đời miền Nam đã lên lão làng : 90 tuổi	39
TỪ MINH Lyndon Baines Johnson, con người tâm thường hay vĩ đại?	47
MINH ĐỨC HOÀI-TRINH lá thư Vạn tượng	57
TRẦN LÊ Tết Quý Sửu ở tỉnh (Bút ký)	63
VÕ VĂN LÊ khi em về (thơ)	70
LÊ NGHỊ bầu xuân (thơ)	70
ĐÌNH HOÀNG SA mỗi mùa xuân đi qua (thơ)	71
SINH HOẠT	
TỪ MINH thời sự thế giới	77
TỪ DIỆP thời sự khoa học	85
Hình bìa : « Đôi bạn » của Nhiếp ảnh-gia NGUYỄN CAO ĐÀM	
Trình bày : Họa-sĩ VĂN-THANH	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ : 160\$ Công số : 200\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 15\$ mỗi số

Sách nhận được trước 1-3-72

Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Triết lý đối chiếu của Nguyễn-Đặng Thục do Nhị Khê xuất bản và gửi tặng. Sách dày 250 trang gồm 8 chương, từ Văn hóa Đông Tây đến Triết học đối chiếu, Phương pháp, Luận lý, Siêu hình đối chiếu và Triết học hiện đại với tư tưởng V N. Bản đặc biệt.

— Thân phận con người, nguyên tác *La condition humaine* của André Malraux, bản dịch của Lê Thanh Hoàng Dân và Mai Vi Phúc, do nhà xuất bản TRỄ ấn hành và các dịch giả gửi tặng. Sách dày 396 trang, phiên dịch công phu.

— Đặc khảo về Dân nhạc ở Việt Nam của Phạm Duy do Hiện Đại xuất bản và gửi tặng. Sách dày 204 trang, biên khảo công phu, gồm 2 phần chính :

nhạc cụ nhạc ngữ và nhạc thể của các bộ tộc Trường Sơn, Thượng du Bắc Việt Chàm và Khơ-me trên đất Việt ; Dân nhạc Việt gồm Dân ca, Ca nhạc phòng (đào, ca Huế, Quảng ..), Ca kịch nghệ (tuồng, chèo, cải lương v.v...), 14 hình ảnh phụ bản, in trên giấy trắng đẹp. Giá 250đ.

— Con người chính trị (Căn bản xã hội của chính trị) của Seymour M. Lipset, Giáo sư Đại học Harvard ; Bản dịch của Đình xuân Cầu do Hiện Đại xuất bản và gửi tặng. Sách dày 260 trang gồm 4 phần và 12 chương, cần thiết cho những chính trị gia và những người cầm đầu các tổ chức muốn thành công trong đường lối tranh cử dân chủ. Giá 250đ

— Nỗi sống tiền thuyết của Nguyễn Thị Vinh do Anh Em xuất bản và các giả gửi tặng. Tiền thuyết thứ 3 và tác phẩm thứ 7 của tác giả dày 202 trang. Mũi bìa, tranh và trình bày do Họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật. Giá 330đ.

Cùng quý bạn đọc Bách-Khoa

— Bách Khoa, vì lý do kỹ thuật, nên không ra đúng kỳ hạn số này được. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn và Bách Khoa sẽ cố gắng vượt các khó khăn để số tới đây có thể đến tay quý bạn sớm hơn.

— Cũng từ số này, vì giá giấy báo cũng như công in đều tăng, nên bố buộc Bách Khoa phải bán mỗi số 100đ như các đồng nghiệp khác. Xin quý bạn vui lòng thông cảm mà chấp nhận giá mới này cho. Giá mua dài hạn, do đó, 6 tháng là : 1.100đ, một năm : 2.100đ. Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay.

— Cước phí mỗi số báo, kể từ 6-2-72, như sau : Cước phí máy bay gửi trong nước mỗi số 15đ, gửi đi ngoại quốc bằng tàu thủy mỗi số 20đ, gửi đi ngoại quốc bằng máy bay, có cước phí với riêng từng nước ghi trên mặt 2 trang bìa.

Ban Chủ trương BÁCH KHOA

Tùng khối bên nhau

Chợ-lớn là một hiện tượng đặc biệt của miền Nam. Ngoài Trung ngoài Bắc, ở những phần đất của ta tiếp cận với Trung-hoa, không có nơi nào mà sự hiện diện của người Tàu đạt đến mức quan trọng ấy : chia nửa thủ-đô ta.

Sự hiện diện ấy không phải chỉ dàn ra ở bề mặt, ở chỗ thị tứ mà thôi. Người Tàu ở Nam Việt-Nam tỏa sâu về các tỉnh, về quê : «dưới sông cá chớt, trên bờ Triều-châu». Đông đảo và khắp cùng, đâu đâu cũng có họ.

Ấy là cái rộng rãi trong không gian. Nói về cái dài lâu trong thời gian thì người Tàu đã có mặt gần một lượt với chúng ta từ buổi đầu, đã dự phần khai phá miền Nam này. Mạc Cửu, Dương Ngạn Địch v.v..., họ chia nhau với Chúa Nguyễn cái công mở nước cho ta.

Sự có mặt người Tàu trong quá khứ đưa tới một kết quả : ảnh hưởng văn hóa của họ rất sâu đậm. Nhưng điều làm cho chúng ta lo lắng nhất là chuyện trước mắt, trong hiện tại : quyền lực kinh tế của họ thật lớn lao.

Người Tàu là cả một vấn đề của miền Nam, và chỉ của miền Nam thôi. Ở Trung Bắc không có chuyện trầm trọng đó.

oOo

Ở miền Nam, người Miên cũng là một vấn đề nữa.

Cà-mau, Sóc-trăng, Sa-đéc, Ba-thắc, Cần-giờ, Cái-tắc, Trà-cú, Nhâm-mân, Trà-luộc v.v... một số địa danh từ tỉnh đến thôn ấp, từ sông lớn đến rạch con, từ chỗ thị trấn đến hòn cù lao v.v... vốn do người Miên lưu lại. Vết tích ấy có thể không quan hệ, vì không phải là đặc điểm của miền Nam : những Lào-kay, Móng-cáy, Pleiku, Kontum v.v... ngoài Bắc ngoài Trung, cha ông chúng ta cũng không đặt ra mà chỉ phiên âm ra thôi.

Ngót trăm rưởi ngôi chùa Miên ở một tỉnh Vĩnh-bình có thể cũng không quan hệ nữa chẳng? Chùa Miên ở đây không coi như tháp Chăm người Trung được sao ?

— Cái rắc rối là không thể coi như vậy được. Ngoài kia, tháp là cồ tích, trong này, chùa vẫn sống động. Chùa qui tụ tín đồ đông đảo, giữ vai trò của nó trong sinh hoạt xã hội hiện tại. Ngót một triệu người Miên chia nửa dân số ở một vài tỉnh Hậu giang, chiếm tuyệt đại đa số ở một số quận, cái tập thể ấy vẫn giữ nếp sống riêng của họ, phong tục tập quán, tôn giáo tín ngưỡng, văn tự ngôn ngữ của họ.

Món cà ri, tô bún nước lèo, cái khăn quăn đầu, chiếc cà-ràng trên bếp v.v... đã được người Việt chấp nhận. Ảnh hưởng văn hóa Miên đã len lỏi vào nếp sống chúng ta ở miền Nam từ lâu, nhưng sự hiện diện của người Miên lâu lâu vẫn làm ngỡ ngàng

chúng ta bằng những biến cố như các vụ «thồ dẫy» trong thời kháng chiến, vụ đòi «quyền thiểu số» mới đây... Bởi vì họ vẫn hiện diện riêng biệt.

oOo

So với mười bảy triệu dân miền Nam thì họ là thiểu số thật. Người Miên: thiểu số; người Hoa: cũng thiểu số nữa.

Tuy vậy các đám thiểu số này không giống trường hợp người Mán, người Mường... ở Bắc, hay người Ra-đê, người Ba-na... ở Trung. Các sắc dân Mán, Mường, Ra-đê, Ba-na... chỉ có «nơi này làm quê hương», cũng như chúng ta vậy. Còn người Miên người Hoa thì có khác.

Người Miên, tổ tiên của họ đã có một thời dựng nên kỳ quan Đế thiên Đế thích; người Tàu, ai cũng biết quá khứ của họ còn huy hoàng gấp mấy. Trong lịch sử cả hai, họ dựa lưng vào những nền văn minh rực rỡ. Và trong hiện tại, họ dựa lưng vào những quốc gia độc lập. Người Miên sống bên cạnh chúng ta nhưng đã chắc đâu không xúc động về những tin Sihanouk bị lật đổ, những tin chiến sự quanh Nam-vang? Người Tàu thì dù sống ở đâu chắc chắn cũng cứ xúc động hoặc về các thành công về vũ khí nguyên tử của Trung Cộng, hoặc về sự rắc rối bang giao giữa Hoa-kỳ với Đài-loan.

Nói người Miên, người Tàu, là cách nói quen miệng theo ngôn ngữ thông dụng hàng ngày. Kẻ phát ngôn

có ý thức, đúng phép tắc, thì phải nói là người Việt gốc Miên và người Việt gốc Hoa. Cái ý thức họ muốn hòa đồng các khối người kia làm một vào dân tộc ta.

Trên pháp lý đã có sự hòa đồng ấy. Nhưng trên thực tế, những tập thể cùng «gốc» vẫn có nếp sống riêng, tâm tư riêng, quyền lợi riêng, nguyện vọng riêng... Như vậy không phải là lỗi ở chúng ta: Có quốc gia nào trên thế giới mà hòa đồng trọn vẹn, mà «tiêu hóa» nổi những tập thể người Tàu chẳng hạn? Hoặc đông đảo như ở Mã-lai, hoặc bị hạn chế như tại Hoa-kỳ, Anh v.v..., người Tàu ở đâu cũng tồn tại như một xã hội riêng biệt.

Cũng như thế, họ sẽ tồn tại và phát triển ở xứ ta.

oOo

Nói đến nếp sống riêng, tâm tư riêng..., miền Nam không phải chỉ có những khối chủng tộc. Còn có những khối tôn giáo nữa. Nếp sống riêng ở đây là nếp sống tinh thần.

— Thì ở ngoài Bắc ngoài Trung cũng có Phật giáo, Công giáo vậy.

— Nhưng một là trong Nam có nhiều tôn giáo hơn: ngoài các khối Phật-giáo, Công-giáo, còn có những khối Hòa-hảo, Cao-dài, mỗi khối qui tụ vài triệu tín đồ; hai là—theo cách nói của một học-giả miền Nam, ông Hồ Hữu Tường — «quần chúng trong Nam là một khối quần chúng đượm nồng ảnh hưởng tôn giáo» (Tập chí *Liên minh*, số 3): trong Nam tôn

giáo có địa vị cực quan trọng trong đời sống của quần chúng.

— Như vậy đâu có nghĩa là phải có mâu thuẫn giữa các khối ấy ?

— Đâu có cái nghĩa bất lợi ấy ? Chỉ có điều tất nhiên là những kẻ cùng thiết tha với một niềm tin tưởng chung thì muốn gần nhau hơn và không dễ chan hòa vào một cộng đồng khác tin tưởng.

Ấy là trường hợp những dị biệt thuần túy tôn giáo, Còn khi mà hoàn cảnh đất nước khiến cho sinh hoạt tôn giáo có ý hướng chính-trị-hóa, thì sự thể có khác. Và đó là hoàn cảnh nước ta. Chẳng hạn trong ngôn ngữ của chính giới, tiếng Bui - chu Phát-diệm không hẳn chỉ định một giáo khu, mà từ lâu vẫn gợi ý về một lực lượng, một cứ điểm chống Cộng trên đất Bắc. Ở trong Nam mỗi lần xảy ra một biến cố chính trị trọng đại, mỗi khối tôn giáo thường lên tiếng xác định thái độ của mình.

— Những thái độ lắm khi giống nhau. Mỗi khối tôn giáo không nhất thiết có một thái độ chính trị khác nhau.

— Không nhất thiết. Bất quá sinh hoạt chính-trị-hóa tô đậm thêm biệt sắc của các khối tôn giáo. Thế thôi. Và lại, ở phần này không cần phải nhấn mạnh quá nhiều vào vai trò chính trị. Tự nó, lý do chính trị đã tạo ra một khối riêng biệt bên cạnh chúng ta: tức cái « Mặt trận Giải phóng miền Nam » đó, tức cái « bên » thứ hai ở miền Nam được đề cập đến trong Hiệp-định Ba-lê 27-1-1973 đó. Chao

ôi, sự tồn tại của một khối chính trị vũ trang như thế trong lòng một quốc gia...

Như vậy, miền Nam chúng ta, miền đất mới mẻ nhất của xứ sở, chưa kịp tiến đến một thể ổn định, lại chứa đựng trong lòng thật nhiều khối: khác nhau về chủng tộc, về tôn giáo, về chính trị. Nó sẽ tiêu hóa các khối đó như thế nào? bởi vì quốc gia nào mà chẳng hướng đến lý tưởng thuần nhất?

oOo

Thời kỳ chúng ta có những hiện tượng trái ngược cùng xảy ra một lượt.

Nhờ phương tiện lưu thông nhanh chóng, thế giới thu hẹp lại, xư xư gần nhau, biên giới quốc gia tưởng chừng mờ nhạt dần: sau Thị trường chung Âu châu, người ta nghĩ đến một siêu quốc gia Âu châu... Nhưng đồng thời với xu hướng liên hợp, cũng lại xuất hiện xu hướng phân hóa trong lòng các quốc gia. Hồi-giáo và Ấn-giáo đã chia hai nước Ấn-độ, rồi lý do chủng tộc lại chia đôi Đông-Hồi với Tây-Hồi. Ở Gia-nã-đại, khối tiếng Anh và khối tiếng Pháp đòi phân ly. Ở Hoa-kỳ, khối da đen da trắng. Ở Anh-quốc, tôn giáo ly khai tại Ái-nhĩ-lan. Ở Bỉ, ở Nam-tư, ở Tây-ban-nha v.v... đâu đâu cũng có những manh nha đòi tự trị của từng khối người.

Tại Pháp, những khối dân Breton, Alsacien, Basque v.v... cũng muốn tách biệt. Người Basque chẳng hạn đòi thành lập một quốc gia riêng, có

quốc ca (Gorodi), có quốc ngữ (Gora Euzkadi Askatuta : Tộc quốc Basque muôn năm !) Đề tựa cuốn *Le procès de Burgos* của Gisèle Halimi nói về vụ « tộc quốc Basque » này, Jean - Paul Sartre cho rằng đó không phải là chuyện ngẫu nhiên mà là kết quả của một tình trạng mới. Trước kia, tại nhiều nơi sự thống nhất quốc gia đã được thực hiện với ít nhiều cưỡng bách, đe dọa : nếu các nhóm dân không cấp tốc kết tập làm một, nước sẽ yếu, sẽ bị lân bang xâm chiếm. Bây giờ, vũ khí nguyên tử và sự liên hệ quốc tế chặt chẽ không

cho phép nước này chiếm nước nọ dễ dàng. Hết bị đe dọa, các khối ly tán.

Riêng về điều ấy, chúng ta không lo. Gì chứ đe dọa thì miền Nam chưa hết. Tuy nhiên, sự kết tập vẫn có sự bất ổn thế nào...

— Chính vì đã quen thích nghi với một tình thế như vậy mà lần này ta có thể chịu đựng nổi cuộc thử thách mới chăng ?

VÕ PHIẾN

(2-73)

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Đàm thoại

về Giải Tuyên dương Sự nghiệp Văn chương, Học thuật và Mỹ thuật 1972



... với Ô. Võ-Phiến

L.T.S. Nhà văn Võ Phiến. 49 tuổi, một cây bút viết thường xuyên cho Bách Khoa, đã làm Giám-khảo nhiều cuộc thi Văn chương của các Hội đoàn Văn nghệ và của Giải Văn học Nghệ thuật tại Phủ Tổng Thống.

—BÁCH KHOA: Theo Ô. Giản Chi, Chủ tịch Hội đồng tuyển trạch của Giải Tuyên dương sự nghiệp 1972 cho biết thì các năm tới đây, Giải này sẽ được tổ chức song song với loại Giải Văn học Nghệ thuật mọi năm nhằm khám phá những tài năng mới. Xin anh cho biết ý kiến về 2 loại giải thưởng này.

— VÕ PHIẾN: Ở cương vị chính phủ, giải Tuyên dương (sự nghiệp trọn đời của văn nghệ sĩ và học giả) thích hợp hơn giải Khám phá (tài năng văn học nghệ thuật) từng năm một.

Sự thẩm định của chính phủ—hoặc một Hội đồng tuyển trạch do chính phủ mời, hoặc một Hàn lâm viện quốc gia v.v... — thường thường có tính cách thận trọng, phải chăng, đồng thời cũng có tính cách chiết trung, bảo thủ. Kết quả thẩm định ấy thường thường ít khi gây ngạc nhiên, nhưng cũng ít khi phạm lầm lẫn quá đáng. Muốn

chọn lựa đề tuyên dương một sự nghiệp đã trải qua sự phê phán dài lâu của công luận, có thể tin cậy ở sự thẩm định ấy. (Dĩ nhiên trong điều kiện tổ chức hợp lý và làm việc với công tâm).

Trái lại, việc khám phá một tài năng mới xuất hiện mỗi năm, chính phủ không nên đảm nhiệm. Tài năng « mới »: Cái mới, cái tân kỳ, bao hàm ý nghĩa tiên phong, chưa được dư luận chấp nhận. Những phán đoán về cái mới, những phán đoán có tính cách khám phá thường thường cực đoan, chủ quan, thiên lệch: phán đoán theo một quan niệm nào đó còn đang chiến đấu đề đòi sự chấp nhận. Mấy khi một cơ quan mà tiên phong, mà cấp tiến đâu? có bao giờ như thế đâu?

Công việc khám phá ấy nên dành cho tư nhân. Một nhà xuất bản, một văn đoàn, một nhóm văn nghệ v.v... họ

có quan điểm nghệ thuật riêng, đường lối riêng... Hướng về cái cá biệt, cái mới, tìm cái mới, phát huy kịp thời những tài năng mới v.v... là công việc của họ, chứ không phải của chính phủ.

— Như anh đã biết Giải Tuyên dương sự nghiệp dành cho 3 bộ môn: Văn chương, Học thuật, Mỹ thuật và mỗi bộ môn lại bao gồm một số «biệt môn» (thí dụ Văn chương gồm: thơ, tiểu thuyết, kịch, bút ký... hoặc Mỹ thuật gồm: âm nhạc, điện ảnh, hội họa, điêu khắc, kiến trúc... Anh thấy sự phân chia như vậy có hợp lý không?

— Thơ, kịch, truyện v.v..., dẫu sao cũng có một chỗ gặp gỡ, là cùng lấy chữ viết làm phương tiện. Còn như âm nhạc, hội họa, điêu khắc v.v. lấy gì làm tiêu chuẩn chung để so sánh, lượng giá? Làm sao có thể cho rằng nhạc sĩ này tài cao hơn họa sĩ kia? Mỗi bên sử dụng phương tiện hoàn toàn khác nhau, nhằm đi đến mục đích hoàn toàn khác nhau!

Và lại còn cái khó cho ban tổ chức lập một Hội đồng tuyên trạch nữa. Một nhà phê bình văn còn có thể kiêm việc phê bình thơ, kịch, v.v... chứ ở nước ta dễ gì tìm ra những nhà họa sĩ có thẩm quyền để phát biểu ý kiến về âm nhạc hay kiến trúc? Một hội đồng gồm một họa sĩ, một nhạc sĩ, một kiến trúc sư chẳng hạn, cùng nhau biểu quyết để chọn lựa một nhạc sĩ: như vậy có hợp lý chăng?

— Thẻ thực giới thiệu dự tranh giải thưởng buộc phải có chữ ký của văn-

nghệ-sĩ được giới thiệu. Anh nghĩ điều khoản này có lợi hay có hại gì cho việc giới thiệu?

- a) Có nhiều cái hại:

— Trước hết: Một học giả ký tên xin được xét, rồi rốt cuộc bị loại, anh thử tưởng tượng, tự đặt mình vào địa vị ấy coi. Có chịu chứ. (Mặc dù ban tổ chức có nhã nhận mà giấu tính danh các văn nghệ sĩ không trúng giải, nhưng có giấu cũng không thể kín, vì đã có sự giới thiệu tùm lum).

Thiết tưởng trước khi có hảo ý «tuyên dương» nhau, tốt nhất nên có sự trọng nhau, giúp nhau giữ vệ phạm cách.

— Mặt khác, sẽ có một người xứng đáng được tuyên dương mà không bằng lòng ký tên (dù sẵn sàng nhận giải). Do đó việc bắt buộc một chữ ký có thể loại ra ngoài vòng chọn lựa một số tài năng.

Giải thưởng quốc gia, lẽ ra nó được trao vào tay những tài năng xứng đáng nhất, đang này nó chỉ được trao vào kẻ khá nhất trong số những kẻ ứng thí. Nghe ông X trúng giải Tuyên dương của Việt Nam Cộng hòa, ở nước ngoài người ta có thể tìm đến tác phẩm của ông ta và yên trí rằng đây là tiêu biểu của văn học nghệ thuật nước ta vào thời kỳ này, có ngờ đâu rằng giải Tuyên dương của ta không hề đạt đến ý nghĩa tiêu biểu ấy.

Vậy chữ ký bắt buộc nọ giới hạn sự chọn lựa, giám giá giải thưởng, gây

ra những nhận định sai lầm tai hại về trình độ văn học nghệ thuật của quốc gia.

— Vả lại tại sao chỉ chọn lựa trong số được giới thiệu? Người ta mỉm cười nghĩ đến một luật lệ bầu cử buộc ứng viên phải xin đủ một số tối thiểu chữ ký giới thiệu kèm theo lá đơn! Bảo đảm về tín nhiệm có thể đòi hỏi ở chính khách, đâu cần thiết ở văn nghệ sĩ? Chính khách có thể tranh nhau chữ ký giới thiệu, còn học giả không thể đi săn chữ ký mà không kỳ cục.

Chữ ký của người được giới thiệu là một sự giới hạn, mà nguyên cái điều kiện phải được giới thiệu mới được chọn lựa lại cũng là một sự giới hạn nữa. Tại sao phải có nhiều ràng buộc đến thế nhằm thu hẹp phạm vi chọn lựa? nhằm loại bỏ nhiều nhân tài ra ngoài vòng chọn lựa? Một thứ giải tuyên dương khác — giải Nobel — đâu có đòi cái khoản giới thiệu bắt buộc đó? Có giới thiệu, càng hay; không giới thiệu vẫn được tìm hiểu đề xét: như vậy không hay hơn sao?

b) Tôi đã tìm và không thấy cái lợi nào.

Hoặc giả ban tổ chức muốn tránh một trường hợp người được chọn từ chối giải thưởng chẳng? Bắt ký tên trước thì chắc ăn hơn, thì khỏi lo bề mặt. Nhưng việc gì mà cả lo đến thế? Lớn lao như giải Nobel vẫn còn có kẻ từ chối, và sự từ chối ấy không làm sút giảm uy tín của giải. Năm trước Sartre từ

chối, năm sau Choloikov được chọn lựa lại mừng khúm, có sao đâu?

Miễn phía tổ chức và chọn lựa làm việc hợp lý và đường hoàng, ngoài ra không có gì đáng lo.

— Hội đồng tuyển trạch năm nay, do Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa mời, chỉ được công bố thành phần vào ngày 26-12 tức là sau khi công bố Thẻ lệ gần 1 tháng. Anh có thấy sự thành lập Hội đồng tuyển trạch muộn màng như vậy gây thắc mắc cho cả người giới thiệu lẫn người dự giải không?

— Việc này (Thành phần Hội đồng tuyển trạch công bố vào phút chót) với việc nêu trên (chữ ký của văn nghệ sĩ và học giả vào giấy giới thiệu) kết hợp thành một sự treo cẳng ngỗng ngộ nghĩnh.

Bắt người ta ký tên vào giấy đề xin xét, mà không được biết những kẻ sẽ xét mình là ai! Thẻ lệ ấy hoặc giả thiết rằng giới văn nghệ và học thuật nước này vốn có lòng tin cậy tuyệt đối vào cơ quan nhà nước, hoặc căn cứ trên ý nghĩ rằng việc tung ra ba triệu bạc là một cơ hội tốt để tập luyện cho văn nghệ sĩ và học giả xứ này có lòng tin cậy ấy.

Giới cầm bút ở Pháp hàng năm đều biết trước những ai sẽ xét chọn giải Goncourt, Femina, Renaudot v.v...; giới cầm bút khắp thế giới cũng được biết trước thành phần chọn giải Nobel. Ngược lại họ không đòi phải ký kết, cam đoan gì trước khi được xét.

(xem tiếp trang 74)

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh Cholon :	47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuật : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xđ-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xđ-số
- 4% mỗi năm : đề xđ-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Kêu tên cho đúng

Độc giải phẩm *Bách Khoa*, số ra ngày 1-1-1973 (384), có một bài gọi tôi ý viết. Đó là bài *Về tên đúng của Sương Nguyệt Anh* của Hồ Hữu Tường.

Đây không phải lần đầu tôi được gọi ý, mà đã có nhiều lúc, khi tôi biên khảo, phiên dịch các tài liệu, bắt gặp đây đó những sai lầm về «chính danh», thì tôi nghĩ cần được nói lên. Nói đề cùng đính chính những thổ ngộ dĩ vãng và nói đề thận trọng hơn ở tương lai. Nhưng lần nào rồi cũng cứ như lần nào, bởi công việc dồn dập mà giải đãi bỏ qua không nói.

Lần này thì quyết định. Lí do là vừa khi đọc *Bách Khoa*, tôi lại cũng đã có mấy điều «thấy khác» khi đọc bản dịch sách *Gia đình thành thông chí* của Tu Trai Nguyễn Tạo. Thì ra việc gọi ý của *Bách Khoa* là cận nhân mà viễn nhân là chút nghe thấy trước đây cộng với cái mới thấy trên một bản dịch mà tác giả sách được dịch đó là tiên sinh Trịnh hoài Đức.

Chắc ai cũng đồng ý rằng có tên gì phải được kêu đúng tên ấy thì sự kêu tên mới có ý nghĩa và người nghe thấy kêu tên mới biết là kêu ai. Tên đất, tên người, tên sông, tên núi phải đích thị là tên đất đó, tên người đó, tên sông đó và tên núi đó. Không lí gì khi tên đó bị gọi khác đi một cách không có duyên do mà người ta có thể hiểu được. Tản viên, Lý thường Kiệt, Cửu long giang phải là của nước Việt ta với những danh xưng như vậy, thì không thể nào ta

lại gọi nó là Bokor, là Ang Snguon, là Tonlé Sap của xứ Kambujâ ! Nền bảo thí dụ đó là một cách biệt lớn, ít có trường hợp lầm lẫn như vậy, thì chúng ta thử nghĩ xem có chấp nhận được không, khi ta gọi anh A ra anh Á chị B ra chị Bế ? Một chữ «g» thừa sau chữ Vạn, một dấu . thiếu dưới chữ Hồ đã quá đủ để làm nhân cho cái quả rắc rối giữa người phát thư và người nhận thư tại một bưu cục rồi.

Cho nên sự biên khảo, phiên dịch là một công tác hệ trọng có ảnh hưởng lưu liên từ đây sang đó, từ nay đến mai. Đúng đắn hoặc sai lầm đều đời đời khó mất, không thể là chuyện đáng coi thường !

**Lê văn Câu, Lê văn Duân,
hay Lê văn Quân ?**

Không rõ vì đọc vội hay trong khi tham khảo đã có được trong tay một bản chép sai, mà sử gia Trần Trọng Kim đã gọi tên một người miền Nam nổi tiếng can trường và được xưng tụng Dũng Nam Công là *Lê văn Câu* ? Sách *Việt Nam sử lược* do nhà Tân Việt x.b. kỳ 4, tại các trang 392, 393 đều in như vậy.

Lê văn Quân người Kiến Hưng, dinh Trấn Định (sau này là Định Tường), có công lớn với chúa Nguyễn Ánh từ buổi ban đầu. Hai lần phò giá sang Xiêm, từng chiến thắng giặc Miến Điện xâm lăng Xiêm và hạ được Tây Sơn nhiều trận. Quân lại là em rể của Châu văn Tiếp được Văn Tiếp tin cậy. Khi Đỗ

Thanh Nhơn bị giết, quân Đông Sơn được chia làm 4 quân thì chức Tiền quân, chúa Nguyễn Ánh đã trao cho Lê Văn Quân.

Khi khôi phục Gia Định, Quân có nhiều chiến công, được phong Khâm sai Bình Tây Đô đốc Chương Tiền quân dinh, quản lãnh tướng sĩ Trấn Biên Dinh, tước đến Quận công.

Sau khi thua ở Bình Thuận vì lí do lục đục nội bộ giữa Võ Tánh và Lê Văn Quân, Văn Quân lấy làm hổ thẹn, buồn chán công vụ, rồi cáo bệnh không chịu về châu khi có lệnh triệu hồi. Sau đó, Lê Văn Quân bị cách chức, ông càng bức mình thêm nên uống độc được tự tử.

Trước biến cố đó, Nguyễn Vương Ánh thương tiếc vô cùng nhưng cũng tức giận vô cùng. Ông đích thân tới tư thất của Lê Văn Quân khóc than thảm thiết rồi cho đánh vào linh cữu của Quân 100 roi. Cho cấp 8 tên lính trông nom mồ mả và ra lệnh các thuộc tướng của Văn Quân phải bảo dưỡng mẹ già của ông trọn đời (lược thuật theo *Liệt truyện*, *Thực lục* và *Quốc triều chánh biên toát yếu*).

Người miền Nam cho tới bây giờ phân đông đều biết Lê Văn Quân cũng như họ đã biết tiếng Châu văn Tiếp, Nguyễn Hữu Thoại hay Thoại Ngọc Hầu. Họ không hề nghe biết có một cận tướng nào của chúa Nguyễn Ánh mang tên *Lê Văn Câu*!

Lí do của sự sai lầm này là bởi tự dạng của chữ *Quân* (勻) có tương tự với chữ *Câu* (勾), nếu nhìn vội mà

chép thì khó mà tránh điều sơ suất

Chẳng vậy mà thôi đâu. Cũng cái tên *Lê Văn Quân* này mà trong bản dịch *Quốc triều chánh biên*, do Bộ Học triều Khải Định vâng chỉ dịch ra quốc ngữ (bản in của *Nhóm Nghiên cứu Sử Địa*, x.b. tại Sài Gòn 1972, mục *Tân hội trang* 24) đã «ban» cho ông Quân một cái tên khác nữa là *Duân*: «*Tiền quân Lê văn Duân phải tội, tự sát. Ngai nghĩ Duân có công không nỡ giết, cách chức quan*». (1)

Đành rằng Bộ Học đã không sai khi phiên âm chữ *Quân* ra chữ *Duân*. Bởi theo tự điển Tàu, Đường vận cũng phiên thiết là *Duân*. Tuy nhiên tên thật của Dũng Nam Công là *Quân* thì không thể viện bất cứ một lý lẽ gì để cãi được là *Duân* cả!

Vậy, *Lê văn Quân* nhất định không phải là *Lê văn Câu* hay *Lê văn Duân*.

**Hưng quân hay Diên quân ?
Đoan Ngọc hay Thoại Ngọc ?**

Sách *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô Thời Chí, bản dịch của Ngô Tất Tố, do nhà *Tự Do* x.b. năm 1958, nơi trang 282, đã cho in hai Hầu tước của triều Nguyễn là *Hưng quân Tường Quang Hầu* và *Diên bát Đoan Ngọc Hầu*. Bản dịch có đoạn rằng :

« *Sang mùa thu, Hưng quân Tường Quang Hầu và Diên bát Đoan Ngọc Hầu vâng chỉ kéo quân theo hai đường Hương Sơn Chấn Ninh (!) ra đánh, đề quấy rối Nghệ An* »...

(1) Bản quay ronéo lưu trữ tại Viện Khảo Cổ cũng viết *Duân*.

Ngô Tất Tố là một thâm nho, một nhìn ông cũng có thể thấy đúng được không khó khăn gì. Nhưng chẳng rõ tại sao lại có điều lầm đáng tiếc như vậy? Bản Hán mà ông dùng dịch, người sao chép đã sai chẳng? Hoặc trong một lúc làm việc quá mệt nhọc và vội vàng, ông đã thất thổ tự dạng? Chúng ta rất tiếc vì không làm sao có được bản Hán mà chính ông dùng dịch để nhận định một cách tình tường căn do!

Theo *Đại Nam chánh biên liệt truyện*, sơ tập, tờ 12b đến 15a, *truyện Lưu Phước Tường*, thì ông người Bình Dương (Gia Định). Buổi đầu trung hưng từng chinh với chức Cai đội. Năm Nhâm Ngọ cùng với Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại đi sứ Xiêm. Khi về được phong chức *Điền quân* rồi cùng Văn Thoại sang Lào đề chiêu dụ Vạn Tượng động binh đánh Tây Sơn. Năm Tân Dậu, ông cầm một đạo quân công phá Nghệ An.

Năm Gia Long thứ hai, *Điền quân Lưu Phước Tường* được trao chức *Chưởng cơ* ra đóng ở Quảng Bình. Năm thứ bảy, cáo bệnh về nghỉ. Ít lâu, ông được triệu ra trấn thủ Kinh Bắc, rồi lại trở về trấn thủ Quảng Bình. Sau lại, về ngồi trấn Vĩnh Thanh. Năm thứ 15, về kinh sư. Kế được thay cho Thoại Ngọc Hầu nhậm chức *Bảo hộ Chân Lạp*. Năm thứ 17, bị tội chết vì tham nhũng.

Bình sinh *Lưu Phước Tường* được phong đến tước Hầu, lại được chức *Điền quân*, cho nên gọi là *Điền quân*

Tường Quang Hầu. Chữ *Điền* (典) và chữ *Hưng* (興) mới trông qua tương tự, nếu sơ ý thì dễ bị lẫn lộn.

Vậy thì chức của *Tường* là *Điền-quân* chứ không phải *Hưng quân*. Sách *Quốc triều chánh biên toát yếu*, mục *Tân dậu* (1801), tháng 5, bản Hán, cũng viết rõ ràng là *Điền* như *Liệt truyện* vậy (典).

Còn dịch là *Điều bát Đoan Ngọc Hầu* thì thật là lỗi lớn. Theo thông lệ của triều Nguyễn, thường thấy lấy tên làm tước. Thượng công *Tả quân* có tên *Lê văn Duyệt* nên được tước *Duyệt Quận Công*. Trấn thủ *Tuyên* có tên *Nguyễn văn Tuyên* nên được tước *Tuyên Trung Hầu*. *Trương Tấn Bửu* có tên *Long* nên được tước *Long Vân Hầu* và *Bảo hộ Thoại* có tên *Nguyễn văn Thoại* nên được tước *Thoại Ngọc Hầu* (không phải *Đoan*).

Theo *Chánh biên liệt truyện*, *truyện Nguyễn Văn Thoại*, sơ tập, quyển 27, tờ 8a, 12b, thì ông người huyện *Duyên Phước*, tỉnh *Quảng Nam*, từng quân với chúa *Nguyễn Ánh* từ năm *Đinh Dậu* (1777). Từng nhiều lượt phò giá sang *Xiêm*, nhiều lượt đánh *Tây Sơn* lập nên công lớn. Năm *Nhâm Tí*, sau khi đi sứ *Xiêm* về, ông đánh hạ đảng cướp *Đồ Bà*, chém được 30 thủ cấp, bắt sống 2 hải khấu và tịch thu được 1 thuyền giặc, được phong *Trung thủy dinh*, *Phó tiền chi*, *quản Thanh Châu Đạo*.

Năm *Mậu Ngọ*, ông được cử sang Lào đề thuyết dụ nước Lào công phá *Tây Sơn*, được phong chức *Khâm sai*

Thượng đạo Đại tướng quân, rồi được phong Khâm sai Thượng đạo Bình Tây tướng quân. Khi Tây Sơn bị diệt ông được cử chức Chưởng cơ, cầm một đạo quân lưu thủ Bắc thành, rồi làm Trấn thủ Lạng Sơn và tiếp nối, trấn tại các trấn Định Tường, Vĩnh Thanh. Kế lại lãnh ấn bảo hộ Cao Miên.

Theo *Bản triều ban nghịch liệt truyện*, mục *Minh Mạng nguyên niên*, tờ 8a, 8b và *Liệt truyện* quyển 27 tờ 11b, thì Nguyễn văn Thoại đã hạ được Tăng Kế, một sãi Miên dậy giặc cướp đường làm kinh động cả nước.

Tóm lại, công tác của *Điều bát Thoại Ngọc Hầu* rất to: Bảy lượt đi Xiêm, hai bận sang Lào, mười một năm bảo hộ nước Cao Miên. Đồn thủ ở Cửa Lấp (Tắc Khái), Cai quản Ngũ Thủy Dinh, Quản lĩnh biên binh lưu thủ Bắc thành, Trấn thủ Lạng Sơn, Trấn thủ Định Tường, Trấn thủ Vĩnh Thanh, An thủ Châu Đốc đồn kiêm quản Hà Tiên trấn biên vụ. Đào kinh Đông Xuyên-Kiên Giang, đào kinh Vĩnh Tế. Đắp đường, bắc cầu, đắp đê, lập làng, mở chợ, cất chùa, lập đình, xây lăng. Ông thọ được 68 tuổi mà công vụ trong đời ông có đến 52 năm. Thật dày dạn và kiên trì.

Miếu mộ, sơn lăng của ông hiện còn tại Châu Đốc, Long Xuyên. Dấu tích của ông đầy đầy ở cả một miền Hậu Giang to rộng. Ai ai cũng biết danh ông là *Bảo Hộ Thoại*, là *Thống chế Trự quốc Đô thống Thoại Ngọc Hầu*.

Chữ *Đoan* (端) và chữ *Thoại* (瑞) tuy

chỉ khác nhau đôi chút trên hình thức chữ Hán, nhưng nếu để cho lẫn lộn đường này thì phỏng còn ra nghĩa gì?

Ngoài ra, bởi chữ *Thoại* còn đọc là *Thụy*, cho nên một số tác giả viết vào tác phẩm của họ danh tánh của Thoại Ngọc Hầu là *Nguyễn văn Thụy*. Điều này cũng hoàn toàn lầm, Nguyễn văn thoại thuở nhỏ từ Quảng Nam chạy loạn vào Nam, trú ngụ tại Thái Bình thôn, ông đã được xưng gọi là *Thoại*, không hề có tên là *Thụy*. *Thoại* và *Thụy* khác nhau quá xa, nếu có thể chấp nhận được thì có khác gì ta chấp nhận điều trại bệ một cách khôi hài. Cái tên ông *Võ Tánh* mà kêu là *Vũ Tinh*, ông *Lê Bồn Phận* mà đọc là *Lê Bản Phiện* và con sông *Thủ Ô* mà gọi là *Thủ Điều* thì còn ra sự thế gì (1).

Vậy ta phải kêu xưng cho đúng, là :

— *Điền quân Lưu Phước Tường*.

— *Điều bát Thoại Ngọc Hầu*.

Hữu Kính, Hữu Kiến

hay **Hữu Cảnh**?

Nói tới miền Nam với một công trình « khai sơn phá thạch » với những bước « xung phong tiên phong », không một người biết chuyện nào có thể quên được Ông Chưởng. Ông Chưởng là chức quan Chưởng cơ do triều đình phong cho để điều hành về việc võ. Có rất nhiều người qua nhiều thế hệ được cử chức ấy, nhưng tại

(1) Bản dịch *Nhất thống chí*, sách đã dẫn, trang 59.

xứ Đồng Nai phì nhiêu này, hễ nói ông Chưởng thì người ta hiểu ngay là chỉ ai. Các danh xưng Lòng Ông Chưởng, Vàm Ông Chưởng, Cù lao Ông Chưởng đã tiếp tay với sử thư, làm rạng danh mãi mãi cho Ông Chưởng. Người này nói "đi xuống Ông Chưởng" thì người kia hiểu liền, không cần giải thích là anh nọ muốn đi đâu, không đợi phải hài tánh phô danh chi nữa.

Ông Chưởng cũng còn được kêu là ông Lễ Thành Hầu, ông Lễ Tài Hầu, ông Vĩnh An Hầu và ông Chưởng binh Lễ. Đó là người ta căn cứ vào các tước phẩm được ghi trong sắc phong, được nhắc trong sử liệu.

Thật ra thì ông Chưởng chính danh là Nguyễn Hữu Cảnh. Ông người huyện Tống Sơn (Thanh Hóa) theo phò chúa Nguyễn Phúc Chu, lập được nhiều chiến công trong việc chinh phạt Chiêm Thành và Cao Miên. Ông cũng là người đại diện đầu tiên cho chánh quyền nước Việt vào cắt đặt doanh huyện, thành lập bộ Đình tại xứ Đồng Nai. Dấu tích của ông còn nhiều, như mồ mả, đền thờ, tên sông, tên đất. Dân chúng Miền Nam cho đến nay, vẫn một lòng kính mộ ông. Ông mất từ 1700.

Cuốn sách có chép cuộc đời ông bằng quốc ngữ có thể xem là khá xưa nhan đề *Điều cớ hạ kim thi tập* của tác giả Nguyễn Liên Phong, trong ấy gọi ông Chưởng là Nguyễn Hữu Cảnh (các trang 5, 6 và 7). Dân

chúng cũng như tên đường, tên trường học ở đây (miền Nam Kì Lục tỉnh) đều đồng thanh xưng ông là Cảnh với một xác nhận không chút hoài nghi, với một tính cách tự nhiên y như hời ông còn hiện tiền, quen kêu là Cảnh.

Trong *Đại Nam tiền biên liệt truyện* quyển 3, mục truyện *Nguyễn Hữu Cảnh*, đã chép chữ *Cảnh* (鏡) với bộ Kim bên trái, cũng như các thần chủ đề thờ tại các đình Châu Phú, Long Điền, Kiên An đều khắc y nhau như chữ *Cảnh* trên, người du khách có lòng hiếu cổ, đề tâm theo dõi, ai mà không biết !

Tuy nhiên, muốn tìm thêm chi tiết về sinh hoạt đương thời của Nguyễn Hữu Cảnh trong các sách của các tác giả miền Bắc và miền Trung, thì người ta sẽ thất vọng, vì không tìm ra ở đâu đề thấy về ông với tên Nguyễn Hữu Cảnh. Trần Trọng Kim trong *Việt Nam sử lược* (sách đã dẫn) các trang 228, 330, 331 thì viết là *Nguyễn Hữu Kính*. Phan Khoang trong *Việt sử : Xứ đàng trong* (Khai Tri x.b. 1970), trang 417, 419, 420, cũng gọi ông như trên. Khác hơn nữa, trong bản dịch sách *Đại Nam nhất thống chí* của Nguyễn Tào, Nha Văn Hóa x. b. tập hạ, trang 52, lại chép tên Nguyễn Hữu Cảnh là *Nguyễn Hữu Kiến*.

Kiến. Kính, Cảnh, thoại nào được coi là đúng theo như tên đặt thật sự của Lễ Thành Hầu ? Điều này hơi nan giải. Bởi theo tự dạng Hán nêu

trên, ta có thể đọc đủ cả ba tiếng ấy mà không sợ trật. Nhưng trở lại cho cái tên của một người, thì ắt phải sai hai mà còn lại một. — Mà một tiếng nào đây ?

Nếu chấp nhận thuyết truyền ngôn là đúng, như lời Hovelacque : « dân chúng có quyền chúa tể về ngôn ngữ » thì hiện nay người miền Nam đều gọi tên ông là *Cảnh*. Người ta không hề biết được Nguyễn Hữu Kính hoặc Nguyễn Hữu Kiến là nhân vật nào ! Mà dấu tích lịch sử kể cả bài cốt ông cũng như sự sùng bái mến mộ ông, thật sự cũng phải được nói là phần lớn còn lưu lại tại miền Nam này : miền Nam hình hương và xác nhận tên ông là *Nguyễn Hữu Cảnh*.

Có lẽ người xưa đã nghe tên ông là *Cảnh* rồi cứ vậy mà truyền ngôn xuống mãi cho đến ngày nay chẳng ?

Cù lao hay bãi ? Nên dịch nghĩa hay nên phiên âm

Sách *Đại Nam nhất thống chí*, phần *Lục tỉnh Nam Việt*, tập hạ, do Nha Văn Hóa xuất bản từ 1959, dịch giả là Tu Trai Nguyễn Tạo, trang 61, có dịch hai địa danh *Bãi Tê* và *Bãi Dinh* mà nguyên văn là *Tê Châu* 犀洲 và *Dinh Châu* 羴洲.

Cả hai địa danh này nếu đem ra chất chính với quần chúng địa phương thì chắc hẳn họ sẽ lắc đầu, đáp rằng không biết. Mà sự thật họ biết sao được khi tên đang đông mà người ta nói sang đang tây hay xa hơn thế nữa !

Cái mà dịch giả dịch là « *Bãi Tê* », muốn cho đúng, phải đổi lại là *Cù lao Tây*. Cái mà dịch giả dịch là « *Bãi Dinh* », tục gọi là *Cù lao Đình*, thì phải sửa lại là *Cù Lao Giêng*. Chữ *Châu* trong trường hợp này phải hiểu là *Cù lao* chứ không phải *Bãi*.

Cũng trong sách vừa nói, trang 62, dịch giả dịch đúng một địa danh : *Bãi Hồ* mà nguyên văn là *Hồ Châu* (虎洲). Vậy cùng là chữ *Châu* nhưng tại sao có lúc dịch ra *Bãi* thì sai mà có khi lại đúng ?

Chính dịch giả gần đây, trong sách *Gia Định Thành thông chí*, đã đổi dịch chữ *Châu* ra là *Cù lao* : *Cù lao Tê*, *Cù lao Dinh*. Để tìm hiểu nguyên do vì đâu mà dịch giả lại đổi lại như vậy, thì nơi trang 66 của sách đã dẫn, ông có chú giải rằng : « Chữ *Châu* nghĩa là cồn cát nổi cao ở giữa sông biển, mà người miền Nam thường gọi là *Cù lao*, nên đây phải tùy theo xưng hô địa phương mà dịch nghĩa là *Cù lao* ». Thì ra, cho đến bản dịch sau này, dịch giả đã thay đổi quan niệm của mình trong ý nghĩa của chữ *Châu* ra mà địa phương từng cho nó một nghĩa khác.

Lời giải của dịch giả tuy có phần đúng, nhưng chưa đi tới rất rõ ràng trong tác dụng của chữ *Châu* mà người xưa đã dùng chỉ các địa danh miền Nam.

Nguyên là xứ Nam Kỳ rạch ngòi chẳng chịt, cồn bãi đầy đầy, cù lao cũng lắm, khác hẳn hình thể đất đai của hai miền bên trên đất nước. Mà tiếng để chỉ nó bằng Hán tự hợp lý

nhất chỉ là chữ *Châu*. Vậy *Châu* khi viết về Lục tỉnh, ta phải hiểu nó lúc thì chỉ còn bãi phù sa bồi lên nối liền với đất cũ, khi thì chỉ *Cù lao* nằm một mình giữa sông sâu nước chảy xa bờ. Nhất thiết hiểu là *Bãi* thì thiếu nghĩa *Cù lao*, mà nhất thiết cho là *Cù lao* thì có khi sai lạc vì người ta dùng nó để chỉ cho *Bãi* cát.

Đề chỉ *Bãi Hồ*, cũng có tên là *Bãi Hồ Cừ* (mà sách xưa viết là *Hồ Châu*), ở đây có câu đối cò :

Bãi Hồ Cừ có con còp dữ.

Đề chỉ *Cù lao Giêng* (mà sách xưa viết là *Dinh Châu*), xứ này cũng có câu ca dao :

*Trai nào lịch cho bằng trai Cao Lãnh
Gái nào bảnh cho bằng gái Cù lao Giêng.*

Thương em muốn cưỡi em liền.

Ngặt cha với má còn phiền cách sông.

Vậy thì theo đó ta phải gọi *Cù lao Giêng*, *Cù lao Tây* và *Bãi Hồ Cừ*, mặc dù nguyên văn chỉ dùng cùng một chữ *Châu*.

Còn một điển này nữa mà tôi nghĩ rằng phải được đem bàn, đó là việc có nên dịch nghĩa tất cả các địa danh hay chỉ nên phiên âm ? Câu trả lời đúng phải nói là nên dùng tất cả hai cách đó mà không được bỏ cách nào. Khi gặp nguyên văn chép đúng theo địa danh chữ (chính văn) thì nên phiên âm, mà khi gặp một địa danh nôm (thuần Việt) nhưng trong nguyên bản vẫn viết thành chữ (chính văn) thì ta bắt buộc phải dịch, cũng như ta phải dịch *Châu* ra *Bãi*, ra *Cù lao* vậy.

Vấn đề sở dĩ được nêu lên là vì cũng chính trong hai dịch phẩm nói trên, dịch giả có khi phiên âm thì được xem là đúng, rồi cũng có lúc cũng phiên âm mà bị coi là sai, xin dẫn sau :

Sách *Đại Nam nhất thống chí* (đã dẫn trang 62, dịch giả dịch *Bãi Ngưu*, *Bãi Hồ* cho địa danh *Ngưu Châu* và *Hồ Châu*, *Bãi Hồ* là một lời dịch đúng đắn mà không ai cãi được, bởi nó chứng minh bằng thực tế của một địa danh hiện còn ; nhưng con *Bãi Ngưu* là gì thì nào ai hiểu nổi ? Lật *Gia Định Thành thông chí* (đã dẫn), trang 99, trong khi cùng chỉ địa danh này, dịch giả lại dịch là *Cù lao Ngưu*. Phải thành thật nhận rằng tất cả đều sai. Phải dịch là *Cù lao Trâu* mới đúng. *Cù lao Trâu* là một vùng đất hiện nằm về phía đông «vàm trên» sông Cao Lãnh, bên kia bờ Tiền Giang. Các làng Tân Thuận và Hòa An mà sách xưa đã nói, nay ở đó vẫn còn.

Ông già bà cả miền này há không từng truyền khẩu : « *Cù lao Trâu* đầu đuôi tán loạn, có thân mình thì đặng bình an ». Người ta cắt nghĩa : « *Đầu* thì bị sừng quật, *mông* thì bị đuôi quất ». Những người thủ cựu, kĩ lưỡng, thường dạy con cháu nên chọn nền nhà ở vào chặng giữa của *Cù lao Trâu*.

Như vậy, ở trường hợp *Hồ Châu* thì ta cần phiên âm chữ *Hồ*, mà gặp trường hợp *Ngưu Châu* thì ta phải dịch nghĩa chữ *Ngưu*. Nhất thiết cứng đờ, không khảo soát lại địa phương ngữ thì hỏng đi mất !

Cùng trong quyển *Thông chí* vừa dẫn (trang 63) dịch giả có phiên âm một tên sông là *Bạch Ngưu*. Có ai nghe biết con sông *Bạch Ngưu* ở chỗ nào và có ai nghe ai gọi cái tên ấy bao giờ đâu ! Chúng tôi cố gắng tìm hiểu thêm trong sách về các vùng phụ cận, mới biết rằng sông này ở cách rạch Đốc Vàng Hạ 19 dặm và cách rạch Đốc Vàng Thượng 3 dặm gần đó. Thì ra mới vỡ lẽ, đó là sông *Trâu Trắng*. Vậy trong trường hợp này, ta phải dịch nghĩa thôi.

Để cho được tỏ rõ sự liên hệ và thực tế của các danh xưng địa lý vùng này, xin dẫn bài bát cú hứng ngâm trong khi du ngoạn trên dòng Tiền Giang của Tú tài Trần Hữu Thường. Tú tài Thường xuôi dòng từ Cái Vừng (Long Sơn Châu) xuống Tân Thuận (Cù lao Trâu), phải trải qua Cù lao Tây (tức Cù Tây), rạch Đốc Vàng và vàm Trâu Trắng (tức sông Phong Mỹ)...

*Tân Thuận đường đi cách mấy làng,
Xa xôi mỗi mắt ngó mê man.*

*Mịt mù khuất lấp vàm Trâu Trắng,
Lúp xúp cây giăng rạch Đốc Vàng.
Mưa tạnh bên trời mây chớn chở,
Buồm treo mặt nước sóng lan chan.
Cù Tây nghĩ nhớ khuôn trời đất,
Giục già lòng trung ứa lá gan !*

Còn nhiều nữa. Nhiều lắm những cái lầm như vậy ! Cù lao Dài người Vĩnh Long, Kiến Hoà ai mà không biết, nó nằm giữa sông Cồ Chiên và Pang Tra, vậy mà dịch giả đã «mệnh danh» cho nó là *Cù lao Trường* hoặc

Bãi Trường Châu ! Còn về phong tục, người Lục tỉnh hay thắp đèn trời mỗi khi hoàn nguyện, cho dầu ai không lòng tin ngưỡng cũng từng nghe thấy mà biết, thế nhưng dịch giả lại cứ theo nguyên văn mà chép là *Thiên đăng* và chăm hỏi liền bên cạnh đề nghị vẫn xem thiên đăng là chi !

Ca dao từng được hát :

*Mỗi năm mỗi thắp đèn trời,
Cầu cho cha mẹ sống đời với con !*

Đèn trời là đèn bạch lập, được xe thành một đôi to, đem đốt trên một hương án đặt vọng giữa trời vào những ngày lành tháng tốt mà kêu xin, cầu đảo. Người ta cố đốt cho cháy hết cả đôi đèn, có khi suốt sáng, chớ không bao giờ thôi tắt.

oOo

Mục đích của bài viết nhỏ này là nhằm nhắc nhở việc *kêu tên cho đúng*. Do đó, những điều dẫn trên chỉ xin bạn đọc xem là thí dụ chứ không coi như phê bình, những thí dụ mà chúng tôi nghĩ rằng có góp phần xây dựng ít nhiều ở tương lai.

Về phần phê bình, với bản dịch *Đại Nam nhất thống chí*, Lê Thọ Xuân đã có bài viết công phu trên hai số *Đồng Nai văn tập* từ mấy năm trước, thì nay, với bản Việt dịch sách *Gia Định Thành* (một bộ sách quý mà G.Aubaret đã có dịch ra Pháp văn từ 1863 dưới nhan đề *Histoire et description de la Basse Cochinchine*) chắc Lê tiên sinh cũng có xem qua và rồi cũng sẽ có thể có góp ý chứ chẳng không !

Công ơn của các học giả, các sử gia tiền bối, các dịch giả lão thành, bất luận chủng tộc địa phương, theo thiên ý thật là cao cả. Nhờ họ mà tinh hoa nhân loại được bảo tồn, kiến thức con người được trao đổi và rộng mở. Nhưng cảm ân là một

mà không bước theo những bước lệch tại là một điều cần hơn. Tôi tin rằng trong tinh thần trách nhiệm, tất cả đều thông cảm cùng tôi nơi quan điểm này.

NGUYỄN VĂN HẦU



TOM PAINE

Tom Paine là gì???

Là một cái tên tuy xa lạ với chúng ta, nhưng rất quen với các nhà cách mạng khét tiếng.

Tom Paine

Nhà cách mạng đơn độc, một đời tranh đấu cho người, trọn đời vì người, vì đời, vì nhân loại. Đến rồi sau cùng, khi nhắm mắt nằm xuống, không một người, không một giọt nước mắt thương vay cho người suốt đời làm cách mạng phục vụ cho đời.

Tom Paine

Nhà cách mạng lừng danh chưa bị xóa được trong lịch sử cách mạng ở Châu-Mỹ.

Tom Paine

Một tác phẩm lớn của Howard Fast, với bút pháp độc đáo, hấp dẫn, tân kỳ, làm say mê người đọc như ở trong hoàn cảnh thực của nhà cách mạng Tom Paine.

Tom Paine

Dù người đọc khó tánh đến đâu cũng phải hài lòng.

Tom Paine

Sẽ ra mắt các bạn đọc

ĐỒNG NAI TÔNG PHÁT HÀNH

270 Đề Thám Saigon

Đ.T. 20.942

Bàn về một vài danh-từ Y-học Đông Tây trong Việt-ngữ

Tiếng Việt đã được dùng làm chuyên-ngữ trong công việc giảng-huấn y-học ở nước ta từ khá lâu. Nhằm phục-vụ chủ-trương ấy, một số công-trình dịch-thuật biên-khảo đã được ấn-hành, đề-cập đến nhiều bộ-môn của y-khoa, bên cạnh vài cuốn từ-điển danh-từ y-học và một số khá nhiều luận-án lấy dịch-thuật thư-liệu chuyên-môn ngoại-quốc và soạn-thảo danh-từ y-khoa Việt-ngữ làm đối-tượng. Trong những năm gần đây, một số không nhỏ luận-án y-khoa của Trường Y-Khoa Sài-gòn chẳng hạn chỉ là những bản dịch y-học từ Pháp, Anh-ngữ sang Việt-ngữ. Thư-liệu tham-khảo của những công-trình ấy chủ-yếu là các từ-điển y-học đối-chiếu Pháp hoặc Anh-ngữ với Hoa-ngữ. Cho nên thông thường những từ y-khoa mà chúng ta dùng bằng tiếng nước mẹ là những từ thoát thai từ Hán-văn. Vì vậy, sự-kiện nền y-học tân-tiến của Việt-nam, trong phạm-vi thuật-ngữ của mình, đã vay mượn của Trung-y nói riêng, của Đông-y nói chung, một số rất lớn danh-từ chuyên-môn là một sự-kiện hiển-nhiên.

Những từ cơ-thể-học như *u môn*, *lan môn* đều đã được dùng trong các thư-liệu kinh-điển của phương Đông-kê cả Nội-Kinh. *Thương-hàn* là một từ được khai-sinh từ mối lương-duyên Hoàng-Đế, Kỳ-Bá. *Tỳ, vị, thận, tâm...* là những tiếng đã được Nạn-kinh đề-

cập đến rất nhiều. Chữ *thấp*, chữ *phong* trong *phong thấp*; chữ *ung*, chữ *thư* trong *ung-thư* là những từ một trăm phần trăm Đông-y. Có những tiếng chúng ta nói hằng ngày, và gần như đinh ninh là chữ Nôm thuần-túy, tiếng Việt hoàn toàn, lại chính là những từ vay của Hoa-ngữ (hay của Đông-y thì cũng thế) *đàm, cảm, lậu, suyễn, lao, điên...* *Trúng gió* chỉ có nửa sau là Việt, nửa trước chính là Hoa. Có cần ghi thêm: *di tinh, liệt dương, thờ tả...*?

Thư-biên Đông-phương mô-tả hết sức sớm một chứng bệnh thường thấy trong mùa hạ, mùa thu, với chủ chứng là đau bụng, mót rặn, đi tiêu nhiều lần, ra chất màu đỏ hoặc màu trắng. Nội-Kinh gọi là *trường tích*, Thương hàn luận và Kim quỹ yếu-lược quy-nạp chứng này với tiêu chảy và mệnh-danh là *hạ lợi*, cũng có khi mô-tả là *nhiệt lợi hạ trọng* để phân-biệt với chứng tiêu-chảy phổ-thông. Mãi đến đời Tấn, sách thuốc Trung-Hoa mới sử dụng từ *ly*, từ này càng ngày càng trở nên thông-dụng, và đến nay thì được cả Đông lẫn Tây-y dùng trong ngôn-ngữ Việt.

Lấy hệ-thống lý-luận của Nội-Kinh làm cơ-sở, đồng thời kết-hợp với thực-tiến lâm sàng và phối-nạp mạch-tượng cùng nguyên-nhân của bệnh, Trương-Trọng-Cảnh đã chia *hoàng-đẩn* thành bốn loại: *cốc đẩn, tửu đẩn, nữ lao đẩn* và *hắc đẩn*. *Bồ*

Chữ bệnh nguyên hậu luận của Sào-Nguyên-Phương tế-phân ra 28 chứng-hậu khác nhau, trong khi sách Thánh-tề tổng-lục chia tỷ-mỷ thành chín chứng *đản* và ba mươi sáu chứng *hoàng*. Ngày nay, trong thư-khố Việt-ngữ của mình, Tây-y, vẫn trong chiều hướng nhờ vả Trung-y, đã bắt chước xe duyên cho hai trẻ *hoàng* và *đản*, đề dịch những từ *ictère*, *icterus*, *ikterus* của Pháp, Anh, Đức.

Nếu câu chuyện chỉ có thế thì thực cũng chẳng có gì nhiều đáng đề nói và viết. Nhưng có một điểm thiết nghĩ nên và cần nêu ra: sự biến nghĩa của các từ y-học, khi bước từ đất đứng Đông-y qua Tây-y. Chúng ta sẽ xét qua một vài từ làm mẫu.

oOo

Trong một kỳ Đố vui đề học, một giáo-sư giám-khảo đã giải-thích cho những môn-sinh tham-dự rằng *tỷ* của Đông-y là dạ-dầy, là bao-tử. Dĩ nhiên nhiều người không đồng ý. Mà không đồng ý trước hết hẳn phải là giới Tây y-sĩ. Vì trong Tây-y, *tỷ* là tiếng đề dịch chữ *rate* của Pháp, chữ *spleen* của Anh. Mà hai chữ này thì ai cũng biết là không hề chịu chỉ cái dạ dày bao giờ cả. Thế nhưng khi một bà mẹ ẵm đứa con đến cho một bác-sĩ khám bệnh và nếu bà ta khai rằng con tôi ăn uống không tiêu, đi phân xấu, chắc lại *tỷ* nó yếu, thì cũng rất dĩ nhiên là bà mẹ Việt-Nam ấy không hề bao giờ muốn dùng chữ *tỷ* để chỉ cái cơ quan nằm trong bụng, phía bên hông trái, dưới hoành cách mô, của khoa cơ-thể-học hiện-đại. Trái lại,

bà ta, nếu không muốn nói là *bao-tử* con mình yếu, thì chắc chắn cũng chỉ muốn diễn tả rằng *hệ tiêu-hóa* của cháu nhỏ có phần không được bình thường.

Vậy thì đề góp phần giải đáp cho câu hỏi thoát nghe có vẻ giản-dị nhưng thật là hóc-búa của Trung Tâm Học Liệu, chúng ta thử xét qua một ít tài-liệu Trung-y để xem tiền-nhân phương Đông quan-niệm thế nào về *tỷ*.

Nội-Kinh bảo «... cam sinh *tỷ*», hàm ý con người hấp-thụ vị ngọt sinh ra *tỷ*. Về chức-năng sinh-lý — Đông-y thường gọi là khí-hóa—thì những câu «*tỷ* thống huyết», «*tỷ* ố thấp», «*tỷ* tàng ý», «*tỷ* vị giả thương lẫm chi quan, ngũ vị xuất yên», «*tỷ* vị ngũ tạng chi mẫu» v.v... cho chúng ta một ý-niệm rõ rệt rằng *tỷ* là một chức-năng phức tạp, một tập-hợp những hiện-tượng sinh-lý bao gồm rất nhiều lĩnh-vực thuộc bộ môn sinh-lý-học hiện đại: tiêu-hóa, nội-tiết, thần-kinh, tuần-hoàn, phôi-học.., nhưng quan trọng nhất dĩ nhiên vẫn là tiêu-hóa, bởi lẽ «*tỷ* chủ vận-hóa, vị chủ thu-nạp»: chủ yếu *tỷ* lo tiêu-hóa thức ăn, vị lo hấp thụ thức ăn. Thực ra thì các bậc tiên-y phương Đông cũng có những khái niệm cơ-thể-học về *tỷ*. Nạn-kinh chẳng hạn mô tả: «*Tỷ* nặng hai cân ba lượng, hình thềm mỏng, rộng ba tấc, dài năm tấc, trong có nửa cân mỡ». Bộ Y-lâm cải-thác ghi «*Tỷ* có một đường nước chảy gọi là linh lung quản...». Tuy nhiên, một nét độc-đáo cơ-bản của lý-luận Đông-y là rất coi trọng khí hóa,

không lưu tâm đến hình-thể, cho nên người xưa học về các cơ-quan trong người cũng chỉ là học qua, đề nhớ vị trí của kinh-lạc, hầu giúp cho vấn-đề tìm hiểu sự biến-hóa của chính khí và tà-khí trong cơ-thể thêm dễ-dàng; và vì vậy, ít dùng đến khoa giải-phẫu, và họa hoằn lắm thì mới có một vài tác giả áp dụng việc mổ xẻ thi-hài. Hoa Đà, Vương Thanh Nhiệm luôn là những khuôn mặt rất đặc-biệt của Trung y. Cho nên nếu một sinh-viên y-khoa, tuy chỉ mới học một hai năm trường Thuốc, mà vẫn còn không biết tỳ — tự nhiên là tỳ hiểu theo Tây y — là gì, không biết tỳ nằm ở đâu, tỳ có những chi-tiết cơ-thể-học như thế nào, thì người ta có thể kinh ngạc, nhưng trái lại, một vị Đông y - sĩ lão - thành, sau vài mươi năm hành nghề, đọc hằng trăm pho sách thuốc, vẫn có thể rất thản nhiên hỏi một đồng-nghiệp Tây-y đề tìm hiểu xem tỳ nằm ở đâu trong cơ-thể. Đặc-biệt độc-đáo hơn nữa, có những thư-liệu y-khoa Đông-phương còn dám ghi «tỳ ở về bên hữu». Một bác sĩ Tây-y, vớ phải những tài liệu như vậy trong kho tàng sách thuốc cổ truyền, hẳn không thể nào kiểm chế được sự bức dọc, bất-bình, rồi từ đấy, rất có thể đi đến những ý nghĩ, những kết luận thiên lệch đối với Đông Y. Hoặc như nghe người xưa mô tả «Tỳ sắc vàng» thì hẳn là một chuyên gia giải phẫu chỉ muốn mời những ai kia chủ trương như vậy vô phòng mổ, banh

bụng bệnh nhân ra và chỉ cho xem để biết rõ tỳ màu vàng hay màu nâu đỏ? Nhưng để gì mà thỏa nguyện, vì những ai kia ở đây là Hoàng-Đế, là Kỳ-Bá, nghĩa là những nhân-vật được mô tả là đã sống cách những mấy nghìn năm!

Tuy nhiên, ở đây chỉ là những chuyện hiểu lầm: khi cho rằng tỳ ở phía hữu, Đông-Y đã căn-cứ vào bộ vị chân mạch tương ứng với tỳ-tạng để trình bày chứ không phải muốn nói đến vị-trí cơ-thể-học, vì người Đông y-sĩ bắt mạch của tỳ ở vị-thế *hữu quan*. Cũng tương tự như vậy, màu của tỳ, nếu được Nội Kinh mô tả là vàng, thì đây là đề-cập đến lẽ khí-hóa, thuộc học-thuyết ngũ hành: hoàng (vàng) là màu của thổ, mà thổ là hành tương-ứng với tỳ, trong quan hệ tương liên giữa ngũ-hành và ngũ-tạng... Vả chăng, và cũng nên nói thêm, Hoài-nam-tử cũng đã từng minh-định «tỳ ở bên tả, can ở bên hữu» khi xét tỳ dưới giác-độ cơ-thể-học thuần-túy.

Tóm lại, chữ *tỳ* của Đông y đã và sẽ không bao giờ là chữ *rate* của Tây-y, bởi lẽ, với từ ấy, Đông-y chủ-yếu đề cập đến một *chức năng sinh lý học* trong khi Tây y dùng cùng một từ, *vay của Đông-y* để chỉ một *cơ-quan cơ-thể-học*.

Vậy câu trả lời chính-xác cho câu hỏi của Trung-Tâm Học-Liệu đành để cho quý vị ở Trung-Tâm Học-Liệu tìm ra. Và lại có thể nói là họ cũng đã tìm ra rồi.

Những nhận xét liên hệ đến tỳ

có thể áp dụng rộng rãi cho các từ khác mà Đông-y dùng để chỉ ngũ tạng lục phủ. Cho nên, về phương-diện bệnh-lý chẳng hạn, một bệnh nhân bị ù tai, điếc tai có thể là vì suy... thận, theo lý luận của Đông-y. Bởi tai là ngoại-khiếu của thận, thuộc đường túc thiếu âm thận kinh, đúng như bộ Linh xu, thiên Mạch độ mô tả «khí của thận thông lên tai, thận điều hòa thì tai nghe được ngũ âm». Vả chẳng, thiên Hải luận, cũng cùng một sách, trình bày : «Bề tủy không đủ thì long óc ù tai». Đông-y cho rằng não là bề của tủy, thận chủ về xương tủy, tinh của thận hư tổn, đương nhiên não lực phải suy yếu, và vì vậy, phát sinh ù tai, nghe kém v.v... Thận cũng có thể là nguyên nhân của chứng... đại-tiên bí, nên (và bởi) thiên Chí chân yếu đại luận trong Tố-Văn ghi «Đại-tiên khó đi... bệnh do ở thận». Dĩ nhiên, nếu chỉ hiểu thận theo nghĩa cơ-thể-học của Tây y thì ta không thể nào chấp nhận được những liên-hệ giữa cơ-quan bài-tiết nước tiểu với những tình trạng bệnh-lý vừa kể (và rất nhiều tình-trạng bệnh-lý khác nữa). Nhưng nếu dựa vào hệ thống lý luận Đông-y thì vấn-đề trở nên thực giản-dị, minh bạch.

oOo

Chữ *thương hàn* là một từ mà giới Tây y trên đất Việt dùng để dịch các từ *fièvres typho-paratyphiques*, *typhoid fever* của Pháp, Anh, tức là một loại bệnh nhiễm, do một loại vi trùng rất rõ rệt gây nên. Phần lớn chúng ta, kể cả giới bình dân, đều

hiểu *thương-hàn* theo nghĩa ấy, mà Đông-y quen gọi là *thương-hàn* nghĩa hẹp (*thương hàn hiệp nghĩa*).

Nhưng thường thì hai chữ *thương hàn* trong Đông y lại có một nghĩa rất rộng-rãi, phức-tạp.

Trước hết, khai sinh ra từ *thương-hàn* vẫn là Hoàng-Đế Kỳ-Bá với những danh-ngôn bất-hủ «*đông thương vu hàn*, xuân tất bệnh ôn» và hoặc «*nhân thương ư hàn giả, tắc vi phát nhiệt*» v.v... Trong các thế-hệ hậu-bối, chữ *thương hàn* luôn luôn được hiểu theo cùng một nghĩa rất rộng rãi, bao la ấy (*thương hàn* quảng nghĩa của Đông-Y) tức là *những bệnh chứng do cảm phải khí lạnh mà ra*. Vương-Thúc-Hòa, Trương-Cảnh-Nhạc, Lý-Diên, Trần-Tu-Viên và nhất là Trương-Trọng-Cảnh, với kiệt tác *Thương-hàn-luận*, đều cùng một lập-trường. Một bậc tiên-y Việt Nam, Hải-Thượng Lân Ông, có lẽ cũng chia xẻ cùng một quan điểm khi đại y-tôn chủ-xướng học-thuyết rất độc-đáo của mình «*Linh-Nam vô thương hàn, ma quế thang tuyệt bất khả dụng*».

Khi Tây y mang khoa-học giải-thích, nghiên-cứu Đông-y, thì những tác giả lớn của Tây-phương cũng thấu triệt lập-luận ấy. Cho nên hai chữ *thương hàn* luôn luôn được dịch là «*maladies causées par le froid*» trong Pháp ngữ, là «*ailments attribuable to the cold*» trong Anh-ngữ, là «*die durch Kälte verursachten Krankheiten*» trong Đức ngữ. Nhưng cũng có người nhầm. Ilza Veith,

trong văn-bản Anh-ngữ lược-dịch bộ Nội-Kinh Tố-Vấn, đã có khi gọi cuốn Thương-hàn-luận của Trương-Trọng-Cảnh là Treatise on Typhoid Fever. Tuy vậy, trong các công trình trước-tác về sau, nữ học-giả dân Mỹ chồng Đức này đã dịch từ thương-hàn theo đúng nghĩa.

Tóm lại, từ thương hàn của Đông y đã và sẽ không bao giờ chỉ là fièvre typhoïde của Tây-y.

oOo

Những hiện-tượng thay hình đổi dạng ấy, trong phạm trù ngôn-ngữ, chúng ta gặp khá nhiều khi so-sánh, đối-chiếu Tây-y với đông-y.

Gán-ghép *ung-thư* của Đông-y với *cancer* của Tây-y thực là một cuộc phối-ngẫu ngang-trái gượng ép. Cơm chẳng lành canh không ngọt, cũng là tình-cảnh của đôi lứa *viêm-inflammation*. Từ *huyết-chứng* được Tây-y Việt-Nam dùng chỉ rộng-rãi các chứng-trạng về huyết, hiểu theo nguyên-học Trung-hoa, trong khi đối với Đông-y *huyết chứng* là những chứng mà huyết-dịch không lưu-thông theo đường tuần-hoàn bình-thường, lại tràn bầy ra ngoài nhân-thể. Như vậy, chữ *huyết-chứng* của Đông-y không tương-ứng với chữ *huyết-chứng* của Tây-y, mà chỉ có thể tương-ứng với một từ có nghĩa hạn-hẹp hơn, như *lưu-huyết* chẳng hạn. Chữ *lậu*, nếu có khiến các nữ độc-giả Bách-Khoa đỏ mặt và một số — hy-vọng chỉ là số rất nhỏ — nam độc-giả Bách-Khoa giật mình, thì đấy là lỗi ở Tây-y. Chữ nguyên-thủy Đông-

y chỉ gọi lậu là một tình-trạng đi tiểu khó, rát mà không bắt buộc nguyên-nhân phải là một món nợ Vu-sơn. Nói cách khác, khi còn ở trong hàng ngũ Đông-y lậu là một triệu chứng; nhưng khi đầu quân dưới tướng Tây-y, thì lậu đã được thăng quan tiến chức, và cải ngạch thành một chứng bệnh. Nhưng cũng có những từ không biến nghĩa khi đi từ Đông qua Tây: lan môn, bàng quan, khái huyết chẳng hạn...

Nếu câu chuyện có thể chấm dứt ở đây thì thực là tốt đẹp, thoải mái, thích thú.

Thực ra thì không phải chỉ có danh từ y-học Việt-ngữ mới gặp phải cái cảnh đáng mệnh-danh là tương-đối nghịch thường. Hai quốc gia Anh và Pháp, tuy chỉ cách nhau có biển Manche nhỏ hẹp, lại tuy cùng vay mượn ngôn-ngữ La-Hy để làm vốn liếng cho kho tàng thuật-ngữ y-học của mình, vẫn có những từ dị-biệt, dẫu rằng cận-tợ. Động-từ *to control* không hẳn có nghĩa là *contrôler*, trong y-khoa... Với La-ngữ, (*h*) *umerus* xưa là bả vai, nhưng ngày nay lại chỉ xương tay; *anus* là hai cái mông, nhưng hiện thời chỉ dùng để chỉ một cái lỗ; *vulva* thuở ban đầu là... tử-cung...

Bao nhiêu dâu bể, bao nhiêu đời đời. Nhưng cũng vẫn chỉ là vấn đề tìm hiểu ngữ-nguyên. Chữ không có gì thêm nữa.

Trái lại, ở Việt-Nam, các danh-từ dùng với những nghĩa khác nhau trong hai nền y-lý có thể là nguồn gốc

của những ngộ-nhân, và đi xa hơn của những thái-độ thiếu phần tương kính, tương thân.

Khi một Đông y-sĩ gọi một tình-trạng bệnh-lý là phúc-mạc-viêm thì thuật-ngữ được sử-dụng chỉ hàm ý là sưng màng bụng, với chữ sưng hiểu theo nghĩa giản-dị pha chút chất phác của y-lý cổ truyền, có thể không đồng-nghĩa với chữ péritonite trong Tây-y, và lại càng không hề tương-ứng với từ péritonite aigüe. Nhưng nếu một sinh-viên y-khoa hay một Tây y-sĩ khi nghe đề cập đến phúc-mạc-viêm mà lại không có co cứng thành bụng, không được giải-phẫu, thì những thành-kiến nặng nề rất dễ nảy sinh đối với Đông-y. Nhưng lỗi ở đây đâu phải do Đông-y, đâu phải do giới thầy thuốc cổ truyền! Y-học khoa-học, trong mục-dích dùng tiếng nước mẹ để diễn-tả, đã mượn chữ *viêm* của Trung-y để dịch từ inflammation. Những chữ «viêm», vốn chỉ có nghĩa là sưng trong Đông-y, không bắt buộc phải có nghĩa inflammation theo Tây-y, và nhất là giới Đông y-sĩ không hề có bốn phần phải hiểu chữ «viêm» theo... Tây-y, một khi chữ «viêm» sang ngang về làm một năng

dầu mới. Và cũng dĩ nhiên là không ai cấm Tây-y hiểu chữ «viêm» theo nghĩa inflammation, không ai cấm Tây-y vo tròn bóp méo nghĩa nguyên-thủy của từ liên-hệ, nhưng nếu từ đấy đi đến thái-độ khích-bác, bài xích Đông-y thì chắc chắn không cá nhân nào trong y-giới đồng ý.

Kho tàng ngôn-ngữ Đông-y đã in dấu ấn cực kỳ đậm nét lên thuật-ngữ y-khoa mà quốc-ngữ hiện đang sử-dụng. Tuy nhiên, có những từ mà nghĩa và quyền — bởi vì các từ đều phải có quyền hiện-hữu, quyền diễn-tả của chúng — đã được xác-lập minh bạch trong Đông-y, thì những nghĩa và quyền ấy không bắt buộc phải nhất quán với lối dụng ngữ của nền y-lý tân tiến qua và trong văn-chương Việt.

Người cho vay, vốn quảng-đại và quân-tử, thực ra không cần biết kẻ đi vay dùng vật mình cho mượn theo chiều-hướng, mục-dích, ý-nghĩa nào. Mà người mắc nợ — một món nợ không dễ gì trả được — hẳn nhiên không bao giờ muốn mang tiếng là phụng-vong ân bội nghĩa. Cho nên mới có những trang này.

TRẦN VĂN TÍCH

18-02-1973

Đã phát hành toàn quốc

THỜI MÙ SƯƠNG

Tập truyện NGUYỄN MAI

mỗi truyện ngắn là một chùm hoa gửi cho đời sống,
gửi cho tình yêu của một thời đẹp nhất.

TIẾNG VIỆT xuất bản

Câu chuyện ngày Xuân
từ bộ đời đến bánh Tết
và ngày Tết

● BÌNH NGUYÊN LỘC *sưu tầm*

Bộ đời Miền Nam đã lên lão làng : 90 tuổi

Thượng cồ sử của một dân-tộc không được dân-tộc đó biết rõ vì thiếu tài-liệu, nhưng sử cận đại của một dân tộc cũng không biết rõ hơn, mặc dầu tài liệu rất dồi dào, vì thiên hạ thấy rằng chuyện quá mới không xứng đáng được nghiên-cứu chăng?

Lần dò «*Tập-san hành-chánh Nam-Kỳ*», một thứ công-báo xuất bản thuở «*Liên-bang Đông-dương*» chưa thành hình, ta thấy được nghị-định do Thống-đốc Nam-kỳ là Đề-đốc Ohier ký vào năm 1883 thiết lập chế độ *Bộ đời* tại miền Nam nước Việt.

Thế là người Pháp đã phải mất đến gần một tư thế kỷ mới bình định xong phần đất nhỏ này mà họ đã chiếm từ năm 1859. (1859-1883 = 24 năm), vì có bình định xong, họ mới nghĩ đến chuyện lâu dài được. Thắng một trận lớn để chiếm Sài-gòn thì rất dễ, nhờ họ hơn ta rõ rệt về vũ khí, nhưng đem lại an ninh trật tự cho toàn cõi Nam-kỳ thì thiên nan, vạn nan, bởi du kích (Cần-vương) cứ đánh phá mãi không thôi, và kể ra thì họ đánh cũng lý, chống cự được tới một phần tư thế kỷ, với vũ khí thô sơ.

Việc thiết lập chế-độ bộ đời là

một biến cố quan trọng, được làm sớm hơn hết ở các quốc-gia Đông-Nam-Á, mặc dầu có nhiều quốc-gia bị người da trắng chinh phục trước ta đến mấy trăm năm.

Dưới đây là vài nhận xét lặt vặt vào dịp kỷ niệm cửu-thập chu-niên của Bộ đời.

—1/ Chỉ có những người năm nay được 90 tuổi, tính theo Dương-lịch, tức những người sanh năm Quý Mùi (1883) mới là có thể có tên trong Bộ sanh. Nói rằng «có thể», vì không phải hễ ký nghị-định là dân ta hăm hở đi khai sanh cho con cái đâu, bởi đó là một tân-thức quá mới mẻ ở Á-Đông, chỉ làm cho người dân nghi-kỵ sợ hãi, vì họ không ý-thức được sự ích lợi của bộ đời. Ta có thể đoán mò rằng chỉ có những người theo đạo Ky-tô mới hưởng ứng tân-thức ấy vì họ được các Cha sở giải-thích cho về sự ích lợi thực-tế của bộ đời, còn những người bên Lương thì cứ trốn tránh cái mà họ không biết sẽ đem lại hậu-quả nào cho họ.

Cũng nên biết rằng các Cha sở có sổ sách riêng để ghi các việc giá-thú và sanh đẻ và sổ sách này được «chánh quyền Đông Pháp» nhìn nhận có giá-

trị ngang hàng với bộ đời. Vào những năm 1946, 1947, 1948, v.v... mà phần lớn bộ đời đã bị thiêu hủy thì những người theo đạo chỉ cần trình ra một giấy chứng chỉ của các ông Cha sở, thì đương nhiên họ được xem là có khai sinh, hôn thú, khỏi phải ra tòa xin lập lại các thứ giấy tờ ấy như người bên Lương.

Thế là những người Công-giáo sanh trước năm 1883, vẫn được ghi tên vào sổ, nhưng chỉ là sổ riêng của các Cha sở, và với điều-kiện họ phải là người đi đạo. Ông thân sinh của kẻ viết bài này sanh năm 1878 (Kỷ Mão) mà lại là người bên Lương thì chẳng có tên ở đâu cả. Năm 1914 ở Nam kỳ, Tây bày ra thuế thân, thẻ thuế thân dùng làm thẻ căn-cứớc nữa, thì các cụ cứ khai theo năm âm-lịch và bớt đi một tuổi cho phù-hợp với Dương lịch, chớ thật ra thì không có cụ nào đồng niên với thân phụ của chúng tôi mà được ghi tên vào sổ bộ nào hết, trừ các cụ phía Ky-tô giáo.

— 2) Hương chức Hội-tề vào năm đó được bổ tước. Một nhân-viên được thêm vào. Đó là người mà Miền Nam gọi là Chánh-lục-bộ. Người đó rất quý, vì vào năm 1883 mà biết quốc ngữ để làm nòng công việc ấy, không phải là dễ. Nhưng viên chức ấy lại chiếm địa-vị hạng bét trong ban Hội-tề Miền Nam, vì các hương-chức khác là thân-hào nhân-sĩ của chế-độ cũ được giữ lại, họ không ưa một nhân-viên của Tây đặt ra.

— 3) Cái chữ quốc-ngữ của các ông ấy cũng rất là khả-nghi. Kẻ viết

bài này tên là « Tuấn » nhưng các ông lại ghi và bộ đời là « Tứng », báo hại về sau phải ra tòa xin sửa lại. Người miền Nam phát âm sai rất nhiều : cô Thoa bị ghi là cô Tha, cậu Nguru bị ghi là Ngu, cậu Đức bị ghi là Đút, cô Tuất bị ghi là cô Tứ v.v... Thế nên miền Nam mới có một nhà văn tên là Nguyễn-Chánh-Sắc, thay vì Sắc, có một nhà văn tên là Đặng-Thúc-Liên, thay vì Liên. Có một giáo viên tên là Nguyễn Thi Sách, nhưng trong giấy tờ lại là Nguyễn Thị Sách, hóa ra ai cũng ngỡ ông giáo ấy là đàn bà, vì ông Chánh-lục-bộ chẳng biết Thi là gì, nên cứ thêm dấu nặng cho nó thành chữ Thị là chữ mà ông ta biết.

— 4) Hiện nay tại miền Nam, những người sanh vào năm 1883 ấy, chắc không còn sống trên 100 cụ. Họ là nhơn chứng của hai trận thế-chiến, và quý hơn nữa họ là nhơn chứng của nếp sống thuần-túy Việt-Nam mà hiện nay ta không biết chắc nó ra sao về mọi mặt. Chúng tôi nói rằng vào năm 1883 đó thì Pháp đã bình-định xong Nam-kỳ, nhưng hẳn họ chưa đưa ảnh-hưởng của họ vào xã-hội Việt Nam được đâu, công việc ấy hẳn là phải đòi hỏi thêm một phần tư thế-kỷ nữa, tức vào năm mà các cụ sinh ra 1883 đã được hăm-lăm tuổi thì phong-tục ta mới nhiễm ngoại lai. Đó là những người đáng thương hơn hết vì họ là những người phải chịu cảnh ngõ-ngàng hơn hết trước một nền văn-hóa mới nó xóa nền văn-hóa cũ mà họ đã tiêm-nhiễm. Ta cứ đọc vài câu thơ của Tôn-Thọ-

Tường, một ông quan đã bị gọi là Việt-gian thì ta tưởng tượng được nỗi đớn đau của những người bị mất văn-hóa, bởi vì cả Việt-gian mà cũng khóc thì những người yêu nước còn khóc đến đâu nữa. Sử Trung-Mỹ và Nam-Mỹ chép rằng khi người Tây-ban-nha chiếm các nơi ấy rồi thì thổ dân — bị gọi lầm là Mọi da đỏ nhưng thật ra họ là người Mãlai — bèn tự tử tập-thể vì họ thấy không còn lý do sống nữa khi mà họ bị mất văn-hóa. Ngày Mã Viện đưa nền trực trị vào xứ ta chắc cái vụ tự tử tập-thể ấy cũng có thể xảy ra, nhưng không ai dè, vì sử Tàu chép sót, nên dấu vết bị xóa hết, khác hẳn sử Tây chép rõ về hai vùng Trung-Mỹ và Nam-Mỹ.

oOo

Hiện nay cách thức làm bộ đời cũng y hệt như xưa, về đại-cương, tức sổ của bộ đời là hai quyển cho mỗi thứ bộ : Bộ sanh, bộ giá-thú và bộ tử. Nhưng kinh-nghiệm đã cho thấy là không đủ, nhưng không hề nghe nói rằng chánh quyền có nghiên-cứu đề cải-thiện tình trạng thiếu sót đó không. Sổ là những quyển sổ ấy của bộ đời, được hương chức hội tề giữ một bản và tòa sơ thẩm của tỉnh giữ một bản, để phòng nơi này có bị tai trời ách nước hủy hoại một bản thì nơi kia còn. Nhưng vào năm 1945 thì nhiều làng ở miền Nam bị nạn « Phần thư ». Người dân chỉ còn trông cậy vào bản được giữ tại Tòa án của các tỉnh lỵ. Nhưng riêng ở miền Đông Nam-Việt thì quân đội của Hoàng-gia

Anh-cát-lợi lại thiêu hủy giấy tờ ở các Tòa án và các dinh hành chánh, lấy lẽ rằng đó là giấy tờ của chánh quyền đương thời là « Việt cộng ».

Nước Anh là một nước rất văn minh, nhưng không hiểu tại sao họ lại làm churóng đời và dốt nát như thế thì thật là khó hiểu : Việt cộng chỉ nắm chánh quyền có vài tháng thì làm thế nào có đủ thì giờ để tạo ra hằng núi giấy tờ, nhứt là đó là sổ sách ghi năm tháng là 1890, 1900, 1910 v.v... Và lại họ đến đề tước khí giới của kẻ bại trận là Nhật chứ nào phải đến đề tiêu trừ Việt cộng, đồng-mình đã giao sứ mạng cho họ với chỉ-thị rất rõ ràng.

Nếu có một bản thứ ba được tàng trữ tại Trung-ương Sài Gòn, thì dân của các tỉnh miền Đông Nam-Việt không phải chịu những khó khăn như họ đã từng chịu từ 1945 đến nay. Khai-sanh thì xin lập lại tương đối dễ, nhưng sổ án tòa thì tuyệt đối không lập lại được khiến cho nhiều thanh niên vì không thể nạp được sao lục án tòa mà đành không có cách tiến thân.

oOo

Con phố mang tên của viên Đề-đốc đã ký nghị-định thiết lập bộ đời tại Nam-Việt, con phố Ohier, hiện nay là phố Tôn-Thất-Thiệp. Đó là một con phố nổi danh tài sắc một thì. Chín mươi phần trăm nhà cửa ở con phố ngắn đó là nhà cửa của người Ấn theo đạo Bà-la-môn. Đó là xóm riêng của họ với chùa đền riêng, hiệu ấn riêng, hiệu thợ cạo riêng, hiệu tạp-

hóa riêng. Và đó là con đường kinh hoàng mà khách chiếm ngụ toàn là người Chetty, tức người cho vay nặng lãi. Ai mà đề chơn vào đó thì thường cả đời không trả hết nợ và tài sản phải bị phát mãi. Nay họ đã xuống chơn vì họ mất hơn phân nửa nhà cửa, mất phía bên có đền Bà-la-môn mà người chiếm ngụ hiện nay, mĩa mai thay, phần lớn lại làm một nghề có vẻ khiêu-khích là bán phở bò trong khi người Ấn ở đó kiêng ăn thịt bò.

Mười phần trăm nhà cửa, vào thời đó, không nổi danh về tài mà nổi danh về sắc. Đó là xóm chị em, không phải là chị em ta mà là chị em người Pháp. Chị em người Pháp rất được người mình hoan nghinh vì đó là một lối trả thù dân tộc của ta. Đó là trường-hợp độc nhứt mà dân bị trị được phép dầy vò mẫu-quốc Phalang-sa. Vô tình, chị em Pháp đã làm hoen ố Đê-đốc Ohier.

oOo

Thuở xưa ta không có bộ đời, nhưng lại không ăn gian tuổi được như ngày nay vì hai trở lực. Bình dân ta thường lấy năm sanh để đặt tên cho con. Một cậu tuổi Tuất đã mang tên Tuất rồi thì không làm sao mà man khai được rằng mình sanh vào năm Dậu để mà khỏi phải đi quân dịch vì chưa tới tuổi trưởng thành. Trở ngại thứ nhì là họ cũng không dám đổi tên. Họ mang tên Tuất, họ được mệnh giới, tức ma quỷ nê cái tuổi Tuất của họ, bây giờ đổi ra tên Dậu, biết ma quỷ còn nê nữa hay là

không?

Căn-cước ngày nay cũng bị làm giả được, còn ngày xưa không có thể gì hết thế mà kẻ bị tội lại khó mong thoát. Ông Cao-Bá-Nhạ, tác giả Tự-tình-khúc, đã cải tên đổi họ trốn-tránh được hơn mười năm, nhưng rốt cuộc vẫn bị bắt, vì việc kiểm soát ở các địa-phương rất là hữu-hiệu, còn đô-thị thì chưa xuất hiện đề cho con người dễ sống lẫn lộn ở đó một cách vô danh.

Những điều nói trên không có ý khuyên nên thụt lùi về cách thức cũ, vì tình thế đã khác rồi, nhưng vẫn phải nói ra đề ta được biết thuở xưa thiên hạ làm thế nào để phân biệt giả chơn. Một cậu tên là Nguyễn-văn-Hai dĩ nhiên là không thể thọ hưởng gia tài của ông Nguyễn-văn-Ba, vì chánh quyền địa-phương biết rõ con cháu của người quá cố, biết cả về tam-đại nữa chớ không phải chỉ biết có thế-hệ của họ không mà thôi.

Hộ-tịch và căn-cước đã trót có thì không thể bỏ, y hệt như đề điều ở Bắc-Việt. Tốt hơn là không bao giờ nên đắp đề cà, nhưng đã trót đắp thì cứ phải đắp hoài, bỏ đi là chết. Ở bên Tàu cũng thế, họ Mao đã muốn bỏ đề nhưng vô phương, nếu không đồ ra lối vài trăm tỷ Mỹ-kim để khai thêm năm bảy cửa sông Hoàng-Hà và vét sông Hoàng-Hà từ bờ biển lên tới nguồn mỗi năm một lần và mỗi lần tốn chừng một trăm tỷ Mỹ-kim. Chỉ có lưu-vực sông Cửu-Long là khôn-ngoan. Nước lụt mặc nước lụt, cứ đề vậy đề hứng phù-sa

H*

rồi chừng hai trăm năm là nữa là đất sẽ cao lên và sẽ không còn nước lụt đáng kể nữa.

Xin trở lại thẻ thuế thân dùng làm thẻ căn-cước. Loại thẻ này được đặt ra năm 1914 tại Nam Kỳ, còn tại hai miền khác thì sao chúng tôi không biết. Đúng vào năm đó, một sự trùng hợp xảy ra : Phi-trường Biên-hòa được thiết lập, chỉ nhỏ thôi chớ không quá to như ngày nay, nhưng thuở ấy được xem là quá to. Một câu ca dao được dân chúng bắt đầu hát vào năm đó mà chúng tôi đoán là xuất hiện trong tỉnh Biên-hòa, vì vào thuở ấy phương tiện thông-tin kém lắm, ở các tỉnh khác dân ta không nghe nói đến phi-trường ấy, câu hát như vậy :

*Đời Tây bó buộc bày cuộc máy bay
Giấy năm năm gọi lại, kẻ lẩn tay.
người chụp hình.*

Dân chúng tỉnh Biên-hòa ngộ-nhận, tưởng thuế thân chỉ bày ra bầu lấy tiền thiết lập phi-trường, và đó là một thứ thuế tạm vài năm, dè dặt họ phải đóng cho tới năm 1947 mới thôi, khi một thứ Chánh-phủ Nam-kỳ được thành-lập, bãi-bỏ thuế ấy để tạo uy-tín cho một chánh-quyền mới có lần đầu tiên trong nước, sau hơn 100 năm mất chủ quyền.

Bình dân miền Nam gọi giấy đó là «Giấy năm năm», vì dùng được trong thời gian năm năm mới thay giấy mới. Loại căn-cước ấy bề ngang bằng bốn ngón tay người lớn, bề dài bằng năm lần như thế, xếp làm năm, mỗi năm biến thành một ô, ai đóng

thuế rồi là ô đó được ghi là đương sự đã xong thuế vụ. Tuy đó là thẻ căn-cước, nhưng không bắt buộc phải gắn ảnh, nhưng lẩn tay thì nhất định phải có, hóa ra thẻ không giống nhau, thế nên dân chúng mới hát là « Kẻ lẩn tay, người chụp hình».

Thuế phải đóng là bốn đồng rưỡi mỗi người và mỗi năm, và rất «bình-đẳng», không phân biệt giai-cấp, ông bá hộ vẫn đóng y như người tôi tớ của ông ta. Nước Pháp đã chứng tỏ là họ chủ trương bình đẳng thật sự, chỉ phiền là sự bình đẳng chỉ được áp dụng độc nhứt ở chỗ đó mà thôi. Nhưng bốn đồng rưỡi thì quá to đối với một công nhân mà lương tháng chỉ có ba đồng ; Thế nên nhà văn Sơn Nam điều tra và thấy rằng dân của những vùng Rạch Giá, Cà mau, toàn là dân trốn thuế thân lúc ban đầu. Đó là vùng hoang-vu chưa thôn xóm gì hết, ai không đóng thuế nôi, cứ chớ vài gia lúa vào đó rồi khăn-hoang thế là được sống yên ổn, có gạo ăn hoài mà không cần thẻ căn-cước. Hóa ra thuế nặng rất có lợi cho việc khai hoang ở Nam kỳ vì rồi những người trốn thuế thân trở nên khá-giả thì lại muốn sống công khai, nên họ xin lập làng, chịu đóng đủ cả các thứ thuế, chỉ có khác là tên họ của ai cũng khác hết, ông Nguyễn văn Hai ở Mỹ Tho, hóa thành ông Trần văn Ba sanh ra tại Cà mau.

Các bạn trẻ ngày nay không ai biết cái chnyện lịch sử quá mới ấy hết, và tưởng nếu sở Văn khố ta mà mở một cuộc triển lãm trưng bày một mớ thẻ thuế thân, một mớ khai sinh của

thuở ấy ra thì chắc là phòng triển-lãm sẽ ăn khách lắm, vì khán giả hẳn là thích xem cô Lê-thị-Quít được các Chánh-lục-bộ thuở đó ghi là Lê-thị-Uích. Có những người Việt đã nhà quê lại dốt nhưng thích làm Tây, nên đặt tên cho con là Lý-văn Premier, Phan-văn Papa (chuyện có thật một trăm phần trăm).

Loại thẻ căn-cước đó cho mượn được vì các ông Cảnh-sát không biết nhận-diện dấu lặn tay với chỉ tay của người cầm thẻ, nên người trốn thuế, nếu có bạn hữu đồng lú thì có thể đi đứng dễ dàng, không phải trốn-tránh.

Việc xét thẻ gây ra lắm cảnh buồn cười. Theo luật của Nam kỳ thì Cảnh sát không được xét thẻ trong các hiệu ăn. Lắm khi một cảnh-sát-viên nhận diện được một người trốn thuế, trong hiệu cà phê, nhưng chỉ đứng chờ ngoài cửa mà thôi. Anh trốn thuế vẫn biết vậy, nên anh ta ngồi lì trong đó, báo hại tới bữa ăn, ông cảnh-sát-viên phải tìm cách nhả tin về bót, xin người thay thế, và họ thay phiên nhau mà rình từ sáng cho đến 12 giờ đêm, anh trốn thuế chỉ phải gọi nhiều tách cà-phê là được ngồi hoài trong hiệu. Đó là một cuộc thi đua chịu đựng hể ai mới trước thì thua.

oOo

Ông Phan Khôi, thuở làm báo trong Nam đã công kích hai nhà văn Nguyễn-Chánh-Sắt và Đặng-Thúc-Liêng là dốt, nhưng hai nhà văn đó đâu có dốt. Kẻ dốt là ông Chánh-lục-bộ, với lại các cụ đi khai sanh cho con. Nhưng thật ra thì không có ai

dốt hết, hể phát âm sai là viết sai. Trong Nam Sắt với Sắc phát âm y hệt như nhau. Và lại Nam Bắc Trung đọc chữ Nho thường khác nhau, như truyện Tàu *Thủy Hử* thì các bản dịch ở trong Nam in là *Thủy Hử*, không phải là các dịch-giả miền Nam không biết chữ nho mà tại họ đọc Hử là Hủ. Chữ *Dánh* là Trà thì trong Nam đọc là *Mính*, vì thế mà mới có báo *Nông cổ mính đàm*; chứ không là báo « *Nông cổ đánh đàm* », và vì thế mới có ông *Mính-viên Huỳnh-thúc-Kháng* chứ không phải ông « *Dánh-viên Huỳnh-thúc-Kháng* ». Nhưng cái mắng-xét của tờ báo « *Nông cổ mính đàm* » lại in to to bố bố là « *Nông cổ mìn đàm* », không có chữ « *h* ». Người ta lại chê tòa-soạn báo ấy dốt. Nhưng chưa chắc họ đã dốt. Âm « *mính* » hồi xưa phát âm là « *min* », còn thấy được trong chữ « *Min* » là « *Ta* », nay biến thành « *Mình* ». Có người chê đồng bào miền Bắc dốt về âm đầu, như *Đi ra*, nói là *Đi da*, riêng chúng tôi thấy là miền Bắc đã phát âm đúng theo âm của chủng-tộc. Lạc bộ Trãi trên thế-giới không có nhóm nào có âm « *R* » đầu cả, mà trong nước thì thuở xưa Lạc bộ Trãi đa số. Tự-diễn Đại-Hàn không có trang nào đề dành cho chữ nào có âm « *R* » đầu hết, mà họ là Lạc bộ Trãi thuần túy. Ít có người Nhật phát âm được âm « *R* » chỉ vì họ rất giống Bắc Việt, tức Lạc bộ Trãi đa số tại Nhật. Cụ Tú Võ-Oanh, một ký-giả kỳ-cựu ở đây, nhưng gốc người Nghệ-Tĩnh cho biết rằng ở Nghệ-Tĩnh người dân gọi Cây Đa không là cây « *Đa* » như

ở Bắc mà cũng không là cây « Da » như ở Nam mà là cây « Đda », tức với hai âm Đ và D và cụ tin rằng đó là âm đúng của dân tộc vì ở vùng đó, các âm xưa ít bị biến đổi hơn ở Bắc và ở Nam.

oOo

Câu chuyện Hộ-tịch đã nhảy sang câu chuyện phát âm. Đúng là câu chuyện trà dư tửu hậu của ba ngày Tết. Đã là trà dư tửu hậu, thì xin cứ tiến sâu vào đó cho nó cạn chén Mìn đàm ngày Xuân. Một hôm, cụ Bùi Hữu Sùng hỏi đồ kẻ viết bài này : « Theo anh thì danh từ Tết do đâu mà ra ? » Thường thì ai cũng cho là do danh từ Tiết là thời tiết. Chúng tôi thấy khác, nhưng chúng tôi không dám trả lời câu hỏi của cụ Bùi vì nói sự thật ra nghe nó đau lòng quá. Trải qua lịch sử của họ, Trung Hoa đã nhiều lần thay đổi lịch, tháng Giêng ngày nay không phải là tháng Giêng ngày xưa, mà ngày xưa, các tháng Giêng cũng khác nhau, đôi khi khác nhau đến ba tháng. Đó là điều mà ai cũng đã biết thì xin không đi vào chi tiết. Vậy thời tiết của ngày Tết đã bị thay đổi nhiều lần rồi và hẳn lễ Tết không vì thời tiết mà có được. Tên của một lễ, thường dựa vào cái gì vĩnh viễn mà không dựa vào cái bấp bênh.

Chúng tôi thấy trong vài tự điển Trung Hoa có danh từ *Tiết-bính* mà theo định-nghĩa thì đúng là Bánh Tết của Trung và Nam. Chúng tôi tự hỏi Trung Hoa đã học của ta danh từ đó rồi phiên âm, hay ta đã học

của họ, và chúng tôi phải trả lời rằng chính ta đã học củ a họ, vì cái lễ này là chữ « Tết » của ta sai nghĩa còn chữ « Tiết » của họ thì rất đúng nghĩa.

Trong Việt-ngữ « Tết » là gì ? Tết là tách đôi ra, *theo chiều dọc*, mà không có dùng dụng cụ. Nhưng ta đâu có tách đôi bánh tết như thế. Ta cắt bánh *theo chiều ngang* mà không theo chiều dọc và với một thứ dụng cụ thô sơ, ở thôn quê còn dùng, là cắt bằng chính sợi dây dùng để bó bánh tết.

Chữ Tiết của Tàu thì lại rất đúng. Tiết là *Bó thật chặt*. Quả thật bánh Tết được bó chặt hơn bánh chưng nhiều lắm. Vậy chúng tôi thấy rằng Tết do Tiết là Bó chặt, đọc trại đi. Tết là cái lễ mà bánh Tiết là món quà quan trọng nhất, vì sao thì chúng tôi truy chưa ra. Mà như thế thì bánh Tết phải có nguồn gốc ở Bắc Việt chứ không phải là độc quyền của Trung và Nam như ngày nay. Có bằng chứng nào để tin như vậy hay không ? Có, mà có khá đủ và khá vững : người Mường làm bánh Tết mà không làm bánh chưng. Người Mường thường không theo dõi những biến thiên ở dưới Kinh nên tiếp tục làm theo ngày xưa. Bằng chứng đó tưởng khó mà bác được. Bằng chứng sau đây lại còn nặng cân hơn. Người Nam-Dương gọi bánh Tết là *Kué Kochi*, tức quả Giao-Chỉ. Giao-Chỉ là Bắc Việt, còn Trung Việt chỉ là Cửu Chân và Nhứt Nam mà thôi. Nam Dương lại gọi bánh Tết là *Kué Doan*.

Người Mường gọi bánh Tét là *Bánh Đòn*. Đòn của người Mường, không phải là đòn như cây đòn đầu, mà là đọc sai tiếng «Đoan». Ở nhiều nơi, chúng tôi đã trình rằng Lạc bộ Mã có một danh-từ thứ nhì đề trỏ «Lá Cây», đó là danh từ «Đoan». Mặt khác chúng tôi cũng đã chứng minh nhiều lần rằng người Mường là Lạc bộ Mã thuần túy, nên họ nói như Nam Dương. Bánh Đoan là Bánh Lá, tức gói bằng lá, nhưng không phải là *Bánh Lá* của xứ Huế mà người Nam Dương và người Mường không biết là có. Vậy bánh Tét là bánh của Tàu, do người Giao-Chỉ học theo, sau thời Mã Viện, và Tết là danh từ mà dân Giao-Chỉ đã tự lực sáng tác chứ không phải mượn của Tàu, nhưng việc sáng tác thì có mượn chữ Tiết, vì vào ngày Tết thì bánh Tét là quà chánh.

Chúng tôi đau lòng là vì thế. Cái mà từ bao lâu nay ta cứ tưởng là

dân tộc tính của ta, hóa ra lại có gốc Hoa là *Tiết bình*.

Suy rộng ra, ta biết được rằng bánh chưng chỉ là sáng chế về sau vì Nam Dương không biết bánh chưng, còn người Mường, tuy có biết mà không làm, vì họ đã thôi học theo ta từ lâu rồi. Ta lại suy luận mà biết được rằng những cái mà Trung Nam có mà Bắc không có, thật ra không hẳn là không có. Bắc đã mất tục mà không dè còn lưu dân thì không hay biết những thay đổi ở đất tồ nên cứ theo tục xưa, rất là xưa.

Vậy câu chuyện cổ-tích về Bánh Trời Bánh Đất vào đời Hùng Vương không đúng, vì ta chưa học Tiết bình vào thời đó, còn bánh chưng thì lại còn chưa có hơn nữa.

Phụ-chú.— Chữ Tiết, ta chỉ dùng về tinh-thần, như *Tiết chế* chẳng hạn, nhưng người Tàu thì dùng cả về vật chất nữa.

BÌNH NGUYỄN LỘC

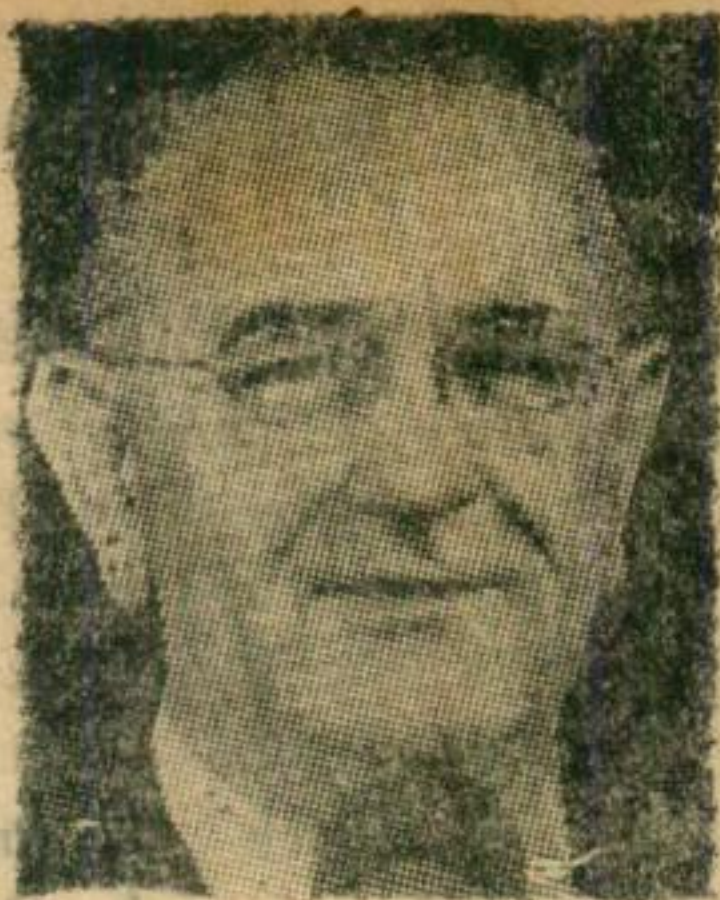
TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin :

Chị **HOÀNG HƯƠNG TRANG** (HOÀNG THỊ DIỆM PHƯƠNG) và Anh **TRIỀU LINH** (NGUYỄN GIA PHÁI) sẽ làm lễ thành hôn tại Saigon ngày 10-3-1973 (tức 6-2 Quý Sửu).

Xin trân trọng chúc mừng Chị **HOÀNG HƯƠNG TRANG** và Anh **TRIỀU LINH** trăm năm hạnh phúc.

LÊ NGỘ CHÂU, VÕ PHIẾN, VŨ HẠNH, NGUYỄN NGU Í,
VĂN THANH, HOÀNG OANH, TẠ TỶ, MINH QUÂN,
TRẦN PHONG GIAO, TRÍ ĐĂNG, LÊ THANH THÁI.



Lyndon B. Johnson

*Con người tầm thường
hay vĩ đại ?*

Suốt một cuộc đời tận tụy phục vụ quyền lợi quốc gia, suốt một cuộc đời thắng lợi trên bước đường công danh huy hoàng, cựu Tổng Thống Hoa-kỳ Lyndon B. Johnson chỉ vì không vãn hồi nổi hòa bình tại Việt-Nam mà phải rời bỏ chính quyền, chìm vào bóng tối của quên lãng. Sự khôi hài của định-mệnh đã khiến ông qua đời đúng một ngày trước khi người kế vị của ông, Tổng Thống Nixon, tuyên bố là tại Paris các phe liên-hệ đã đi tới một thỏa-hiệp ngưng chiến tại Việt-Nam. Với những thành quả thu hoạch được về một đối nội Lyndon Johnson có đủ mọi yếu tố để trở thành một vĩ nhân của lịch sử chính trị Hoa kỳ. Nhưng chỉ vì không may mắn và chết quá sớm nên người ta vẫn có một ấn tượng rằng ông chỉ là một vị Tổng Thống tầm thường, kém cỏi.

Cuộc đời của Johnson là cả một chuỗi hoạt động không ngừng. Với tính hiếu động và quả cảm của một «cao bồi» Texas, ông đã góp

một phần vô cùng lớn lao vào công cuộc cải tạo xã hội Hoa-kỳ của thế kỷ thứ 20. Khi theo đuổi một lý tưởng ông đã không quản ngại mệt nhọc hay chứng bệnh đau tim cố hữu để lao đầu vào những hoạt động của một chánh-trị-gia có nhiệt tâm. Lúc thất bại, ông đã thẳng thắn chấp nhận số phận của mình để ra đi không nuối tiếc.

Từ địa vị một cậu giáo làng, Lyndon Johnson sở dĩ đã tiến bộ không ngừng trên bước đường công danh để lên tới địa vị Tổng-Thống là nhờ ở ý chí mãnh liệt và nghị lực không bờ bến của ông. Nếu là một Thượng Nghị sĩ « cáo già » ông đã thành công đến độ làm lu mờ cả Tổng Thống Eisenhower thì trong nhiệm vụ của một Tổng-Thống Hoa-kỳ, con người Johnson vụng về đã không đủ kiên nhẫn hoàn thành để đến nỗi phải mang nặng một mặc cảm tội lỗi khi trở về đời sống thường dân.

MỘT THƯỢNG NGHỊ SĨ « CÁO GIÀ »

Lyndon Baines Johnson sinh ngày 27-8-1908 tại một nông trại gần thành phố Stonewall thuộc tiểu bang

Texas. Stonewall, nơi đã chứng kiến những bước chập chững của Lyndon trước ngưỡng cửa cuộc đời, chỉ là

một thành phố nhỏ nghèo nàn cháy xém dưới mặt trời miền Nam chói chan. Cha của Lyndon làm dân biểu của tiểu bang Texas và mẹ cậu là một cô giáo dạy trường làng. Năm Lyndon lên 5 tuổi thì gia đình cậu rời tới Johnson City, một thành phố lớn hơn đôi chút. Tại đây Lyndon đã theo học cho đến hết bậc Trung học năm 15 tuổi. Để thoát khỏi cuộc sống yếu kém hàng ngày, Lyndon và vài cậu bạn cùng lứa tuổi choai choai đã bỏ nhà tới tiểu bang California mầu mỡ. Tại đây cậu đã làm đủ nghề, từ rửa chén cho tới gác cửa khách sạn mà đời sống vật chất và tinh thần cũng chẳng khá gì hơn. Ba năm sau, khi cậu 18 tuổi, thì mẹ cậu bắt cậu về để theo học trường Sư phạm tại tỉnh San Marcos hầu làm nghề dạy học như bà. Sau 4 năm tại Trường Sư phạm, Lyndon tốt nghiệp và được cử làm Giáo sư một trường Trung học tại Houston.

Nghề gõ đầu trẻ không hợp với tâm tính của một chàng «cao bồi» Texas hiếu động vì vậy nên chỉ một năm sau Lyndon đã chán ngán, giải nghệ, chạy theo cuộc đời chính trị hào hứng hơn. Sự nghiệp chính trị của Lyndon Johnson bắt đầu năm 1932 khi cậu được dân biểu Richard Kleberg chọn làm thư ký. Kleberg là một tay đại phú lại là dân biểu liên bang nên Lyndon Johnson được đưa tới Thủ đô Hoa-thịnh-đốn sống một cuộc đời, tuy bận bịu, nhưng hào hứng. Không bỏ phí thời giờ, Johnson ngày đi làm, tối đi học trường Luật-khoa Georgtown.

Lúc đó Tổng-Thống Franklin Roosevelt đang đưa ra một chính sách kinh tế táo bạo nên bị nhiều người chỉ trích. Lyndon ủng hộ hết mình chính sách «New Deal» của Roosevelt và được Tổng-Thống tưởng thưởng bằng cách cử làm Giám-đốc Phong-trào Thanh-niên chống nạn đình trệ kinh tế tại vùng Texas vào năm 1935 khi ông mới có 27 tuổi.

Người ta có cảm tưởng rằng từ năm 1934 cuộc đời của Lyndon Johnson bắt đầu lên hương. Vì chính trong năm này ông đã gặp một cô gái xinh xẻo, tóc hung hung lên là Claudia Alta Taylor, con của một tay đại tư bản, ở miền Đông tiểu-bang Texas. Với phương pháp tấn công vũ bão cuồng nhiệt của dân Texas, Lyndon, chỉ trong hai tháng trời, đã thành công trong việc đưa Claudia tới nhà thờ. Claudia không những xinh đẹp, giàu, mà tính nết lại vui vẻ, tung tăng như một con chim trên cành. Vì vậy mà chị người làm người da đen của cô đã tặng cho cô một cái tên rất dễ thương là «Lady Bird». Khi lấy Lyndon, Lady Bird-Claudia cho rằng cô đã «gặp một cái gì rất vĩ đại, tuy cô chưa biết là cái gì». Thế là cậu thư ký nghèo, lúc đó chỉ «vĩ đại» nhờ có tầm vóc to con, đã bước vào thế giới tài-phiệt Texas. Tại Hoa-thịnh-đốn, các Chủ-tịch Hạ-viện liên tiếp lại là John Nance Garner và Sam Rayburn đều là người Texas cả nên Lyndon leo bậc thang danh vọng rất lẹ.

Làm Giám-đốc Phong-trào Thanh-

niên chống nạn khủng hoảng kinh tế được 2 năm thì Lyndon Johnson ra tranh cử dân-biểu Hạ-viện Liên-bang, đại diện cho Tiểu-bang Texas. Ngay lần đầu tiên Johnson đã thắng một lúc 9 đối thủ để bước vào Điện Capitol, trụ sở Quốc-hội Lưỡng viện. Từ đó Johnson luôn luôn tái đắc cử dân biểu. Tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, vị dân-biểu trẻ tuổi này luôn luôn được ra vào Bạch Cung và được Tổng-Thống Roosevelt hết sức qu mến. Năm 1941, dân-biểu Johnson ra ứng cử vào Thượng Nghị-viện. Ông bị thất cử, và đây là lần duy nhất ông bị cử-tri chê. Tiếp tục giữ ghế dân-biểu cho tới năm 1948 thì ông đắc cử vào Thượng Nghị-viện.

Tuy lúc đó mới có 40 tuổi nhưng vì đã có 11 năm kinh nghiệm nghị trường, Lyndon Johnson, ngay từ khi bước vào Thượng-viện, đã được mọi người chú ý. Nhờ sức làm việc vô bờ bến, nhờ có sự thân hữu với các nhân vật thuộc đủ mọi khuynh-hướng trong đảng Dân-chủ, nên 3 năm sau ông được bầu làm lãnh tụ nhóm nghị-sĩ Dân-chủ và 2 năm sau (1953) được bầu làm lãnh tụ khối Đa số tại Thượng-viện. Tại Thượng Nghị viện Hoa-kỳ, Chủ-tịch là Phó Tổng Thống nên các hoạt động sắp xếp công tác nghị trường, ấn định thời-biểu, chương trình nghị-sự đều nằm trong tay Lãnh-tụ khối Đa số.

Trong sáu năm trời liên tiếp, Thượng Nghị-sĩ Lyndon Johnson đã tận dụng địa vị lãnh tụ Đa số của mình để đưa ra các đạo luật cấp tiến, cải thiện mức sống dân nghèo, bênh vực các người dân da đen, bài trừ nạn cướp bóc v.v...

Tuy không có tài biện luận, tuy không có giọng nói hùng hồn nhưng Johnson đã thúc đẩy Thượng Nghị viện làm việc mau lẹ và hữu hiệu hơn bao giờ hết. Mọi nghị lực của ông được vận dụng để hoạt động ở hậu trường hơn là trước diễn đàn. Ông thường triệu tập các bạn đồng viện tới để thuyết phục họ nên chấp thuận hay nên bác bỏ một dự luật nào được ghi vào nghị trình. Ông dùng đủ biện pháp, đủ mưu mô, từ phỉnh nịnh, cho tới đe dọa để các đạo luật được biểu quyết theo ý ông muốn. Vì ông biết rõ từng Nghị sĩ một, từng ưu điểm cũng như nhược điểm của mỗi người, nên phần lớn các bạn đồng viện của ông đều bị ông thao túng dễ dàng. Các cuộc thảo luận tại nghị trường chỉ còn có tính cách chiếu lệ và nhiều người không biết các hoạt động hậu trường đã tỏ ra rất ngạc nhiên không hiểu tại sao một đạo luật khó khăn mà thường lại được biểu quyết rất lẹ. Năm 1957 đạo luật cho phép dân Mỹ đen được quyền theo học cùng trường với Mỹ trắng, tuy bị các Thượng Nghị-sĩ da trắng gốc miền Nam chống đối, nhưng vì Johnson làm "ma nớp" trước, nên được chấp thuận một cách hết sức dễ dàng.

Tại Quốc-hội, uy quyền của Johnson đã lớn mạnh đến nỗi Tổng Thống Eisenhower phải kiêng nể. Tuy thuộc đảng Cộng hòa nhưng Eisenhower luôn luôn dựa vào sự hợp tác của lãnh tụ Đa số Dân-chủ Johnson. Vì vậy mà cho tới năm 1960 nhiều khi uy tín của Johnson đã làm lu mờ ngay cả hình ảnh của chính Tổng Thống Eisenhower. Và người ta tin rằng Johnson sẽ có nhiều hy vọng

lên thay Eisenhower khi ông này mãn nhiệm.

Các hoạt động cuồng nhiệt của Johnson đã làm cho sức khoẻ ông sút kém rất nhiều. Năm 1955 ông đã bị một cơn đau tim quật ngã khiến ông thập tử nhất sinh. Vậy mà khi ra khỏi bệnh viện ông vẫn trở lại mức

hoạt động cũ. Ông chỉ chiều ý các bác sĩ bằng một cách duy nhất là đặt văn phòng ngay cạnh phòng họp của Thượng-viện để đỡ phải leo cầu thang mà thôi. Các hoạt động của ông đã gia tăng gấp bội khi ông bước vào Bạch-Cung với chức vụ Tổng-Thống.

MỘT VỊ TỔNG THỐNG VỤNG VỀ

Năm 1960 khi Eisenhower mãn nhiệm, Johnson chuẩn bị ra ứng cử Tổng Thống. Nhưng ông đã gặp một địch thủ bất ngờ là Thượng Nghị-sĩ tài ba John F. Kennedy. Kennedy vì trẻ tuổi, đẹp, lại có tài ăn nói hấp dẫn quần chúng, nên đã đe bẹp Johnson trong đảng Dân Chủ. Và đảng này, thay vì cử Johnson, đã cử Kennedy làm ứng-cử-viên chính thức của đảng. Với tinh thần thượng võ của người Texas, Johnson vui vẻ ra ứng cử làm Phó Tổng Thống cho Kennedy trong suốt 2 năm trời. Con người thích hoạt động như Johnson mà đành phải chịu cảnh ngồi chơi xơi nước, trong khi Kennedy và các giới thân cận của ông ta là những nhà trí thức trẻ tuổi, luôn luôn tỏ vẻ khinh miệt Phó Tổng-Thống. Tuy vậy Johnson đã cố gắng nhịn nhục, tận tụy thi hành các nhiệm vụ do Tổng Thống giao phó.

Sáng ngày 22-11-1963, trong cuộc viếng thăm xứ Texas, quê hương của Johnson, Tổng Thống Kennedy bị hạ sát tại thành phố Dallas và Lyndon Johnson đương nhiên lên kế vị. Vụ Kennedy bị ám sát ngay tại quê

hương của Johnson đã để lại cho ông một kỷ niệm hãi hùng. Ông luôn luôn nhắc tới cái buổi sáng đẹp trời khi ông và Lady Bird, với tư cách chủ nhân, ra phi trường đón đôi vợ chồng Jack và Jackie Kennedy, huy hoàng lộng lẫy trong ánh nắng cuối thu. Nửa giờ sau, ông nghe hai tiếng nổ và viên sĩ-quan mật-vụ cận vệ của ông, tên là Rufus Youngblood, từ hàng ghế trước, cạnh tài xế, nhảy ra sau đày hai vợ chồng ông xuống sàn xe rồi ngồi lên trên. Cả hai ông bà Johnson đều không hiểu chuyện gì, chỉ biết tiếp tục hành trình, mặt cúi xuống sàn xe, lưng bị cái «bàn tọa» vĩ đại của Youngblood đè lên nặng trĩu. Một phút sau, khi xe đậu lại, hai ông bà bị Youngblood kéo tay lôi xềnh xệch vào trong phòng bệnh viện, đóng cửa lại cấm không cho ra ngoài. Lúc đó ông mới biết là Kennedy bị ám hại đang nằm trên bàn mổ và người ta đang huy động mọi biện-pháp an-ninh để bảo vệ vị tân Tổng-Thống. Khi Kennedy trút hơi thở cuối cùng thì người ta lại vội vã lôi ông ra phi trường, nhốt ông vào chiếc phản-lực-cơ Air Force One dành riêng cho Tổng Thống.

H*

Sau một cơn bão hồi Johnson đã cố trấn tĩnh để tổ chức tuyên thệ. Tuy cơ quan Mật-vụ thúc dục ông phải về ngay Hoa-thịnh-đốn cho an toàn nhưng Johnson nhất quyết ở lại để đợi bà Kennedy về cùng. Tuy người ta thúc dục ông phải tuyên thệ làm Tổng Thống ngay để cho chính quyền được liên tục nhưng đến lúc đó ông còn nghĩ tới tình bạn giữa ông và nữ thẩm phán Sarah và cho biết chỉ chịu tuyên thệ nếu có sự chứng kiến của bà thẩm phán này. Cảnh sát lại một phen khổ sở chạy cùng tỉnh Dallas để đưa bà Sarah tới. Lễ tuyên thệ chỉ diễn ra trong vòng có 5 phút đồng hồ. Người ta thấy một cảnh tượng đau thương là ông Johnson dơ tay thề trước quyền Thánh-kính Công-giáo của Kennedy, trước mặt 3 người đàn bà: một bà Sarah nghiêm trang cầm quyền Thánh kính, một Lady Bird Johnson vẻ mặt căng thẳng và một Jackie Kennedy quần áo tả tơi vấy máu, đầu tóc rũ rượi.

Đối với Jackie Kennedy, góa phụ của Cố Tổng Thống, ông Johnson đã hết lòng an ủi và cam đoan sẽ hết sức giúp đỡ. Nhưng nhiều người trách ông đã có những cử chỉ quá thân thiết với Jackie. Khi thấy Jackie từ bệnh viện lên phi-cơ, Johnson vội vàng chạy tới hôn và gọi bà ta là "cục cứng" (Honey). Các tả hữu của Kennedy thì cay cú cho rằng đây là một cử chỉ lỗ bịch, nhưng thật ra đó chỉ là một cử chỉ chất phác của một dân Texas trung hậu. Phe Kennedy còn trách ông là quá vội vã khi

chiếm văn phòng của Kennedy trên phi cơ Air Force One. Người ta kể rằng khi bà Kennedy bước vào phòng thì thấy Johnson đang ngồi trên ghế của Kennedy hai chân duỗi dài trên bàn của Kennedy. Nhưng thật ra thì các cận vệ của ông đã nhốt ông vào đó để bảo đảm an ninh cho ông được dễ dàng. Hơn nữa sau những giờ phút bi thảm, hãi hùng, ông muốn nghỉ ngơi mà lại không dám nằm trên giường của Kennedy nên mới ra ghế ngồi.

Khi trở về Hoa-thịnh-đốn ngay trong đêm hôm 22-11-1963 tân Tổng Thống Johnson đã có một thái độ hết sức khiêm nhường. Trước hết ông mời tất cả các cộng-sự-viên của Kennedy ở lại chức vụ của họ để giúp ông. Ông còn tránh không vào Văn phòng của Kennedy và tiếp tục làm việc tại Văn phòng Phó Tổng-Thống. Sau đám táng của Kennedy, ông đã ra trước Quốc hội lưỡng viện đọc một bài diễn văn vô cùng cảm động để kêu gọi quốc dân ủng hộ ông. Sau khi tuyên dương công trạng của Kennedy ông nhã nhặn kết luận: « Chúng ta hãy tiếp tục công trình của người quá cố.»

Cuộc đời Tổng-Thống của Lyndon Johnson không được dễ dàng. Ngay từ phút đầu các cộng-sự-viên của Kennedy, nhất là Robert Kennedy, Bộ-trưởng Tư-pháp, đã tỏ ra khinh miệt Johnson. Họ không thể nào chấp nhận một anh Johnson «quê một cục» lại chiếm chỗ của một vị Tổng-Thống bay bướm Kennedy.

Ngoại trừ Dean Rusk, Bộ-trưởng Ngoại-giao, và Mc Namara, Bộ-trưởng Quốc-phòng, hết lòng giúp đỡ vị tân Tổng-Thống, tất cả các viên chức trong Nội-các cũng như trong Bạch-Cung đều tìm cách phá ông. Tệ hại nhất là Robert Kennedy, em của vị Tổng-Thống quá cố. Robert đau khổ mỗi khi thấy Johnson ngồi vào chiếc ghế của anh mình, nên mỗi khi Hội-đồng Nội-các nhóm họp, Robert Kennedy đều có những lời lẽ ngạo mạn. Trước thái độ bất-hợp-tác này, Johnson vẫn cố gắng giữ Kennedy lại để dân chúng bớt hoang mang vì nhiều người còn có cảm tình với vị Tổng-Thống xấu số.

Khi bước vào Bạch Cung, Johnson cố gắng áp dụng phương pháp hoạt động hậu trường để "ma-nốp" như khi ông còn làm Thượng Nghị-sĩ. Phương pháp này đã thành công rất nhiều khi ông phải đối phó với các vấn đề nội bộ. Khi các công nhân ngành chuyên chở và giao thông mở một cuộc đình công đại qui-mô trên toàn quốc, ông đã mời đại diện của phe chủ nhân và phe công nhân tới Bạch Cung, nhốt họ lại trong phòng họp để họ thảo luận và chỉ thả họ ra khi hai bên đi tới một thỏa-hiệp.

Năm 1965, khi Thống-đốc Tiểu-bang Alabama George Wallace tổ chức một cuộc biểu-tình tuần-hành vĩ-đại để chống người da đen, Johnson đã mời Wallace tới hội kiến. Chỉ hơn nửa giờ trò chuyện, Wallace đã hoàn toàn bị Johnson thuyết phục và quyến rũ.

Cho tới năm 1969, Johnson đã cố gắng cải-tạo xã-hội Mỹ để đi tới một thời đại vàng son. Nếu Kennedy có tham vọng mở cho Hoa-kỳ một «Tân Biên-cương» (New Frontier) để phát triển văn-hóa xã-hội và kinh-tế thì Johnson chỉ mong tạo cho nước ông một «Đại Xã-hội» (Great Society) nơi mà người Hoa-kỳ sống sung sướng hơn, trong một chính-thề dân-chủ hơn. Nếu chính sách Tân Biên-cương của Kennedy có nặng màu sắc trí-thức và lịch-sử vì nó nhắc tới cuộc Tây tiến mở rộng bờ cõi về phía Tây của Hoa-kỳ khi lập quốc, thì chính-sách Đại Xã-hội của Johnson, thực tế hơn, chỉ nhằm cải-thiện nếp sống của người dân Mỹ nhất là những người thuộc giai cấp yếu kém.

Liên tiếp Chính-phủ đưa ra các dự-luật cung cấp thuốc men miễn phí cho dân, xây cất nhà cửa để giải quyết nạn khan nhà, trợ cấp cho ngành giáo-dục tiểu-học, tổ chức huấn-nghệ, thiết-lập các đô-thị kiểu mẫu. Hai thành quả tốt đẹp nhất mà ông thu-hoạch được là ở lãnh vực giáo-dục và trong vấn đề bình đẳng của người da đen. Về ngành Giáo-dục, ông đã thành công điều mà 4 vị Tổng-Thống tiền-nhiệm phải thất bại là trợ cấp cho ngành tiểu-học. Ông đã làm được điều mà chính Kennedy không làm nổi là thực hiện quyền bình đẳng giữa người da trắng và người da đen. Dưới triều đại của Johnson, lần đầu tiên các người da đen một được cử một vào Hội đồng Nội-các, một vào Tối-cao Pháp-viện và một vào Ngân-hàng Quốc-gia. Khi bổ nhiệm các người da đen vào

những địa vị quan trọng này Johnson đã thật sự đóng vai trò giải phóng da đen tại Hoa-kỳ. Làm như vậy ông đã bị biết bao nhiêu người da trắng miền Nam đá kích và thóa mạ.

Trong lãnh vực đối ngoại, Johnson không mấy thành công. Tuy ông cố gắng đi thăm các quốc gia trên thế-giới, đã bỏ nhiều thì giờ và nghị lực để giải quyết các cuộc tranh chấp quốc tế nhưng vấn đề Việt-Nam đã khiến ông không được rảnh tay để nghĩ tới tăng cường vai trò của Mỹ ở các vùng khác. Ngay từ năm 1964, tức là một năm sau ông đã bắt đầu leo thang chiến tranh ở Việt-Nam bằng cách pháo kích các tàu Bắc-Việt ở vịnh Bắc-Việt. Năm 1965, trước sự đe dọa của phe Cộng-sản, ông không ngần ngại gửi 500.000 lính Mỹ ồ ạt sang Việt-Nam.

Do hành động cương quyết này ở Việt Nam mà Nga-sô không dám tính chuyện tấn công hay bành trướng ở các vùng khác trên thế giới.

Thật vậy, năm 1967, khi cuộc chiến tranh Trung Đông bùng nổ, thay vì lợi dụng thời cơ để nhảy vào vòng chiến, Nga đã giữ một thái độ hoàn toàn trung lập và bất động. Hơn thế nữa, Thủ-tướng Nga, Kossyguine, còn tới Hoa-kỳ để hội-kiến thân-mật với Johnson ở Glassboro. Trong cuộc chiến tranh Trung Đông, ông Johnson đã cho Nga biết rằng nước ông sẽ can thiệp nếu Nga nhảy vô. Khi nhắc tới các cuộc tiếp xúc với Kossyguine qua đường dây « điện thoại đỏ », Johnson nói : « Kossyguine

đặt con dao găm trước bụng tôi khiến tôi không nhúc nhích được, nhưng ông ta vẫn ngán vì cũng bị tôi cầm dao chia vào bụng ông. »

Sau 3 năm can thiệp võ trang tại Việt Nam, Johnson vẫn không giải quyết nổi chiến tranh. Dân chúng trong nước hết kiên nhẫn, biểu tình phản chiến rầm rộ. Nếu ông có tài ăn nói lôi cuốn như một Kennedy hay một Nixon thì dân chúng Mỹ cũng có thể trong khi đi tìm hòa bình vẫn chấp nhận tiếp tục cuộc chiến. Nhưng một « cao bồi » Texas chỉ biết hành động chứ không biết hùng hồn biện luận để thuyết phục đám đông. Do đó dân chúng không hiểu ông và đã rời bỏ ông.

Năm 1964, Johnson đắc cử Tổng-Thống với một số thăm vi đại : 61% cử tri toàn quốc đã dồn phiếu cho ông. Vậy mà chỉ 4 năm sau, ông đã không thuyết phục nổi họ để họ cho ông có đủ thì giờ giải quyết chiến tranh. Ngày 31-3-1968, trong một bài diễn văn truyền hình và truyền thanh, Johnson đột ngột báo với dân chúng là ông « bỏ cuộc », là ông sẽ không ứng cử thêm một nhiệm kỳ nữa. Một số lớn dân chúng Mỹ đã bồi hồi xúc động trước hình ảnh một vị Tổng-Thống tận tụy với xứ sở mà không mang được kết quả mong muốn. Dân chúng lại còn quý mến ông hơn nữa khi họ thấy trên màn ảnh nhỏ, ông đã nhỏ lệ khi nói tới những thanh niên Mỹ đã bỏ mình tại vùng đất xa xôi để bảo vệ uy tín Hoa-Kỳ và hòa-bình thế giới. Hàng ngàn hàng vạn bức thư và điện tín được tới tấp gửi

tới Bạch Cung yêu cầu ông ở lại, khiến nhiều đối thủ của ông đã nghi rằng ông lại giở trò «ma-nốp» đề ra ứng-cử lần nữa. Nhưng họ đã lầm, vì khi Đại-hội Đảng Dân-chủ nhóm họp vào tháng 8-1968, ông vẫn khẳng khái rút lui mặc dầu Đảng không tìm được một ứng-cử-viên nào xứng đáng đề đương đầu với

ông Nixon.

Tháng 1-1969, ông đứng lên ra đi, trao lại chính quyền cho Tổng-Thống Nixon. Ra đi, ông chỉ trút được gánh nặng chính quyền cho người kế vị mà thôi, còn gánh nặng của một lương tâm bị cắn rứt vẫn còn đè chiu trên tâm hồn người công dân Johnson đầy mặc cảm.

MỘT CÔNG DÂN ĐẦY MẶC CẢM TỘI LỖI

Không sớm mang lại hòa bình cho Việt-Nam là thất bại duy nhất trong đời Lyndon Johnson. Tuy rằng ông Nixon kế vị ông, đã phải bỏ ra tới 4 năm nữa mới đạt được mục tiêu này, nhưng đối với một người dân Texas bướng bỉnh, nhiệt thành và hiếu động như Johnson, sự thất bại tương đối này đã là cả một vết thương lòng gặm nhấm lương tâm ông.

Rút lui về nông trại tại vùng quê nhà Texas, Johnson cố gắng tìm cách giải thích chính sách của ông để cho dân chúng hiểu rõ ông hơn. Nhưng những người chống đối ông vẫn không đề cho ông yên. Họ tiếp tục chỉ trích ông. Ngay trong Đảng Dân-chủ người ta cũng coi ông là một người cần xa lánh, nếu không muốn mất hậu thuẫn của dân chúng. Trong khi các cựu Tổng-Thống như Truman, Eisenhower, luôn luôn được mọi người thăm hỏi vồn vã, tham khảo ý kiến, thì Johnson đã bị hết thảy mọi người tìm cách quên đi.

Sống trong sự cô đơn, ông chỉ còn biết tìm niềm vui bên bà vợ Lady

Bird và các cháu ngoại. Lady Bird Johnson không những là vợ mà còn là người bạn đồng hành của Johnson trên 40 năm qua. Nhờ tính tình vui vẻ, bà đã khuyên giải ông được phần nào. Ngoài việc góp phần quản trị các xí nghiệp, các hãng vô-tuyến truyền hình của vợ, Johnson còn cố gắng viết hồi ký để thổ lộ tâm trạng của mình. Nhưng ông viết văn không hay và cũng không muốn chỉ trích các đối thủ nên thiên hồi-ký của ông không đem lại cho ông cảm tình của dân chúng như ông mong muốn.

Vì buồn bực, người ta thấy ông chỉ mới thêm có 4 năm mà đã già sạm, tóc bạc phơ mọc chắm vai mà ông không buồn cắt, sức khỏe suy yếu, cơn đau tim ngày một nặng mà ông chẳng buồn gọi bác sĩ. Ông sống một cuộc đời buông thả, ăn mặc như một cao bồi, cưỡi ngựa đi ngao du trong nông trại rộng mênh mông hoặc đi thăm các bạn bè cũ người Texas. Đối với những người này, ông vẫn luôn luôn là đứa con cưng của xứ Texas lên thủ đô làm ăn vừa trở về.

Cuộc sống bình dị và chảnh phác này bắt đầu chấm dứt khi vào tháng 4-1972, một cơn đau tim nặng đã bột phát khiến ông phải nằm điều trị ở bệnh viện tới cả tháng. Tháng 1-1973 chưa đầy 3 tuần lễ sau khi đưa đám cựu Tổng-Thống Truman, Lyndon Baines Johnson bị cơn đau tim thứ hai quật ngã.

Trung thành với ý muốn của ông, bà Lady Bird Johnson và hai cô con gái là Lynda và Luci đã chở thi hài ông về Hoa-thịnh-đốn, quán tại Quốc-hội Hoa-kỳ, nơi ông đã từng làm mưa làm gió 12 năm trời. Lễ quốc táng của ông được diễn ra một cách rất trọng thể. Người ta thấy bà Johnson khoác tay Tổng-Thống Nixon đi sau quan tài và theo sau là các cộng-sự-viên cũ của Johnson, người nào người nấy già nua trước gánh nặng của thời gian và trách nhiệm. Trong đám đông có những người da đen khóc sụt sùi. Một bà già da đen đi từ Lawnside, cách Hoa-thịnh-đốn 250 cây số, đến dự tang lễ. Bà vừa khóc vừa nói: «Nhờ có Johnson mà dân da đen chúng tôi mới được như ngày nay. Giá ông làm Tổng-Thống thêm 20 năm nữa...»

Sau nghi lễ chính thức, xác Johnson được chở về quê. Tại đây hàng ngàn người bạn Texas của ông đã chờ đợi hàng giờ trong bùn lầy và gió lạnh để tiễn đưa ông lần cuối cùng. Ông được chôn tại nghĩa-địa gia đình nhỏ xíu, dưới gốc một cây tùng cổ thụ và chỉ cách nơi ông chào đời 64 năm về trước có khoảng một trăm thước.

oOo

Lydon Baines Johnson không được coi là một vị Tổng-Thống Hoa-kỳ vĩ đại nhưng không một ai, kể cả những đối thủ khó tính nhất của ông, dám liệt ông vào loại các Tổng Thống tầm thường. Toàn thể quốc dân Mỹ đều công nhận rằng nếu ông không được coi là một con người vĩ đại thì sự nghiệp của ông, những thành quả ông lượm được, vẫn xứng đáng với tinh từ này. Từ một xã-hội tư-bản với những bất công còn đầy rẫy, với những sự lầm than còn hoành hành trong nhiều tầng lớp dân chúng, Johnson, suốt trong 30 năm trời, đã tạo ra cho Hoa-kỳ một bộ mặt sung túc, công bằng, và bác ái.

Vai trò của ông trong chính-sách đối ngoại chưa được rõ rệt lắm. Nếu ông không thành công trong việc văn hòa bình ở Việt-Nam thì ít nhất, bằng những hành động quyết liệt khi đương đầu với phe Cộng-sản, ông đã đóng góp được một phần không nhỏ vào việc ổn định đời sống chính trị thế giới.

Tấn thâm kịch của đời ông là ông không thành công trong vấn đề Việt-Nam. Nhưng có lẽ ông không có duyên với hòa bình ở đất nước này. Hy sinh cả sự nghiệp để bảo vệ tự do cho một tiểu quốc xa xôi, ông đã nhắm mắt đúng một ngày trước khi Tổng-Thống Nixon loan báo hòa-bình sắp được văn hồi. Và tin hiệp-định Paris được ký kết tại rơi vào sự thờ ơ của dân chúng Hoa-kỳ trước tiếng kèn tiếng trống của đám táng cựu Tổng-Thống Johnson.

TỪ-MINH

Ăn Tết xong mời bạn lại đọc :

- **SỬ KÝ CỦA TƯ MÃ THIÊN**

Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê dịch, chú thích và giới thiệu.

- **CHIẾN QUỐC SÁCH**

Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê dịch, chú thích và giới thiệu.

- **GÓP NHẬT CÁT ĐÁ**

Thiền sư Muju — Đỗ-Đình-Đồng dịch

- **BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ**

Will và Ariel Durant — Nguyễn-Hiến Lê và Trần Lương-Ngọc dịch.

- **BIỆN CHỨNG PHÁP LÀ GÌ ?**

*của Trần-Thái-Đĩnh do Văn Mới xuất bản
Lá Bối phát hành.*

*Muốn liên lạc các nhà sách sòng phẳng về tiền bạc ở
các tỉnh sau đây :*

Quảng-Ngãi
Bình-Tuy
Sa-Đéc
Kiến-Phong

Quảng-Tín
Phước-Tuy
Bạc-Liêu

Kontum
Long-An
Rạch-Giá

Pleiku
Ban-Mê-Thuột
Bình-Dương

Thư về Ông VÕ-THẮNG-TIỆT

Lô O, 121, Chung-cư Minh-Mạng Saigon 10

Lá thư nước ngoài

● MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

L.T.S. Chị Minh-Đức Hoài-Trinh là một nhà văn và ký giả rất quen thuộc với độc giả Bách-Khoa. Chị hiện làm việc cho một hãng truyền hình Pháp. Năm nào vào cuối năm chị cũng cố về Việt-Nam ở ít lâu và hầu như bao giờ công việc cũng bó buộc chị phải ra đi trước Tết. Năm nay Chị phải sang Lào và sau đây là lá thư của chị viết từ Vạn-Tượng.

Vạn-Tượng, ngày 12-2-1973

Anh Ch.

Gửi thư này cho anh và cho tất cả các bạn ở Bách-Khoa trong gian phòng trọ tại Vạn Tượng. Lần thứ nhất đến Vạn-Tượng, tôi chờ đợi một thành phố không hoa lệ thì ít nhất cũng xinh xinh dễ thương. Sự thật chẳng xinh mà cũng chẳng hoa lệ, nó chỉ giống như một thành phố tỉnh, nó còn bé hơn Cần Thơ của nhà ta. Nói đến Cần Thơ vì kỳ này về xứ ít ngày quá nên chỉ kịp viếng Cần Thơ mà thôi. Ban đêm ở Vạn Tượng buồn tận xương, tuy không có giới nghiêm mà chẳng biết đi chơi đâu.

Một điểm đặc biệt là người Việt Nam rất nhiều, đi đến đâu cũng thấy người Việt và nghe nói tiếng Việt. Lắm cô, bà tuy mặc váy Lào mà hỏi bằng tiếng Việt là biết trả lời vanh vách ngay. Hỏi thăm tại sao ở đâu cũng thấy đầy cả người Việt, họ trả lời tại người Việt chịu khó nên người ta hay mướn. Đại lộ lớn nhất thấy toàn phố Việt.

Anh có biết tại sao tôi phải đến nằm ở xứ Vạn Tượng này không? Đáng lẽ là giờ này ngày nay tôi được nằm ở Việt Nam kia, nhưng phải cái tên đạo-diễn nó không được phép vào Việt Nam nên cả đoàn phải làm ở Vạn-Tượng và Cam-Bốt vậy.

Chương trình của tụi này là thực hiện một cuốn phim về ngưng bắn ở Đông Dương, sau đó còn một phim về dân tộc thiểu số về ven biên giới và một phim ở Miến. Liệu tôi có đủ sức khỏe làm hết cả ba phim không thì chưa biết. Hôm qua vừa mới đến đã nằm sốt mất một ngày mà hôm nay

vẫn chạy được như thường. Nằm ốm ở nhà trọ sao mà nhớ quê hương thế, nhớ đến các anh chị đã đến thăm cho quà. Ở đây có một mình, thỉnh thoảng tên đạo diễn điện thoại từ phòng ông ta sang hỏi thăm và dọa mời bác sĩ nếu tôi cứ tiếp tục sốt. Đến chiều, tên đạo diễn phải đi lấy thẻ cho tôi để còn lên Phi trường đón ông Kissenger. Đến Phi trường, ông Trưởng phòng báo chí ngạc nhiên hỏi sao không nằm. Thì ra tên đạo diễn đã lên than thở từ chiều.

Chúng tôi đang vạch chương trình làm việc rất gặt gao, bắt đầu ngày thứ hai tuần tới là không được nhàn như mấy hôm nay nữa.

Bao giờ hoàn thành cả mấy phim tôi sẽ kể cho các anh chị nghe tất cả những nỗi gian truân của cái nghề mà bề ngoài nhìn vào thấy đẹp và đáng mơ này.

Tôi nhớ đến hôm nọ đi xem ngày ngưng bắn khắp Saigon-Chợ lớn với anh Vũ Hạnh, tôi phàn nàn với anh

Vũ Hạnh là tôi không được cái số ăn và chơi. Ai mời ăn thì cứ y như là bị ốm, anh có nhớ mỗi lần tôi được anh chị kéo đến bảo ăn không? Lần nào cũng tiếc đứt ruột mà chỉ có nhìn. Đã vậy Tết cũng không được ở quê nhà mà phải đi trước, thế mới hận!

Trái lại, ở đâu có việc quan trọng là y như được chứng kiến. Tuần trước chúng tôi đi Chiang Rai, là một thị trấn ở miền Bắc xứ Thái đề vào chuẩn bị cho cuộn phim thiếu số sắp tới. Chúng tôi đến viếng mấy làng thiếu số E. Keo và Yao, còn một số nữa nhưng vì ít thì giờ, mới gọi là sơ khởi, làm quen.

Trong lúc các bạn lo vác máy ảnh chạy nhong đi săn hình, tôi xin vào nhà một người E-keo để xem sự xếp đặt bên trong. Bà chủ nhà trạc bốn mươi, đang cho lợn ăn, vui lòng để tôi vào. Nhà thật đơn sơ, cất trên mặt đất, chứ không phải loại nhà sàn như nhiều bộ lạc khác. Một cái sàn tre rách nát làm chỗ ngủ, nhìn xuống dưới là mặt đất, gió có thể luồn qua. Trên sàn người chồng đang nằm vẽ thuốc phiện để hút. Tôi ngồi bên cạnh xem ông ta nướng thuốc, mãi đến khi ông ta bắt đầu hút nhả khói ra tôi mới bỏ chạy. Mặt ông ta xanh lè tuy tuổi coi còn trẻ. Nhà nghèo nên chẳng thấy có một thứ gì đáng giá, tất cả vốn liếng ở vào bầy heo và gà. Giữa nhà một nồi cám heo còn đun nóng chắc để sẵn cho bữa ăn chiều của lũ heo. Họ ăn củ môn ăn bắp ăn khoai và cơm. Người ở đây rất bần vì nước không có, tại sao họ

không đào giếng, chẳng ai tìm hiểu. Nhất là theo các sách vở thì họ mới di dân đến vùng Bắc Thái này vào độ sáu bảy chục năm. Đàn bà làm việc quần quật, trái lại đàn ông thì rất nhàn. Người đàn bà một khi lấy chồng là hóa thành nô lệ cho người chồng mà vẫn lấy làm vui vẻ sung sướng. Họ gặp nhau, đi vào rừng ngủ chung trước khi cưới, cha mẹ không cản trở sự tự do lựa chọn ấy.

Chúng tôi trả tiền để xem họ nhảy và thối khèn các cô gái ăn mặc sặc sỡ nhất là chiếc mũ đội đầu kết bằng lông khỉ nhuộm đỏ nhuộm hồng. Nhìn chung họ không được thanh tú như nhiều dân tộc hoặc bộ lạc khác.

Bực mình nhất là vấn đề ngôn ngữ, đi đến đâu cũng bị cái bức thành ấy ngăn chặn. Người ta lên đến mặt trăng, dự định xây nhà xây cửa mà người ta không thể nào giải quyết được vấn đề ngôn ngữ. Nhất là cái mặt tôi, sang Ả-rập người ta tưởng Ả-rập, sang Do-thái người ta lầm Do thái, sang Thái-lan họ tưởng Thái-lan. Báo hại đi đâu cũng phải học một câu để trả lời «Tôi không phải là người Ả-rập», hoặc «Tôi không phải là người Thái-lan» v.v... ●

Ngày hôm nay là 4 ngày rồi, chúng tôi đang đợi hai ông quay phim và thu tiếng. Ngày nào cũng ngóng điện tín và đánh điện tín hoặc điện thoại đi các nơi. Một ngày nào rồi tôi sẽ viết một thiên về những nỗi khó khăn của người ký giả Truyền hình nhất lại là một nữ Ký giả và làm việc cho ngoại nhân để làm quà cho các nữ

đồng nghiệp của tôi ở quê nhà. Hôm qua ngồi nói chuyện gẫu với các đồng nghiệp ngoại nhân, anh nào cũng công nhận là cuộc sống ký giả quốc ngoại đã làm mất cuộc sống gia đình và cả những mối liên-hệ với bằng-hữu và đồng-nghiep trong xứ. Tôi thì lại không muốn như thế nên năm nào tôi cũng phải hồng học chạy cho được cái vé máy bay và cái giấy phép về xứ. Người ngoài cứ cho là đại, sao không đề dành tiền mà mua nhà cửa. Tôi hỏi lại, nhà cửa để làm gì ?

Hôm qua tôi được hai ông Giám đốc, một ông ở Thư viện quốc gia và một ông ở Quốc gia âm nhạc đưa đi viếng các nơi mà họ gọi là không có tính cách nghiêm trọng. Họ bảo vì từ hôm tôi tới đến nay toàn đi vào những nơi của chính quyền. Sự thực đúng như thế, từ hôm tới toàn là họp báo, đi dự cuộc đàm phán giữa Pathet Lao và Chính phủ. Đi ra tiền đồn xem đánh nhau, vào quay phim trong một buổi họp nội các với bốn cái ghế trống của Pathet Lao vẫn để dành cho họ mà họ không về. Một viên ảnh của sự Trung lập đó chẳng ?

Tôi đi vào Chùa "Ong Tu". Chùa đang làm lễ, hai ông Giám đốc và tôi bỏ mỗi người một nghìn «kip» là tiền Lào đề cúng. Chúng tôi được nhà sư cầu nguyện cho. Bây giờ tôi mới nhớ cái câu, «Đâu có phải tiền Lèo mà xài dễ quá vậy». Quả thật có đúng một phần, một đồng Đô-la đổi ra 830 đồng kip mà một cuộc xe tắc-xi chỉ vào độ 200 kip.

Ở đây người Việt Nam thật nhiều,

tất cả các phố phường văn minh đều do người Việt và người Tàu nắm lấy : Người Lào, trừ một số ít thật văn minh học thức, phần đông dân chúng đều có vẻ triết nhân, theo đạo Lão, nghĩa là không tha thiết đến sự đời. Ngay cả những người đi làm chung đụng với ngoại nhân nhiều họ cũng chẳng muốn tìm hiểu học hỏi. Không phải như người Việt Nam mà ông bà nào cũng muốn làm sổ một của quê hương...

Buổi chiều chúng tôi đi quay phim một làng di cư. Họ từ Xiêng Khoáng đến. Họ sống từ 3 năm nay mà nhà cửa vẫn đơn sơ, lối nhà sàn làm toàn bằng tranh với tre mong manh và nhìn đâu cũng thấy những lỗ hồng, vì sàn nhà cũng đan bằng tre. Họ ngủ ngay ở sàn, không biết rồi những hôm mưa dầm gió lạnh họ chịu làm sao được.

Tìm một người thông dịch thật khó, cả nhà có một ông người Việt thì nhóm Thông tấn khác nó cuõm mất rồi. Đây là một nghề dễ sống nếu ai biết khai thác. Chúng tôi đành nhận cô gái ngồi ở phòng điện thoại đi thông dịch vậy. Đúng là không có trâu bắt bò cày mà bò cày rất tồi. Cô ta chỉ biết trả lời điện thoại với vài câu thường thức mà thôi chứ khi đi vào chi tiết hoặc một vấn đề gì thì cô ta bí ngay, và cứ ngồi ngẩn ra rồi cười.

Người Lào cười rất nhiều và cười to thành tiếng. Ở đây đặc biệt là không có nhà thương điên. Người điên được kính trọng vì họ cho là không phải điên mà vì có một vị thần nhập vào đó thôi. Đặc biệt không ?

Nghe nói có một nhà sư cũng mất trí như thế mà đã 14 lần nói trúng con số cho người mua, đề đến nỗi các chú Tàu phải khánh kiệt. Trên đây là những điều mà ông Giám đốc Thư viện đã kể cho tôi nghe ; ông ta trước học ở Hà nội, có vợ người Pháp.

Kể cho anh nghe một màn kịch câm, do tôi đóng, nói đùa vậy chứ chẳng có kịch gì đâu. Chỉ có vấn đề là sau khi quay phim thấy họ nghèo quá—gia đình bà bán quán có 7 người mà bà ta bán lời mỗi ngày chưa đến một đô la—ông đạo diễn giao cho tôi công việc thanh toán ; Cố nhiên là tôi không biết một tiếng Lào nào cả.

Tôi mở chai rượu gửi biết là rượu để có ngâm thuốc bắc, hỏi giá một ly nhỏ bao nhiêu. Bằng mấy ngón tay ra dấu tôi biết là 10 kip. Tôi bèn đóng vai cô hàng rượu nghĩa là đề mấy li đi mời các ông sau khi hỏi họ có biết uống không. Người nào không biết thì có nước ngọt, với trẻ con thì mời kẹo và biếu mỗi người một gói thuốc lá. Sau đó tôi trả tiền bằng gấp vài chục lần giá họ bán. Thế là tất cả đều hài lòng và riêng bà chủ quán, tôi chạy theo vào nhà, leo lên sàn đưa riêng một số tiền nữa.

Tôi đóng vai cô hàng khéo đến nỗi mọi người đều hoan nghênh. Lúc nói chuyện lại với mấy anh em, họ cũng cho là một đường lối đáng nói theo. Anh có đồng ý như thế không ? Quảng cáo cho người Việt Nam đấy nhé.

Các ký giả nằm hàng trăm trong mấy nhà trọ, đợi cuộc ngưng chiến mà mãi vẫn chưa thấy tới. Chắc khi

thư này đến tay anh thì đã ngưng chiến rồi.

Hôm nọ trong cuộc họp báo với ông Tổng trưởng Quốc phòng tôi đặt câu hỏi «Nếu ngưng chiến mà rồi vẫn có những sự vi phạm như ở Việt Nam thì sao ? » Ông Tổng trưởng trả lời, thì cứ ngưng đi đã, dầu là trên giấy tờ ; cố nhiên là chúng tôi vẫn phải giữ gìn, quân đội không được chệnh mảng...

Chờ tin ngưng chiến như chờ mẹ về chợ, mà mãi vẫn chưa thấy về. Lại lên Phi trường vì có cuộc khánh thành chiếc máy bay Nga vừa tặng cho xứ Lào để đưa mấy ông Lào Pathet ra Sầm nứa. Chiếc máy bay nhỏ xíu độ 10 chỗ ngồi, chúng tôi phải lên từ sớm, nắng gắt gao. Cái nắng xứ Lào nổi tiếng từ xưa, làm nghề ký giả thật lắm khi nhọc nhằn nhất là mấy anh vác máy quay phim. Sau khi các vị đại diện bay một vòng trên trời để thử máy bay. Các ông vừa xuống là bị ký giả bồ vào hỏi thăm. Tôi làm việc mà trong lòng cứ hậm hực, chẳng hiểu tại sao. Sang năm sẽ nhất định từ giã cái nghề làm phim làm báo này để đi kiếm nghề khác chứ chạy nhong hết xứ này đến xứ khác tôi cảm thấy chán lắm rồi. Hỏi ông Pathet bao giờ ngưng chiến ? Ông ấy bảo muốn lắm càng sớm càng tốt.

Bên kia cũng nói vậy tức là hai bên đã có một điểm tương đồng rồi. Các đồng nghiệp cười hoan hỉ.

Bức thư đã tạm dài, tôi phải ngưng đề còn chuẩn bị chương trình làm

việc cho ngày mai. Chắc sẽ vất vả lắm. Nếu anh biết rằng cả tuần nay tôi bị cảm, cứ sốt với ho với ngạt thở thế mà ban ngày vẫn đi lại như thường. Cố nhiên là thuốc uống cả chục thứ để giữ cho khỏi ngã.

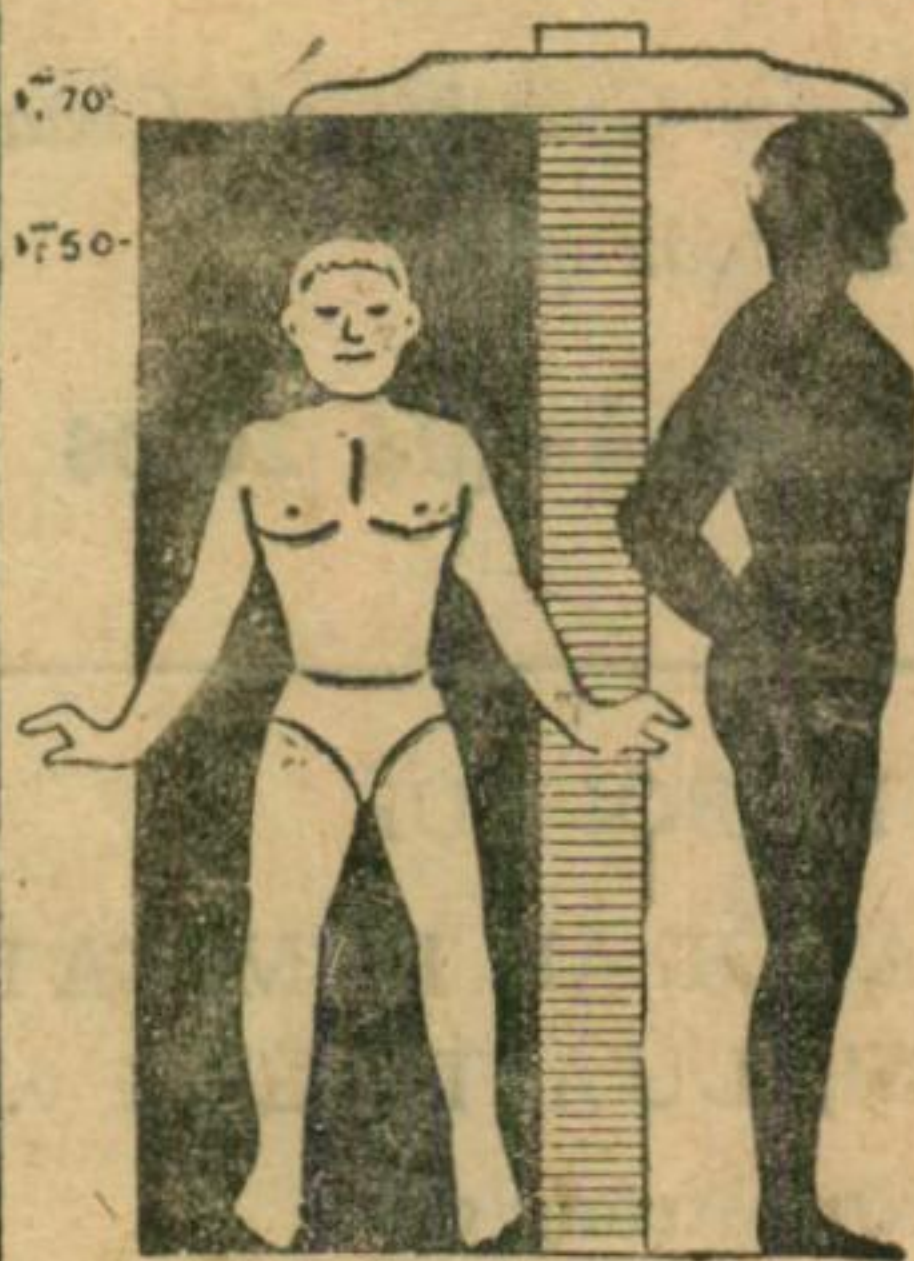
Thư sau chắc sẽ có tin ngừng bắn ở đây hoặc tôi sẽ viết cho anh ở một xứ khác, để đúng với cái câu "Thiên mã ngộ khốc khách" của mấy ông thầy Tử vi ở quê nhà.

Tôi bắt đầu quen với mấy bà Việt Nam thật đẹp và tìm ra một hiệu phở thật ngon. Cuộc sống vẫn đều đều, nói như thế không hẳn là đúng, phải nói rằng cuộc sống của tôi vẫn đều đều với những sự thay đổi gay gắt bất ngờ, lắm khi đến phải hét lên và chỉ muốn đi tìm chỗ trốn. Một độc giả đến tìm tôi để thăm, tôi phải ngừng để tiếp ông ta. Thăm anh chị và tất cả các anh em Bách Khoa.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

Bạn không ở trong không khí Phật giáo
Bạn chưa là người Phật tử
Bạn là Phật tử
Bạn là người hết mình bênh vực cho hòa bình
Bạn đã am hiểu giáo lý Phật dạy
Bạn đã thực hành giáo lý
Các bạn đều nên đọc :

ĐẠO PHẬT ÁP DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

THÍCH HUYỀN-QUANG
THÍCH NHẬT-HẠNH

*diễn giải cương lĩnh giáo lý nhập thế của nền Phật-
giáo hiện đại theo huấn chỉ của hai Viện Tăng
Thống và Hóa Đạo.*

*Sách đã bày bán khắp các tỉnh Giáo-hội, các Chùa,
các Tự viện, các nhà sách toàn quốc.*

VIỆN HÓA ĐẠO xuất bản giá 200\$

NHÀ SÁCH LÁ BỐI HUẾ

**Đại diện phát hành sách LÁ BỐI, AN TIÊM, CA DAO,
TRÍ ĐĂNG, VỖ TÁNH, LỬA THIÊNNG v.v...**

do Đình-Cường trông coi

**Địa chỉ : Khuôn viên Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật
Đại Nội HUẾ**

Tết Quý-Sửu ở tỉnh

Có lẽ từ lâu lắm không thể nhớ lại được, Tết năm nay là cái Tết đặc biệt nhất của tôi.

Vào ngày 28 của tháng cuối năm Nhâm-Tý, Câu-lạc-bộ Sĩ-quan của một đơn-vị bạn vẫn lo cơm nước cho tôi từ ngày tôi ra đây, gởi cho tôi một giấy thông-báo không nấu cơm trong ngày mồng một và mồng hai Tết, vì thứ nhất là không có chợ và thứ hai là anh em nhà bếp làm việc quanh năm kể cả chủ-nhật, ngày lễ, cũng mong được nghỉ hai ngày đầu năm để vui Xuân. Rất hợp lý, nhưng trong hai ngày đó tôi sẽ ăn uống ra sao, câu hỏi ấy làm cho tôi băn khoăn không ít. Cái chuyện không nấu ăn nhân dịp nghỉ Tết làm cho tôi nhớ đến chuyện tăng gia sản xuất. Hồi đó phong trào tay súng tay cày được phát triển mạnh mẽ, mỗi khoảng đất trống ở trong hay ở kế bên doanh trại đều được khai thác để trồng, hoặc rau, hoặc bắp, hoặc bí, hoặc dưa đỏ. Phong trào chăn nuôi cũng được khuyến khích, nhiều đơn vị có lập trại nuôi gà, nuôi heo công cộng. Một số binh-sĩ được cắt cử vào việc chăn nuôi. Tỉnh cờ Sĩ quan Đơn-vị-trưởng cơ quan chăn nuôi nọ, đến thăm heo vào một buổi chiều thứ bảy, ông chợt khám phá ra rằng khi lính nghỉ chiều thứ bảy tuần lễ Ấng-lê, thì heo của ông cũng được nghỉ ăn luôn. Nhưng tôi thì lại cha học được phương pháp cho dạ dày nghỉ việc, nên cũng

phải nghĩ cách làm sao cho khỏi đói, mà lại không bận rộn. Thực phẩm không thể giải đáp đòi hỏi rất khiếm tốn của tôi. Nhờ một sĩ-quan người địa-phương hướng dẫn tới một hiệu làm bánh mì, tôi dự định mua ít bánh mì vuông cắt sẵn từng lát đã nướng khô, nhưng ở tỉnh này chỉ có bánh mì bán ế cắt ra tầm đường nướng khô mà thôi. Ăn Tết như thế chẳng huy hoàng gì, nhưng cũng đỡ đói, điều này làm cho tôi suy nghĩ về vấn đề ăn uống của tôi từ mấy tháng nay. Cơm Câu-lạc-bộ một tháng 6000đ nhiều bữa ăn không được, tôi phải ăn thêm cơm với muối mè cho chặt bụng. Cứ tưởng như thế là ăn uống đủ rồi, nhưng có một lần được mời đi ăn cơm chiều mà tôi vì vô ý không nghe rõ, nên về nhà ăn uống như thường. Khi ăn xong sắp sửa đi chơi thì có xe đến đón mời đi ăn cơm nữa. Dù là mới ăn xong, tôi cũng ăn gần hết một phần ăn. Tôi thăm nghĩ, thì ra mình đã nhiều ngày ăn không đủ no và đời sống của mình hơi khắc khổ. Rồi trong hai ngày đầu năm cũng lại tiếp tục sự khắc khổ. Một sĩ quan cao cấp, mà tôi là khách đến ăn chung với đơn-vị ngày cuối năm, cho biết là khi ở Cần-thơ ông và một vị Phụ-tá đã ăn Tết chỉ bằng phở, vì Câu-lạc-bộ đóng cửa, ngoài phố các tiệm cơm vừa túi tiền cũng đóng cửa luôn. Nghĩ đến cái cảnh sĩ-quan một mình ăn Tết xa nhà, nên ông có lưu ý sĩ quan Đại đội công-

vụ lo cơm nước cho tôi, nhưng qua cái điệu bộ lúng túng của cặp thừa hành, tôi thông cảm ngay và không muốn làm cản trở chương trình nghỉ xả hơi của nhà bếp.

Ăn bánh mì khô trong hai ngày Tết tuy có vẻ khắc khổ, nhưng vẫn còn sượng chán, nếu đem so sánh với những người lính tiền đồn bị tấn công sau ngày ngưng bắn và trong dịp Tết, hay dân chạy loạn...

Đã sẵn tâm lý chịu đựng, lương lại ít mà ăn ở hai nơi, nên trong lúc xa nhà tôi chỉ điếm tâm buổi sáng bằng mười đồng bánh mì không nhân, và một ly cà-phê đen tự tay pha chế lấy cho rẻ tiền. Cà-phê chỉ uống mỗi ngày một lần buổi sáng, thuốc không hút và rượu không uống. Với mức sống như vậy mà Tết lại còn ăn uống thanh đạm hơn, thì Tết đến cũng như không, nhưng may mắn và bất ngờ, là vào 29 Tết tôi nhận được vài món quà, gồm một chai rượu mạnh, một đòn bánh tét, một lọ dưa góp, nửa ký Lạp xưởng một chai dưa hành củ, và một món tiền nhỏ mà một người bạn nói là nhờ tôi đưa cho nhà bếp mua đồ cho tôi ăn Tết. Kề ra cũng đỡ, vì nhờ có món tiền đó tôi có thể tỏ ra phong lưu, mua mấy hộp bánh đem cho trẻ con một vài chỗ quen biết. Tôi cũng mua thêm được hai thứ đồ dùng rất cần, mà vì thiếu tiền nên cứ phải đắn đo do dự mãi, một cái đun nước sôi trong ly để pha cà-phê và một cái bàn ủi du-lịch. Mua được cái bàn ủi thấy trong người cũng

đỡ bức bối, vì từ ngày xa nhà, ngoại trừ khi được bạn bè cho người tới giúp việc, thường thường tôi chỉ đưa giặt ủi những đồ lớn, còn quần áo ngủ, quần áo lót, thì vẫn giặt lấy, phơi khô rồi cứ thế lấy ra mặc. Ở trong nhà có một mình cũng chả ai để ý, nhưng còn bộ đồ trắng đi đánh quần vợt, giặt xong đưa thuê ủi thì cũng bất tiện, mà cứ để thế mặc ra sân thì coi không được. Cho đến nay tôi chưa biết đánh quần vợt, nhưng từ ngày ra đây, sau bữa cơm chiều được nhà bếp cho ăn từ 5 giờ 30 đến lúc buồn ngủ, tôi cảm thấy giữa đêm tối mênh mông một cái gì xa vắng, lẻ loi, một nỗi buồn nhẹ cứ dần dần thấm mãi vào trong và cuối cùng tràn ngập cả tâm hồn làm cho tôi bồn chồn khó chịu, nên mỗi tối tôi thường ra sân quần vợt, chạy trốn sự cô đơn. Thế rồi các bạn rủ chơi cho vui và cho tôi một cây vợt cũ để khuyến khích. Với nét mặt lúc nào cũng tươi cười khi ra ngoài, không ai có thể ngờ là tôi phải sống thiếu thốn như thế. Một hôm vào tiệm radio hỏi giá một chiếc radio nhỏ nhỏ ó thể bắt được đài ngoại quốc, cô bán hàng đưa cho tôi coi một cái Sony và một cái National. Chiếc Sony giá hơn mười ngàn và National hơn chín ngàn. Tôi lắc đầu không mua vì không có đủ tiền, nhưng cô hàng không thể nào tin được là tôi chỉ có hơn 10.000đ. mà phải ăn cho tới cuối tháng, còn hơn 20 ngày nữa, nên chỉ có thể mua một cái radio độ 4 hay 5 ngàn. Cô cứ so sánh tôi với những khách

hàng khác, địa vị xã hội kém hơn mà sao lại dư dật hơn.

Đường lối dinh dưỡng và tâm tư có những lúc u buồn của tôi đã ảnh hưởng khá nhiều tới xác thân tôi, lúc soi gương tôi thấy tóc bạc, má hóp, da nhăn.

Năm sắp đến bắt đầu tỏ ra sáng sủa, khi vào ngày 30 cuối năm. Trung sĩ coi nhà mời tôi ăn Tết với gia đình ông ta, và cũng trưa hôm ấy một người bạn thân mời tôi lại nhà ăn Tết-niên buổi chiều. Sau bữa ăn, lúc tiễn chân ra cửa anh còn ân cần dặn dò là nếu không có chỗ ăn thì cứ lại ăn với anh. Cũng có một vài người bạn khác nói với tôi như thế. Thật là cảm động.

Bữa cơm Tết niên vừa nói, có rượu chất hồng, kích thích mạch máu, nên tôi ăn cũng khá ngon. Ăn xong về đến nhà thì đã 10 giờ đêm, nhưng Trung sĩ coi nhà lại bưng ra mấy đĩa thịt vịt luộc, mấy đĩa xôi, và ép tôi phải ăn nữa. Nề lòng phải ăn thêm, nhưng đêm ấy ăn no quá khó ngủ. Nằm chưa kịp nhắm mắt thì tiếng súng nổ khắp nơi, hình như có cả trung-liên, đại-liên, xen kẽ bởi những tiếng xẹt xẹt của hỏa-châu bắn lên trời chiếu sáng. Tôi yên chí nằm trên giường tìm cách ngủ lại, ước đoán rằng đó chỉ là những tiếng súng bắn đón mừng năm mới, dù đã có lệnh cấm.

Ngủ chưa đầy giấc thì trời đã sáng, tôi trở dậy xếp lại mùng mền, và trong lúc đang sửa soạn thay quần áo, thì những tiếng thì thầm ngoài phía cửa còn khép kín lọt vào

trong phòng, rồi có người kéo cho cánh cửa hé mở, tôi ngỡ là trẻ con của người coi nhà, nên lặng thinh không lên tiếng. Sau đó tiếng chân người đi vòng ra phía cửa sổ, tôi thoáng nhìn thấy mớ tóc dài và rối, nên đoán là đàn bà. Ra phía đầu nhà, hai người thì thầm với nhau, rồi quay trở lại, người đàn bà lúc ấy đứng ở cửa sổ nhìn vào, trong khi tôi cũng đồng thời nhìn ra xem ai. Từ trong phòng nhìn ra cửa sổ có mặt trời chiếu sáng, tôi thấy rõ ràng người đàn bà với một mắt nhỏ một mắt to, hình như một bên bị hư. Người đàn bà ấy có vẻ như là không trông thấy tôi, nên đi trở lại vòng ra phía cửa trước. Thấy người lạ mặt vào nhà như vậy, với linh tính tự vệ, tôi nhanh nhẹn và không gây tiếng động lấy chiếc móc cửa ấn vào cái khoen tròn. Nhưng người bên ngoài cũng không đụng vào cửa như lúc đến. Chờ cho tiếng chân đi xa, tôi mở cửa đi ra phía đầu nhà xem họ có để lại những gì tình nghi là chất nổ. Quan sát kỹ lưỡng một hồi lâu không thấy gì, tôi trở về cửa sổ ngay chỗ người đàn bà đứng, để coi xem người bên ngoài nhìn vào có thấy rõ bên trong không. Tuy bên ngoài có ánh nắng chói chan nhưng bên trong phòng cũng không tối, vì có ánh nắng chiếu vào và hai ngọn đèn neon 1 th 2 vẫn thấp sáng, nên chỉ cần định thần một chút là nhìn thấy rõ mọi vật trong phòng. Người đàn bà nếu không nhìn thấy tôi thì tại vì mắt kém. Ban đêm công khóa, buổi sáng mới hơn 7 giờ, đã có ai mở công chưa

mà sao họ vào nhà dễ dàng ? Ngay trước cửa phòng tôi có một sân trống phía bên phải là biển, bên trái trước mặt là một dãy nhà bỏ không, và bên trái dãy nhà bỏ không đó là một sân trống nữa, rồi đến cổng. Tôi đi theo hành lang ngăn dãy phòng tôi ở với dãy nhà bỏ không kê trên, nhìn qua sân ra cổng, thì thấy cổng đã mở.

Hình ảnh người đàn bà kém mắt, ăn mặc tồi tàn và trong tiếng thì thầm có giọng nói đàn ông, làm cho tôi ước đoán rằng đây là 2 vợ chồng ăn mày, nhân dịp Tết thấy nhà rộng, cổng mở, nên rủ nhau vào ăn xin. Kể từ lúc ấy tôi thấy đau xót và hối hận về tính đa nghi cứ nảy nở mãi trong lòng tôi theo thời gian chiến tranh để rồi trở thành y như một thiên tính, tôi hối hận là đã không kịp cho họ một chút tiền để họ được vui, dù chỉ là một thoáng vui, vào lúc sáng sớm ngày mừng một Tết. Tôi nhớ lại khi còn nhỏ, tôi đã từng nhin quà để cho người ăn xin trọn số tiền nhỏ mọn ấy, tôi nghĩ rằng cử chỉ của tôi làm cho họ ngạc nhiên vui mừng trong giây lát vì đó là điều mà họ không chờ đợi và cũng ít khi xảy ra. Nhưng càng lớn lên, sự đau khổ của xã-hội càng nhiều thì tim tôi lại càng ít rung cảm hơn, khi nghĩ rằng đau khổ mệnh mông như biển cả, sự giúp đỡ thì chỉ như hạt muối. Nghĩ như thế là ta bắt đầu yên ổn lương tâm chấp nhận sự đau khổ, vì bất lực trước đau khổ, y như khi chấp nhận bệnh ung-thư. Nhưng khi trái tim của chúng ta càng trở nên chai đá thì đau khổ của xã-hội càng

gia-tăng, chúng ta đang chứng kiến hiện tượng là tình thương chỉ có ở trong loài người đã có sự sa sút đáng kể trong lòng mỗi người Việt-Nam chúng ta. Chúng ta đã vô tình đem lại đau khổ lẫn cho nhau. Người này không muốn người kia khá, có khi còn lấy sự thất bại đau khổ của người làm cái vui của mình. Chúng ta tìm cách hãm hại nhau để tranh giành địa-vị, hay để trả thù, nhưng oán thù càng cao chúng ta càng đau khổ, và chúng ta cứ quanh quẩn mãi trong vòng hận thù mà không thoát ra được. Chúng ta là ma quỷ hay là người ?

Từ lúc thoáng nghe tiếng người thì thầm, đến lúc tôi muốn cho tiền, thời gian qua đi 5 phút, nhưng với tôi 5 phút thì họ đã đi ra khỏi cổng, không thấy bóng dáng đâu nữa. Việc xảy ra lúc hơn 7 giờ sáng đến lúc viết những giòng này là 11 giờ, tôi vẫn cảm thấy buồn buồn. Xã-hội mà tôi đang sống ngập tràn đau khổ. Tôi nhớ đến hình ảnh một gia-đình nhà quê đi bằng qua đại-lộ Trần-quốc-Toản Sài-gòn cách đây hơn một năm. Một người đàn bà trên tay bồng một đứa nhỏ, tay kia đặt chắc lên trên đầu thằng con trai để nó dẫn qua đường. Và một đứa con thứ ba nắm vạt áo mẹ chạy theo cho khỏi lạc hay xé cán.

Qua tầm vóc và hình dáng đứa nhỏ dẫn đường, tôi ước đoán thằng con trai ấy cỡ 12 tuổi và tôi cũng nghĩ rằng người đàn bà kia kém mắt. Chiến tranh đã đưa họ từ nhà quê lên thành thị, nhưng họ sẽ làm gì để

có cơm ăn áo mặc ? Đồng bào tôi đã có bao nhiêu người chết tối tăm không được ai biết tới, giữa ánh sáng của thành-phố hoa-lệ nhất miền Nam này.

Còn nhiều chuyện nữa, ba bốn bà già dắt tay nhau, băng qua đường. Xe cô nhện nhịp làm cho các bà sợ, nhưng nhiều người nắm lấy tay nhau gây cho các bà một cảm giác về sức mạnh. Các bà yên chí vững tâm tin tưởng rằng không xe nào dám một lúc cán ba bốn bà già. Và sau đây là hình ảnh của sự chết. Một chiếc áo quan có phủ lá quốc-kỳ đặt trong lòng một chiếc GMC lạnh đậu bên lề đường Nguyễn-tri-Phương một buổi sáng. Một người lính nghèo chết trận, không có thân nhân hoặc thân nhân ở xa không kịp về, nên các bạn đồng đội phải lo việc an táng. Chết đã buồn, chết trong cô đơn, không người đưa đến mộ, chết không có nước mắt của thân nhân, cái chết ấy cứ ám ảnh tâm tư tôi mãi. Thế là thêm một người nữa nằm xuống để cho người khác sống, để cho chúng ta sống, như người ta vẫn thường nói. Nhưng cái xã-hội bị chiến tranh tàn phá lâu ngày này nghĩ gì về người chết, nghĩ gì về người sống. Tôi thấy một chuỗi những danh-từ vừa kêu to vừa đẹp đẽ, nhưng đau khổ không giảm mà lại cứ tăng. Chúng ta đang sống rất độc ác trong ánh những danh-từ giả dối. Thật cũng đáng thương hại cho chúng ta.

Trưa hôm đó, trưa mùng một Tết, tôi ăn cơm với Trung-sĩ coi nhà và hai người Binh-sĩ bạn của ông ta.

Trong bữa cơm tôi có kể chuyện về hai vợ chồng người đi ăn xin. Người nghe tỏ ra biết chuyện, và đúng chính không phải hai vợ chồng mà là hai cha con. Trước kia giàu có, nhưng chiến-tranh làm cho tán gia bại sản, nên họ mất trí và sống bằng sự bố thí. Hình ảnh những người điên chợt hiện ra trong óc tôi. Mà ở đây có nhiều người điên thật. Xe đang trước chạy chậm lại, ép sang phía bên phải tôi ngỡ là có xe đụng nhau, nhưng khi đến gần thì là một người đàn ông tuổi độ 50 năm ngửa mặt phơi nắng ở giữa đường, hình như đang ngủ. Một lần khác trong khi đi thăm một trại tỵ nạn chiến-tranh trở về, một ông già hai tay đang cầm hai hòn đá đứng chặn ngay đầu xe của tôi. Nhìn ra xung quanh tôi thấy hai bên đường đông đặc một lũ trẻ con. tay cũng cầm đá. Thì ra chúng giải trí bằng cách ném đá trêu chọc ông già điên. Tôi xuống xe lại gần thì thấy mặt ông già gân guốc, với ý định kháng cự, Tôi dịu dàng dúi ông sang một bên. Chắc ông cũng chưa điên lắm, nên cử chỉ dịu dàng của tôi đã truyền cảm được sang người ông, và ông ngoan ngoãn bước qua bên cho xe tôi đi.

Người dân quê xưa kia sống với đồng ruộng, có lúa xanh, có gió mát, bây giờ trở về đây sống nhờ sự trợ cấp của Chính-phủ. Lúc này thì họ ăn có no, nhưng họ vẫn cảm thấy lạc lõng, lo lắng khi nhìn về tương lai. Rừng dừa Tam-quan bây giờ chỉ còn là những thân cây trơ trụi, không có lá xanh, không có trái, không còn bóng mát, biết bao giờ mới gây dựng lại

được ? Bảy năm sau, nhưng từ nay đến 7 năm sau ăn bằng cái gì mà sống ? Công khó nhọc của cả một đời người trôi theo cuộc chiến, Tôi thấy tiếc của và xót xa. Người dân chạy loạn vì vậy mang sẵn một tâm tư bệnh hoạn. Họ nhớ đến căn nhà yêu dấu, có khi của ông cha để lại, họ nhớ đến ruộng vườn bị phá hoại, trâu bò bị bắn chết. Cũng có người bị kẹt giữa hai làn lửa đạn, thân nhân kẻ bị thương, kẻ bị chết. họ phải bỏ tất cả để chạy lấy người. Một ngọn đèn nhỏ, vài cây hương, bên cạnh là tấm hình người con gái tuổi độ hai mươi. Chiến tranh đã làm cho bao nhiêu người chết trẻ. Tôi lại gần bàn thờ, nhìn vào tấm ảnh và hình dung ra sự đau khổ của cha mẹ cô con gái, một sự đau khổ từ lòng đất ướt đầm máu đỏ cao vút lên tới trời xanh. Như thế thì có gì lạ lạ, nếu có nhiều người trở nên mất trí, vì chiến tranh, như hai cha con người dân quê đã đến xông đất nơi tôi ở vào sáng sớm ngày mồng một Tết. Hai cha con người diên kia đi về đâu ?

Họ đi giữ ánh sáng của thành-phố, họ đi qua những cửa hàng buôn bán sang trọng, họ đi qua những quán cơm có đầy đủ thức ăn ngon nhưng tất cả đều thờ ơ lãnh đạm. Họ cô đơn, bơ vơ, lạc lõng, thiếu thốn đủ mọi thứ, thiếu cả tình thương. Rồi có lẽ một ngày kia xe rác thành-phố sẽ có dịp hốt hai cái xác dưới mái hiên của một căn nhà nào đó. Họ chết vì kiệt sức sau những ngày ăn uống thiếu thốn, và sau một đêm có lẽ nhiều mưa gió

lạnh. Ngoài kia bên phía cửa sổ tiếng sóng của một ngày xấu trời, biển động, nghe âm âm, nhưng phảng phất đâu đây, hình như trong tiếng sóng, có tiếng nước nở nghẹn ngào của những trái tim đau.

Như thế là cái Tết mà mọi người chờ đợi, một cái Tết, tuy hòa nhưng vẫn chiến, làm cho nhân tâm bất ổn, cái Tết nhạt nhẽo ấy đã đi qua. Riêng tôi nhờ bạn bè giúp đỡ, mời ăn uống, nên không đến nỗi thiếu thốn về vật chất, mà còn có thể nói là no đủ, nhưng tôi vẫn cảm thấy lẻ loi trong cái không gian mênh mông, khi đêm đã khuya một mình ngồi với bóng mình trong căn phòng nhỏ.

Tôi nghĩ đến đời sống càng ngày càng trở nên khó khăn cho những người lương thiện, tôi nghĩ đến sự sa đọa lương tâm của con người, hận thù nhiều hơn tình thương, và tôi ước mơ cầu nguyện.

Tôi cầu nguyện cho gia-đình tôi, gia-đình đồng bào tôi được no đủ, lương tâm tôi được trong sạch.

Tôi cầu nguyện để hận thù được xóa bỏ, cho tình thương xuất hiện.

Ước mơ và cũng là lời cầu nguyện của tôi nhân ngày đầu năm chỉ có thế.

TRẦN LÊ

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN



Nhức đầu
(Nhóng)
Budon
TRI:

Nhức răng nhức môi đau
lưng đau nhức lúc có
Kính Vạ



KM số 121/877/QCOP

Khi em về

Thơ VÕ VĂN LÊ

Khi em về lại đường xưa
cuối thu trời mãi giăng mưa phố buồn
tay mềm thoa nhẹ đau thương
ăn năn giờ mỗi ngón suông khăn cầu

Khi em về lại đường sâu
một mình chở mầy chuyến tàu cô đơn
tóc lênh đênh nắng đổi hờn
có ai đợi giữa triều sương lạnh lùng
ai ru nỗi nhớ vô cùng
cho em năm tháng xanh vùng lãng quên ?

em về nhạt ánh đèn đêm
lá khô khẽ động chân em thì thầm
muộn phiền mười ngón tay cầm
buồn sâu trên những vết hằn tuổi yêu.

BẦU XUÂN

Thơ LÊ NGHỊ

Bầu xuân mùa run mắt lạ
Nghe hồn hạt cát lên khơi
Nắng vàng ngủ quên khóm lá
Sông vừa chợt thức chơi vơi

Biển triều Biển triều xanh ngát
Mây xưa về thăm ghềnh này
Em xưa hội mùa ca hát
Hương chiều bướm vẫn vơ bay

Nhịp cầu bắt vào Sông Núi
Khơi dòng sương khói heo may
Còn nụ sim hồng bờ suối
Ngựa rừng đuổi nhau đồi Tây

Mỗi mùa xuân đi qua

Thơ ĐINH HOÀNG SA

Bước đời lê mệt mỗi
từng mùa xuân qua mau
xao xác bãi phi-lau
tiếng buồn rào rạt thổi.

Một mùa xuân đi qua
bến sông mờ hiu hắt
trên nhịp cầu hư vô
màu áo ai phơ phất

Mỗi mùa xuân bước nhẹ
qua trái đất buồn tênh
em còn gì để nhớ
ta còn gì để quên ?

Mùa xuân qua vội vã
một chiếc lá gầy hao
giạt bến nào xa lạ
trên giòng đời xanh xao

Mùa xuân qua lặng lẽ
còn lại một mình tôi
đứng bên bờ tàn tạ
nhìn thời gian phai phôi

Mỗi mùa xuân đi qua
điệp âm chùng nhức nhối
màu mắt nai điệu vợi
đầy một trời hoang vu.

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trên Bách Khoa số Tết Quý Sửu, trang 84, bài thơ « Trong cơn khờ nạn » của Mạc Ly-Châu có in ở câu áp chót « đua tranh », sắp lộn thành « tranh đua ». Xin sửa lại cho đúng là :

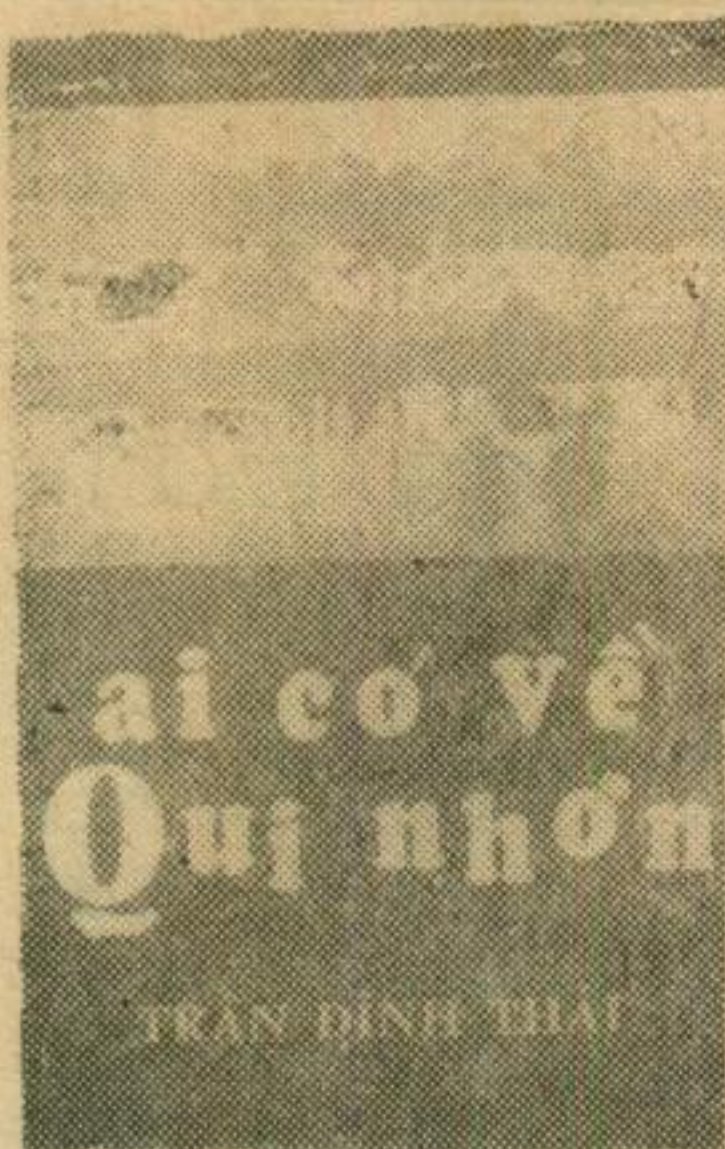
Từ giác đấu trường nồng nặc máu đua tranh

פזב

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**



- Bạn là người Bình-định tha hương ?
- Bạn muốn tìm hiểu hiện tình Tôn-giáo, Đảng-phái, Giáo-dục, Xã-hội... tại Qui-nhơn ?
- Bạn muốn thưởng thức cái thâm thúy của Tiểu Lâm, cái sắc-thái đặc biệt của Võ Bình-định ?
- Bạn muốn biết về trại cùi và nếp sống của người cùi ở Qui-hòa ?

Xin mời bạn đọc :

AI CÓ VỀ QUI-NHƠN

của TRẦN ĐÌNH THÁI

bản thường 300\$ — Nhà sách SỐNG MỚI phát hành

«... Đây là một địa dư chí đầy đủ và giá trị về thành phố Qui-nhơn, ấn loát mỹ thuật, kèm nhiều hình ảnh thật đẹp về một miền Quê hương yêu dấu được viết bởi một cây bút trẻ, một nhà thơ ».

Nhật báo SÓNG THẦN số ra ngày 27-1-73

— Nơi nào không có xin liên lạc với Nhà sách SỐNG MỚI hoặc nơi Tác giả ở Hộp thư 21, ĐT. 2777 Qui-nhơn.

- Cao Bá Quát căn cứ vào đâu mà nói rằng trong thiên hạ có bốn bồ chữ ?
 - Vượng khí một đế đô có ảnh hưởng đến sự trường tồn một triều đại hay không ?
 - Số Tử vi có khoa học và chính xác hay không ?
- Bạn đọc có thể tìm được những giải đáp cụ thể và rành mạch trong

VÂN ĐÀI LOẠI NGŨ

một cuốn Bách khoa toàn thư do nhà bác học thiên tài LÊ/QUÍ ĐÔN biên soạn.

PHẠM VŨ, LÊ HIỀN dịch và chú giải trọn bộ. MIỀN NĂM xuất bản.

— Phải đọc **VÂN ĐÀI LOẠI NGŨ** mới thấy được cái kiến thức mênh mông và trí nhớ siêu việt của Lê Quý Đôn.

Bạn đọc sẽ phải ngạc nhiên khi đọc những điều Lê Quý Đôn dẫn giải về tổ chức quân sự, về nguyên lý của âm nhạc Đông phương, về những điểm căn bản của cờ họa, của thư pháp, v.v...

Đàm thoại về giải tuyên dương...

(tiếp theo trang 21)

...với Ông Nguyễn Cao Đàm



L.T.S. Nguyễn Cao Đàm, là một nhiếp ảnh-gia tên tuổi tại Saigon mà bạn đọc Bách Khoa đều rõ. Ông là người đã tham dự hầu hết Hội đồng Giám khảo các Phòng triển lãm và các cuộc thi Nhiếp ảnh quốc gia và quốc tế tại Saigon thời đệ nhất Cộng hòa — và từ nơi đó đã phát hiện được các nhiếp ảnh gia danh tiếng sau này như Trần Cao Linh, Nguyễn Ngọc Hạnh, Khưu Từ Chấn v.v... Ông cũng là Giám khảo các Giải Văn học nghệ thuật của Tổng Thống về bộ môn Nhiếp ảnh vào những năm 1968, 1969...

— BÁCH KHOA : Thưa anh, chắc anh cũng biết có « Giải Tuyên dương sự nghiệp »... vào cuối năm 72 vừa qua và thể lệ cùng kết quả của giải này. Anh cũng đã đọc bài Bách Khoa phỏng vấn ông Giản Chi trên số vừa qua, vậy anh có ý kiến gì về các câu hỏi mà Bách Khoa đã nêu lên với Ô. Chủ tịch Hội đồng tuyên trạch của Giải Tuyên dương sự nghiệp không ?

— NGUYỄN CAO ĐÀM : Xin anh cho phép tôi dài dòng ôn trở lại Giải thưởng của chính quyền từ Đệ nhất Cộng-hòa đến nay. Từ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã có Giải Văn chương toàn quốc xét tất cả các tác phẩm văn chương, học thuật xuất bản trong thời gian một hoặc hai năm qua. Sở dĩ có riêng giải về Văn

chương là vì về Nghệ thuật như Hội họa, Điêu khắc, Nhiếp ảnh v.v... đã có những Phòng Triển lãm với các Giải thưởng riêng biệt rồi. Những giải này quả đã đáp ứng được mục tiêu « khám phá tài năng » vì về Văn chương Học thuật, các cây bút có tên tuổi sau này như Nguyễn Mạnh Côn, Thanh Lãng, Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Mạnh Bảo v.v... đều là những người đã được tặng giải. Về bộ môn Nhiếp ảnh của chúng tôi, những tên trở thành quen thuộc như Trần Cao Linh, Nguyễn Ngọc Hạnh, Lê Văn Khoa... đều là những huy chương vàng trong các cuộc Triển lãm nhiếp ảnh quốc gia và quốc tế... Bởi vậy theo tôi nghĩ, bên cạnh giải tuyên dương sự nghiệp, nên gụy trì giải khám phá tài năng mới mà ta có

thề gọi là «Giải Tuyên dương tác phẩm trong năm» chẳng hạn, cho long trọng hơn, nhưng nên lấy kinh nghiệm trước đây nghĩa là đừng bắt nộp đơn dự giải ký tên gì cả. Về văn chương, học thuật xét tất cả các sách xuất bản trong năm — các sách này đã có nộp bản rồi — tác phẩm nào xứng đáng nhất thì trao giải. Về Nghệ thuật như hội họa, điêu khắc, nhiếp ảnh v.v.. thì mở các phòng Triển lãm hàng năm. Nếu làm việc đảng hoàng thì ngay việc được trưng bày tác phẩm tại những Phòng triển lãm này đã là một vinh dự mà người làm nghệ thuật — dù đã thành danh hay mới mẻ — ai cũng mong muốn. Mặt khác, sự xét định của Ban Giám khảo có thêm sự phê phán nhận định của công chúng thưởng ngoạn, tất sẽ được thận trọng nhiều hơn.

Tôi rất đồng ý với ông Giản Chi là không nên vì e ngại người trúng giải không chịu nhận giải mà buộc phải làm đơn hay ký giấy gì cả. Về Giải

Khám phá, nếu sau khi tiếp xúc, người trúng giải không nhận thì dành giải đó cho người kế tiếp. Về Giải Tuyên dương, nếu không nhận, thì dành cho năm sau, kể như năm đó không ai trúng giải cả.

Tôi cũng xin thêm là Giải thưởng toàn quốc này nên được Quốc-hội biểu quyết số tiền thưởng hàng năm và ghi vào Ngân sách. Tổng Thống, Thủ Tướng, các Bộ Văn hóa, Giáo dục v.v., nếu tặng thêm vào ngân khoản này cho nhiều hơn nữa thì càng hay, và càng có nhiều giải thưởng càng khích lệ được nhiều anh em văn nghệ sĩ.

Mặt khác tôi thấy việc tổ chức Giải thưởng giao cho một Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa thì nặng nhọc quá, nên san trách nhiệm tổ chức cho cả Hội đồng Văn hóa Giáo dục và Bộ Giáo dục nữa thì chắc kết quả sẽ mỹ mãn hơn.

R.K. ghi lại

TIN BUỒN

Nhà thơ **PHAN PHỤNG THẠCH** (PHAN NGỌC THẠCH)
Giáo sư Trung học Nguyễn Hoàng, Quảng Trị, đã từ trần tại
Đà Nẵng ngày 24-2-1973.

*Xin thành kính phân ưu cùng tang quyến và cầu nguyện
linh hồn anh được siêu thoát.*

Lê Ngô Châu, L.M. Nguyễn Ngọc Lan, Đông Trình,
Đoàn Huy Giao, Nguyễn Tịnh Đông, Trần Dzure, Vũ
Hữu Định, Thành Tôn, Hoàng Lộc, Đĩnh Trâm Ca,
Tần Hoài Dạ Vũ, Đỗ Từ Nhơn.

Sách báo mới

— Sự biến đổi cơ cấu của quốc tế công pháp của Giáo sư Wolfgang Friedmann, Bản dịch của Tạ Văn Tài, do Hiện Đại xuất bản và gửi tặng. Sách dày 244 trang gồm 17 chương phân tích diễn trình biến đổi trong sự bang giao giữa các quốc gia và nhấn mạnh vai trò của Quốc tế Công pháp trong thế giới hiện tại. Giá 250đ.

— Tóc mây truyện dài của Lê Hằng do Tò hợp Gió xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 296 trang, trình bày đẹp, nội dung lôi cuốn. Bản đặc biệt.

— Chưa tắt nụ cười, truyện Tuổi Hoa, loại Hoa Tím, của Nguyễn Sỹ Nguyên, do nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 110 trang, bìa của họa sĩ Vi Vi. Giá 120đ.

— Tử Đinh Hương, truyện Tuổi Hoa, loại Hoa Tím, của Uất Kim Hương do Nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 96 trang, bìa của họa sĩ Vi Vi. Bản đặc biệt. Giá 110đ.

— Lửa thương yêu, Lửa ngục tù, tiểu thuyết nguyên tác "Spark of Life" của Erich Maria Remarque, bản dịch của Vũ Kim Thư, do Phù Sa xuất bản và gửi tặng. Tiểu thuyết về trại giam của Đức trong Đế nhị Thế chiến của nhà văn nổi danh, dày 465 trang, in đẹp. Giá 560đ.

— Những nụ tình xanh tập thơ của Phạm Chu Sa, do Đồng Dao xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 74 trang, gồm 36 bài thơ, tựa của Nguyễn Sa. Bìa Lê Vĩnh Ngọc. Bản đặc biệt. Giá 200đ.

— Chiến ca mùa hè tập thơ của Phạm Lê Phan do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 94 trang gồm 14 bài thơ trong có bài trường ca "Chiến ca mùa hè" mà Phạm Duy đã phổ nhạc, Cao Tiêu cảm đề, Tường Linh viết Bạt, Tạ Tỵ vẽ chân dung tác giả. Mẫu bìa của Vũ Thái Hòa. Bản đặc biệt "Triệu Tường".

— Thơ cho người tình tập thơ của Anh Việt Thi, do Văn Hóa thư-xã xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 54 trang gồm 24 bài thơ. Giá 200đ.

— Bài khảo sát Anh văn Tú tài II ABCD của Nguyễn Xuân Khánh và Đàm Xuân Cận do nhà xuất bản Tự Cường ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 102 trang gồm 2 phần: Cách làm bài khảo sát và ôn tập về phát âm, ngữ vựng, văn phạm, dịch văn. Giải các đề thi Tú tài II. Giá 220đ.

— Hát rừng tập thơ của Lê Nghị do Nến Hồng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in khổ 12×21 dày 36 trang, trình bày rất đẹp, tranh bìa của Dương Tấn Hồng, Trương Đại Thiên. Bản tặng. Giá 100đ.

— Đêm Giáng sinh Tình yêu, tuyển tập Thi, Nhạc, Họa khổ 12×21 gồm 26 bài thơ tình yêu, quê hương, hòa bình của: Chu Ngọc Bích, Nhã Ca, Vũ Hoàng Chương, Vi Khuê, Tuệ Mai, Lê Nghị, Phong Sơn, Nhất quốc Tâm, Trần Dạ Từ, Phạm Thiên Thư, Phạm Thiên Trường, Trữ Vũ, Phạm Duy phổ nhạc bài "Xin tình yêu giáng sinh", Dương Tấn Hồng minh họa. Giá 100đ.

Thời sự thế giới

• T U M I N H

Sau khi Hiệp-định ngưng bắn ở V.N. được ký kết tại Paris, tiếng bom đạn tuy vẫn còn nhưng đã có phần giảm bớt và đã đến lúc các nhà ngoại giao hoạt động mạnh mẽ. Tại Á châu ông Kissinger đi thăm viếng 5 quốc gia trong 2 tuần lễ để đặt nền móng cho một xã-hội Á châu hậu chiến.

Nhưng chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam không có nghĩa là Hoa-kỳ đã rảnh tay. Ngay sau đó ông Nixon đã phải đối phó với các khó khăn tài chánh và phải phá giá đồng Mỹ kim.

Tại Pháp, Hội nghị quốc tế về Việt Nam được triệu tập trong lúc chính phủ Pháp đang lo việc tranh cử. Tuy vậy người ta vẫn cố gắng tạo những điều kiện tốt đẹp cho Hội nghị được dễ thành công.

Cuộc Á du của Henry Kissinger

Sau khi Hiệp-định Paris được ký kết để chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam thì ông Kissinger được Tổng Thống Nixon cử sang Á châu để thăm viếng 5 quốc-gia hầu giải thích chính sách của Hoa-kỳ và tìm cách bình-thường-hóa liên lạc giữa Hoa-kỳ và các nước Cộng-sản Á châu.

Trước hết Kissinger đã tới Nhật, Thái-lan và Lào là 3 nước bạn và đồng minh của Hoa-kỳ. Tại 3 nước này ông Kissinger có nhiệm vụ trấn

an các vị lãnh-tụ địa-phương vì tại Á châu người ta đều tỏ ý ngần ngại trước việc Mỹ giải kết ở vùng này. Thái-lan là một nước đang bị Cộng-sản đe dọa tại miền Đông Bắc. Chính phủ Thái ngại rằng khi phe Cộng-sản bị ngăn chặn ở Việt-Nam thì họ lại tìm cách bành trướng ở nước khác. Sau khi vấn đề Việt-Nam được tạm thời giải quyết thì rất có thể vấn đề Thái-lan lại được đặt ra. Tại Vọng-các, ông Kissinger đã hết sức thuyết phục Thủ-tướng Kittikachorn rằng Hoa-kỳ vẫn tiếp tục đóng quân trên đất Thái để bảo vệ an ninh cho nước này.

Tại Nhật ông Kissinger có nhiệm vụ thảo luận với các nhà lãnh đạo nước này về vai trò chính trị và kinh tế mà Mỹ muốn Nhật đóng tại Á châu vào thời hậu chiến. Hơn nữa ông Kissinger còn muốn thăm dò thái độ của Nhật vì trong bang giao với các nước Cộng-sản, Nhật đã đi xa hơn Hoa-kỳ bằng cách thiết-lập liên lạc ngoại-giao và trao đổi Đại-sứ với Trung Cộng. Hoa-kỳ muốn được Nhật thay thế trong vai trò canh sát Á-châu nhưng Hoa-kỳ không muốn một « trục » Đông-kinh — Bắc-kinh được thành lập. Vì một « trục » như vậy sẽ hết sức bất lợi cho quy-chế lãnh-tụ thế-giới của Hoa-kỳ.

Tại Lào thì sứ mạng của ông Kissinger còn tế-nhị hơn nữa. Trước hết ông sang Lào để tìm cách dàn xếp một cuộc ngưng bắn tại nước

này. Ngưng chiến tại Lào là một thành phần của kế-hoạch hòa-bình của Mỹ tại Việt Nam. Việt Nam chỉ có thể có hòa-bình trường cửu nếu phe Cộng-sản không dùng lãnh-thò Lào để chuyển viện-trợ quân sự vào Việt Nam. Trong khi chờ đợi ngưng bắn được ký kết ở Lào, không quân Mỹ đã gia-tăng mức độ oanh tạc rất nhiều từ khi chiến tranh chấm dứt ở Việt Nam. Sau khi ông Kissinger trở về Hoa-thịnh-đốn thì một thỏa-hiệp ngưng bắn đã được ký kết ở Lào.

Sau đó ông Kissinger đã qua Hà-nội để tìm cách hàn gắn những vết thương chiến tranh và tái thiết miền Bắc chiếu điều 21 của Hiệp-định Paris. Ông Kissinger đã lưu lại Hà-nội trong 3 ngày và đã có nhiều cuộc hội đàm lâu dài với các lãnh tụ Bắc-Việt.

Nếu trên nguyên tắc, cả Bắc-Việt lẫn Hoa-kỳ đều thỏa thuận về vấn-đề tái thiết thì phương-thức viện-trợ của Mỹ vẫn là một vấn đề chưa được giải quyết. Tuy Mỹ loan báo là dự tính bỏ ra 7 tỷ rưỡi Mỹ-kim để tái thiết toàn cõi Đông-Dương trong đó Bắc Việt được hưởng 2 tỷ rưỡi, nhưng người ta chưa biết số tiền này sẽ được quản-trị ra sao? Hà-nội muốn rằng Mỹ trao thẳng tiền cho họ để họ làm gì thì làm trong khi luật-lệ Hoa-kỳ lại bắt buộc là việc sử dụng mọi nguồn ngoại-viện Mỹ phải có sự kiểm soát của người Mỹ. Ngoài ra Hà-nội còn đòi là nếu Mỹ viện trợ cho Nam Việt thì phải trao tiền cho Hội-đồng Quốc-

gia Hòa-giải và Hòa-hợp Dân-tộc để Việt-cộng không bị mất phần. Nhưng Hoa-kỳ không thể chấp nhận được yêu-sách này vì Hội-đồng này không phải là một cơ-quan chính-quyền. Và dù Mỹ có bằng lòng thì chính phủ Saigon cũng sẽ chống đối đến cùng.

Vấn đề viện-trợ Mỹ cho Bắc-Việt hiện giờ chỉ mới ở trong lãnh-vực hoàn toàn lý-thuyết, vì Quốc-hội Mỹ không chịu viện trợ cho Bắc Việt. Dân biểu Dân chủ Wayne L. Hays chống đối việc cho tiền bọn «sát nhân ở Hà nội» và Thượng Nghị-sĩ Hubert Humphrey tuyên bố là ông không thể ủng hộ việc tái thiết Hà-nội và Hải-phòng trong khi một vài khu của Hoa-thịnh-đốn bị phá phách trong các vụ nổi loạn của dân da đen năm 1968.

Nhưng dù Quốc-hội Hoa-kỳ có chống đối đi nữa thì viện trợ cho Bắc Việt vẫn sẽ được chính phủ Hoa-thịnh-đốn đẩy mạnh vì đó là một phương tiện để chi phối Bắc Việt và để ngăn chặn ảnh hưởng của Nga và Trung Cộng tại nước này.

Tại Bắc-kinh ông Kissinger đã gặp một bầu không khí thoải mái hơn. Đây là lần thứ 5 ông sang Hoa-lục nên đã quá quen thuộc với Mao-Trạch-Đông và Chu-Ân-Lai. Kết quả cụ thể nhất của chuyến viếng thăm này là Trung-Cộng và Hoa-kỳ sắp trao đổi Văn-phòng liên-lạc có quy-chế ngoại-giao.

Hoa-kỳ phá giá đồng Mỹ-kim.

Ngày 16-2 vừa qua Hoa-kỳ đã quyết định hạ giá đồng Mỹ-kim

khoảng 10% : Như vậy so với vàng thì một lượng (Ounce) vàng đã từ 38 Mỹ kim lên tới 42, 22 Mỹ kim. Đây là lần thứ hai trong vòng 14 tháng mà Mỹ phá giá đồng Mỹ kim.

Sở dĩ Mỹ phải đi tới biện pháp này là vì sau khi phá giá đồng Mỹ-kim vào tháng 12-1971 tình hình tài chánh Mỹ vẫn chưa được cải tiến, cán cân chi phí vẫn tiếp tục bị chênh lệch. Mỹ phải trả tiền ra ngoài nhiều hơn là thu tiền về. 2/3 số tiền Mỹ nợ ngoại quốc là nợ Nhật. Vì vậy mà khi đồng Mỹ kim sụt giá, số nợ của Mỹ đối với Nhật giảm đi mà hàng hóa Mỹ sẽ có giá rẻ hơn trên thế giới, nên có thể cạnh tranh được với hàng Nhật. Với hàng hóa bán được nhiều hơn, kỹ-nghệ Mỹ hoạt động thêm và cung cấp thêm việc làm cho dân Mỹ.

Nếu các nước khác cũng hạ giá tiền của họ cùng một lúc thì biện pháp ngày 16-2 của Mỹ sẽ hết hiệu nghiệm. Vì vậy mà trước khi quyết định, Mỹ đã phải cử Thứ-trưởng Tài chánh Paul Volcker tới Âu châu đề thương thuyết với các Tổng-trưởng Tài-chánh Pháp, Đức, Anh, Ý và đại diện Nhật, đề xin các nước này chấp thuận cho Mỹ phá giá tiền của Mỹ. Sau nhiều ngày thảo luận các nước này đã bật đèn xanh cho Mỹ phá giá đồng Mỹ-kim. Nhưng người ta vẫn e ngại rằng Mỹ sẽ dần dần đi tới một chính sách bảo vệ hàng hóa trong nước bằng cách trợ cấp xuất cảng, hạn chế nhập cảng, nâng cao hàng rào quan thuế thì nền thương mại quốc tế sẽ bị thương tổn rất nhiều.

Pháp chuẩn bị bầu cử Quốc-hội

Ngày 4-3 tới, cử tri Pháp sẽ bầu Quốc-hội nhiệm kỳ mới. Trước viễn tượng này, Tổng Thống Georges Pompidou đã tỏ ra hết sức lo âu. Ông ngại rằng Liên-hiệp tả-phái qui tụ hai đảng Cộng-sản và Xã-hội sẽ thắng và phe theo tướng De Gaulle sẽ bị thiểu số. Đảng của Tướng De Gaulle luôn luôn nắm đa số và cầm quyền từ 15 năm nay. Nhưng từ khi De Gaulle qua đời các lãnh tụ của đảng ông không đủ uy tín để xiết chặt tình đoàn kết giữa các người dân Pháp và để duy trì uy quyền cho chính thề.

Nhiều vụ tai tiếng đã bùng nổ như các dân biểu của đảng De Gaulle hối mại quyền thế, các vụ lường gạt gian lận trong kỹ nghệ xây cất v.v... Tuy dưới triều đại của De Gaulle uy tín quốc tế của Pháp được phục hưng và kinh tế trong nước mở mang mạnh mẽ nhờ sự tham gia Thị trường chung, nhưng 1/3 giới công nhân vẫn phải chịu số lương thấp kém trong khi số người thất nghiệp gia tăng và trên 2 triệu rưỡi người già cả thôi làm việc, được trợ cấp với một số lương không đủ sống.

Hơn nữa người dân Pháp có tính tình bất ổn. Đối với họ 15 năm dưới quyền cai trị của đảng De Gaulle đã là quá đủ, nên họ muốn chính quyền phải thay đổi bộ mặt. Lợi dụng tâm trạng này ông Mitterand, một người đã từng làm Tổng trưởng của Đế tư Cộng-hòa và là Lãnh-tụ đảng Xã-hội.

liên kết với đảng Cộng-sản đề lập ra Liên-hiệp Tả phái. Liên-hiệp Tả phái được dân chúng ủng hộ rất nhiều nên ngay tờ báo thân chính quyền Figaro hay tờ báo thiên hữu Aurore mà cũng đã tiên đoán rằng đảng De Gaulle chỉ lợm được có từ 35 tới 37% cử tri mà thôi trong khi Liên-hiệp Tả phái sẽ thâu được khoảng 47% số phiếu.

Nếu tình trạng này xảy ra thì nước Pháp sẽ bước vào một giai đoạn suy nhược vì với một Tổng Thống thuộc đảng De Gaulle và một đa số dân biểu thuộc hai đảng đối lập, chính quyền sẽ ở vào thế bế tắc. Trước nguy cơ này, Tổng-Thống Pompidou, quên rằng vai trò của vị nguyên-thủ quốc gia là phải đứng trên các đảng phái, nên đã nhảy vào chính trường cảnh cáo quốc dân là nếu Tả phái thắng thì nước Pháp sẽ rơi vào một tình-trạng rối ren.

Trong khi đó cả ông Mitterand, lãnh tụ Xã-hội lẫn ông Georges Marchais, lãnh tụ Cộng-sản đều cố đưa ra một bộ mặt hiền lành và hứa rằng sẽ duy trì chế độ tư bản và chỉ cải-tạo xã-hội để tạo lập công bằng mà thôi. Nhưng nếu Tả phái thắng kỳ này thì một cuộc phiêu lưu chính trị đang chờ đợi nước Pháp.

Hội-nghị quốc-tế về Việt-Nam

Trong khi dân chúng Pháp đang sôi nổi về cuộc bầu cử sắp tới, kẻ bên Pompidou, người thích Mitterand thì Hội nghị Quốc-tế về Việt-Nam được khai-mạc tại chính thủ-đô

Pháp vào 10 giờ ngày 26-2-1973, tức là đúng một tháng sau khi Hiệp-định ngưng bắn được ký kết.

Chiếu điều 19 của Hiệp-định Paris thì trong vòng 1 tháng sau khi Hiệp-định này được ký kết thì một Hội-nghị Quốc-tế sẽ được triệu tập với sự tham dự của 13 phái đoàn là 4 phe liên-hệ trong cuộc chiến tranh Việt-Nam, 4 quốc gia hội-viên thường trực Hội-đồng Bảo-an Liên-hiệp-quốc, (Mỹ vừa là quốc gia liên-hệ vừa là Hội-viên thường-trực H Đ B A), 4 quốc-gia trong Ủy-hội Quốc-tế và Tổng Thư-ký Liên-Hiệp-Quốc. Hội-nghị này có nhiệm vụ ghi-nhận và bảo-đảm hòa-bình ở Việt-Nam.

Nước Pháp đóng vai chủ nhà đã dốc toàn lực ra để tổ chức Hội-nghị một cách chu đáo. Trong phòng khánh tiết của khách-sạn Majestic người ta đặt một cái bàn hình vành khăn dài 29,9 thước và có đường kính 9,5 thước. Bàn phủ thảm màu vàng úa để cho phù hợp với 6 màn cửa màu vàng rơm. Trên tường lát gỗ theo kiểu Louis 16 màu sẫm nhạt. Để cho quan khách ngoại quốc được hưởng đủ tiện nghi sang trọng, chính-phủ Pháp đã mang từ điện Versailles tới những chiếc kỷ và ghế cò kính từ thời Napoléon để trang-bị cho phòng giải-lao.

Trong phòng hội một hệ-thống phiên-dịch liên tức khắc, được đặt để dịch 5 thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Tàu và Việt. Các phái đoàn Việt Nam phải mang thông-dịch-viên tới còn việc phiên dịch 4 tiếng kia thì được các thông-dịch-viên Liên-Hiệp-Quốc đảm nhận.

Tuy đủ tiện nghi như vậy nhưng người ta vẫn không tránh khỏi các khó khăn mà đến phút chót người ta mới giải quyết xong. Trước hết là vấn đề chủ tọa, sau nhiều cuộc cãi vã người ta đã thỏa thuận để Gia-nã-đại và Ba-lan thay phiên nhau chủ tọa. Sau đó là vấn đề nhìn nhận nhau. Mọi số lớn các quốc gia tham dự không có liên lạc ngoại-giao với nhau. Ngồi chung với nhau có thể bị hiểu lầm là họ nhìn nhận nhau. Vì vậy mà các nước tham dự đã thỏa thuận

nguyên tắc là tham dự hội nghị không có nghĩa là thừa nhận lẫn nhau.

Sáng ngày 26-2 ông Micheel Sharp, Tổng-trưởng Ngoại-giao Gia-nã-đại đã khai mạc hội nghị và sau đó nhường lời cho ông Maurice Schumann, Ngoại-trưởng Pháp, chào mừng các phái đoàn. Sau đó phiên họp công khai chấm dứt, các phái đoàn nghị giải lao đề rồi sẽ họp kín không có sự hiện diện của các báo chí.

TỪ MINH

Công thức mới
Thuốc mới

hemocalcium

B12

trị SUY YẾU - CHẬM LỚN
KÉM ĂN - THIẾU MÁU



hemocalcium B12



SIFAPP SINGON

Có chất Sorbitol để giúp cho
sự thẩm thấu sinh tố B12
qua màng ruột mà không bị
tiêu hao.

bán tại các nhà thuốc tây

Công thức môn
thuốc mới :

HÊMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
thấu sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

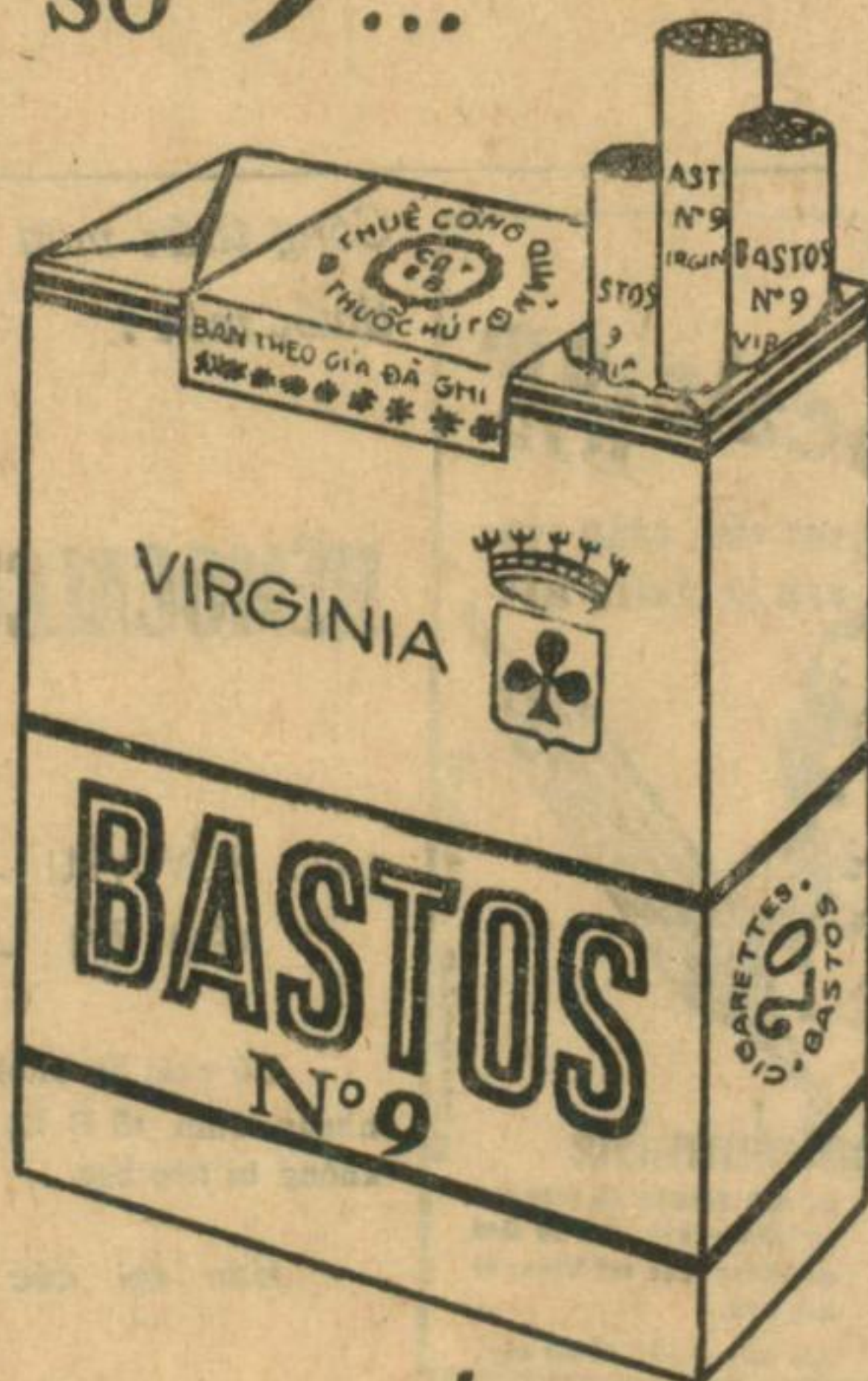
TIN MỪNG

Được tin bạn ĐOÀN VIỆT HÙNG nhà văn Nguyễn Lê Uyên) thành hôn với cô giáo NGUYỄN THỊ HOA tại Gò Công ngày 15-3-1973.

Thân chúc UYÊN và ƯƠNG hạnh phúc một đời,

LÊ NGỘ CHÂU, ĐỖ NGHÊ, TRẦN HOÀI THU
LỮ QUỲNH, LỮ KIỀU và anh em Ý THỨC.

số 9 ...



... LÃ THUỐC THƠM
CỦA BẠN

THỜI SỰ KHOA HỌC

Thuốc lá và tình dục.

Chưa bao giờ điều thuốc lá bị tấn công dồn dập đến thế, kể từ ngày nó theo chân bọn người da trắng đến từ các bộ lạc da đỏ ở Mỹ châu đến gia nhập vào trong nếp sống của xã hội văn minh Âu châu. Cuộc xâm lấn của nó không ngừng và cho đến ngày nay, lấy một nước như nước Pháp làm trường hợp điển hình, có đến 3 phần 4 đàn ông Pháp và 1 phần 3 phụ nữ Pháp hút thuốc, trong số phụ nữ đó có hơn 66 phần trăm là các cô gái từ 15 đến 20 tuổi. Con số này còn lên cao hơn nữa ở các nước khác, nhất là ở Mỹ.

Trước con số tiêu thụ thuốc lá lớn lao của quần chúng, các cơ quan y-tế đã phải tìm hiểu ảnh hưởng của nó trên sức khỏe con người ra thế nào. Từ năm 1936, ông Alton Ochsner một nhà bác học người Mỹ đã nêu lên lần đầu tiên sự liên quan giữa thuốc lá và bệnh ung-thư phổi.

Nhiều con số thống-kê thiết lập từ nhiều nơi trên thế giới đều chứng nhận điều đó. Tuy vậy nó không làm cho khách hàng của mấy hãng thuốc lá bị sút giảm chút nào. Kể ghiền thuốc Salem dù có đọc đến hàng chữ «Hút thuốc có thể có hại cho sức khỏe» («Smoking may be hazardous to your health») ghi trên mỗi bao thuốc thì cũng không phải vì thế mà bỏ tạt ghiền.

Công cuộc khảo cứu về độc tính của thuốc lá vẫn được tiếp tục và gần đây các nhà chuyên môn trên thế

giới đều đồng ý thuốc lá có thể làm giảm khả năng tình dục của người đàn ông xuống một cách đáng kể. Những cuộc thí-nghiệm dựa trên các nguyên tắc nhiệt-học hoặc các bức hình bằng tia hồng-ngoại cho thấy lượng Nicotine trong máu làm co các mạch máu ngoại biên, dù lượng này ở một mức rất thấp như khi chỉ hút có một điếu thuốc. Hiện nhiên là hiện tượng này, khi xảy ra ở cơ quan sinh dục, sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng sinh lý của người đàn ông. Một vài kinh nghiệm cho thấy là nhiều kẻ nghiện thuốc nặng đã bị bất lực và lý do của sự bất-lực giờ đây đã có thể giải thích được

Kết quả của lời tuyên bố trên thật rõ ràng, số tiêu thụ thuốc lá bị giảm ngay từ 5 tới 10 phần trăm. Thì ra thiên hạ sợ bị «yếu» hơn là sợ bị ung thư phổi !

Chim và máy bay

Đối với loại máy bay phản lực, các chú vịt trời là một đe dọa nguy hiểm và bất ngờ không kém nạn không-tặc. Một chú vịt trời tình cờ bay lọt vào ống một máy phản-lực có thể làm cho máy bay đâm đầu xuống đất một cách dễ dàng. Muốn tránh mấy chú thật không phải là chuyện dễ vì vịt trời không phải là máy bay mà có lộ trình nhất định, các chú bay tùy hứng. Máy radar thông thường chỉ có thể phát giác từng bầy đông đảo và trong một khoảng cách khá gần. Các trung-tâm kiểm-soát đường bay đã phải phát minh ra một loại radar

mới đề có thể phòng ngừa các tai nạn do chim gây ra.

Trong hệ thống radar mới này, tia dội lại sẽ bị thay đổi tần-số chút ít tùy vào vật mà nó chạm vào. Nhờ vào sự thay đổi đó mà người ta có thể xác định rõ hình dáng và cử động của vật cần theo dõi. Mỗi loài chim đều có cách đập cánh khác nhau, như vậy đối với hệ thống radar này sự phân biệt không còn khó khăn nữa.

Khi hệ-thống được hoàn-háo-hóa trong vòng một năm nữa, tầm hoạt động của nó có thể bao trùm một vùng bán kính tới 10 dặm.

Một phong trào mới : chữa bệnh về tình dục.

Hai năm sau ngày phát hành cuốn sách «Sự khiếm khuyết về tình dục con người» của hai tác giả Masters và Johnson, hiện có một phong trào chữa bệnh về tình dục đang bành trướng ở Mỹ. «Sex clinic» (Phòng chữa bệnh về tình dục) có mặt ở hầu hết các bệnh viện tân tiến. Môn đệ của Masters và Johnson càng ngày càng nhiều Lý thuyết của bậc thầy khi ra

áp dụng đã được chế biến ít nhiều tùy theo sáng kiến và can đảm của mỗi người.

Trong phần đông các phòng chữa bệnh kiểu này, chính bác-sĩ điều khiển trực tiếp phần thực tập giữa hai người nam nữ sau khi đã dạy họ về lý thuyết qua các hình nộm hoặc hình vẽ. Nếu công cuộc chữa trị có vẻ thành công, cơ thể của hai người đã đáp ứng các cách kích thích được chỉ dạy thì giai đoạn chót sẽ được thực hiện tại nhà. Có nhiều nơi bác sĩ còn dùng đến các huấn luyện viên nữ để tập cho các ông độc thân. Cuộc thực tập không phải tượng trưng mà là đến nơi đến chốn đáng hoàng khiến dư luận đang phân vân không hiểu nên coi đó là một hành động trị liệu y khoa thuộc thẩm quyền của một vị bác sĩ hay phải còn đó là một hành động vô huân có tính cách mãi dâm núp dưới những danh từ đẹp đẽ.

Không ngờ đám con cháu của Adam và Eva lại có ngày phạm tội tởm một cách khó khăn đến như vậy.

TỬ DIỆP

Photo HỒNG - VÂN

Kiosque 31, Đại lộ Nguyễn Huệ — SAIGON

- Mua bán phim ảnh và in, rửa đủ loại phim màu và đen trắng.
- Mua bán đủ loại máy ảnh, máy chiếu phim 8 và 16 ly.
- Nhận sửa chữa đủ các loại máy ảnh và máy chiếu bóng.
- Photocopie.

● BẢO ĐẢM NHANH CHÓNG VÀ GIÁ HẠ

Sắp phát hành :

BẠCH TẦN

truyện của Tỉu Vu, bản dịch Vi Huyền Đắc

BỨC BÌNH PHONG

của S. Maugham, Nguyễn Minh Hoàng dịch

MƯU SINH

của Maxime Gorki, Trương Đình Cử dịch

PHI LẠC SANG TÀU

của Hồ Hữu Tường

DỊCH CÁT

truyện của Nguyễn Văn Xuân

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

HỘP THƯ

Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Trần Châu Kỳ (thơ), Ngọc Thùy Khanh (thơ), Mai Quế Phương (thơ), Hòa Long (thơ), Tniệu Thư (Cảm nghĩ cuối năm, thơ), Thann Hiện (thơ), Khắc Minh (thơ), P.T.H. (thơ), Hà Vũ Giang Châu (thơ), Phạm Cao Hoàng (thơ), Nam Chữ (thơ), Hồ Minh Dũng (Cánh phù dung tháng Chạp), Nguyễn Tường Văn (thơ), Trần Duyên Hiền (thơ), Hoàng Mặc Thành (thơ), Lê Minh Hớn (thơ), Trịnh Khả Nguyên (Tiếng chuông Giáo đường) Lê Đông Tùng (thơ), Cao Nhật Quyên (thơ), Đoàn Khôi (Cây lúa và nhà nông), Võ văn Lê (thơ), Phan Tam Khôi (thơ), Lan Huệ Em (thơ), Huỳnh Minh Hiền (thơ), Huỳnh Kim Sơn (thơ), Lê Sa (thơ), Quách Nhân (thơ), Hà Đức Thông (thơ), Trần văn Sơn (Cần một ý thức hệ cho người Việt Quốc gia), Trần Quý Sách (Nhà Hoa ; Người đàn bà giữa đồng lúa Kirivung), Vô ưu (Nụ cười mê hoặc), Toàn Mỹ (thơ), Vũ Khắc Niệm (thơ), Trần Vạn Giã (thơ), Trung Ngự (thơ), Hoàng Yên Sơn (thơ), Cao Trần (thơ), Văn Nhược Ba (thơ ; Hòa điệu), Bùi Hoa Khê (thơ), Nguyễn Chắt (thư Xuân cho Bé), Thương Hoài Anh (thơ), Lương Chiêm Trinh (thơ), Hà Huyền Hoa (thơ), Trần Lưu An (thơ), Dương Ann Sơn (Cuối cơn ngày tháng), Đào Duy Thy (thơ), Vũ Hưng Thanh (thơ), Nguyễn Thanh Tịnh (thơ), Nguyễn Tam Cương (thơ), Dã Tràng (thơ), Mộ Chí (thơ), Ngô Mộng Quyên (thơ), Hồ Kinh

Dinh (thơ), Hoàng Điệp (thơ), Phạm Trung Khâu (thơ), Hữu Đông (thơ), Trần Dạ Lữ (thơ), Đạm Như (thơ), Trần Tường Trình (Hạnh phúc của hai trái tim buồn), Nguyễn Tiến Cung (thơ), Quốc Phương (thơ), Trần Hữu Nghiễm (thơ), P. Trinh Nguyên (thơ), Văn Xuân Ty (thơ), Mộc Tùng (thơ), Linh Thanh (thơ), Từ Nguyên Thủy (thơ), Lương Hữu Chính (thơ), Thị độ Opt (Mùa xuân trong trí nhớ), Cao Trường Huy (thơ), Trần Nguyên Vũ (thơ). Mang Viên Long (Chiều cuối năm trên sông Đá bàn). Dương Linh (thơ).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắc tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài gửi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề thêm tên thực và ghi lại cho địa chỉ hiện tại đề tiện liên lạc.

Sách mới

— *Thiên Thu Ca tập thơ của Ngô Nguyên Nghiễm do Khai Phá xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 2 của tác giả dày 84 trang gồm 16 bài thơ, phụ bản Lưu Nhữ Thụy, trình bày đẹp. Bản đặc biệt. Giá bán thường. 250đ.*

— *Thế giới sử hiện đại lớp 12 ABCD do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 122 trang, gồm 13 chương đề cập đến các nước Trung hoa, Nhật bản, Ấn độ, Anh, Pháp, Hoa-kỳ, Nga, Đức, Ý và hai cuộc Thế-chiến. Phụ lục : chế độ C.S. ở Hoa lục. Giá 200đ.*